

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ MINH TRÀ

**DI SẢN KHẢO CỔ HỌC  
TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI  
(QUA NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP KHU TRUNG TÂM  
HOÀNG THÀNH THĂNG LONG - HÀ NỘI)**

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI, 2016

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ MINH TRÀ

**DI SẢN KHẢO CỔ HỌC  
TRONG BỐI CẢNH ĐƯỜNG ĐẠI  
(QUA NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP KHU TRUNG TÂM  
HOÀNG THÀNH THẮNG LONG - HÀ NỘI)**

**Chuyên ngành: Văn hóa học**

**Mã số: 60 31 06 40**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HÓA HỌC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS. TS. PHẠM QUỲNH PHƯƠNG

**HÀ NỘI, 2016**

## **LỜI CẢM ƠN**

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến PGS.TS. Phạm Quỳnh Phương đã tận tình hướng dẫn tôi trong quá trình thực hiện luận văn. Những ý kiến định hướng, góp ý của cô góp phần quan trọng giúp tôi hình thành ý tưởng và xây dựng nội dung luận văn này.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn Ban Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành đã tạo điều kiện về thời gian, công việc trong quá trình thực hiện luận văn. Tôi cũng chân thành cảm ơn các bạn bè, đồng nghiệp, Phòng Thông tin - Thư viện đã giúp tôi có được những thông tin, tư liệu hữu ích để hoàn thành luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Học viện Khoa học xã hội, Phòng Đào tạo, Văn phòng khoa Văn hóa học và Thư viện Học viện Khoa học xã hội đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong thời gian học tập và hoàn thành chương trình.

*Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2016*

**Tác giả luận văn**

**Lê Thị Minh Trà**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình sưu tầm và nghiên cứu của riêng tôi. Các dữ liệu và kết quả nghiên cứu được nêu trong luận văn là trung thực. Những đóng góp khoa học mới được đề cập đến trong luận văn chưa từng được ai công bố trong công trình khoa học nào.

*Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2016*

**Tác giả luận văn**

**Lê Thị Minh Trà**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>                                                                                            | <b>1</b>  |
| <b>Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DI SẢN KHẢO CỔ HỌC .....</b>                                               | <b>9</b>  |
| 1.1. Khái niệm Di sản văn hóa và các loại hình di sản văn hóa.....                                             | 9         |
| 1.2. Khái niệm Di sản khảo cổ học .....                                                                        | 12        |
| 1.3. Các quy định quốc tế và quốc gia về di sản văn hóa vật thể và di sản khảo cổ học .....                    | 14        |
| 1.4. Khái quát chung về di sản khảo cổ học tại Việt Nam.....                                                   | 20        |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 1 .....                                                                                        | 25        |
| <b>Chương 2: KHU TRUNG TÂM HOÀNG THÀNH THĂNG LONG - HÀ NỘI, DI SẢN &amp; THÁCH THỨC .....</b>                  | <b>26</b> |
| 2.1. Tổng quan chung về Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội .....                                    | 26        |
| 2.2. Con đường trở thành di sản thế giới của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội .....               | 34        |
| 2.3. Thực trạng của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội sau khi được công nhận di sản thế giới ..... | 47        |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 2 .....                                                                                        | 56        |
| <b>Chương 3: DI SẢN KHẢO CỔ HỌC VIỆT NAM &amp; MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI.....</b>          | <b>57</b> |
| 3.1. Tranh chấp giữa bảo tồn và phát triển.....                                                                | 57        |
| 3.2. Những vấn đề của chính sách đối với di sản khảo cổ học .....                                              | 61        |
| 3.3. Sự yếu thế của di sản khảo cổ học trong hệ thống di sản văn hóa vật thể .....                             | 65        |
| 3.4. Sức sống của di sản khảo cổ học trong đời sống cộng đồng .....                                            | 66        |
| 3.5. Những khó khăn trong việc bảo tồn di sản khảo cổ học .....                                                | 74        |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 3 .....                                                                                        | 77        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                          | <b>78</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>                                                                                | <b>81</b> |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                                                                 |           |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là quốc gia có nguồn tài nguyên về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khá đa dạng, phong phú. Tính đến năm 2015, Việt Nam đã sở hữu một số lượng lớn các di sản thế giới đã được UNESCO công nhận như *08 di sản văn hóa - thiên nhiên*, gồm: quần thể di tích Cố đô Huế (1993), Vịnh Hạ Long (1994, 2000), Đô thị cổ Hội An (1999), Khu đền tháp Mỹ Sơn (1999), Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng (2003), Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long (2010), Thành nhà Hồ (2011) và Quần thể danh thắng Tràng An (2014); *07 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*, bao gồm: Nhã nhạc – âm nhạc cung đình Huế (2008), Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên (2008), Quan họ Bắc Ninh (2009), Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc (2010), Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ (2012), Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam bộ (2013), Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh (2014); *02 di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp* gồm: Ca trù (2009) và hát Xoan Phú Thọ (2011); và *04 di sản tư liệu*: Mộc bản triều Nguyễn (2009), Bia đá các khoa thi tiến sỹ triều Lê và Mạc (2011), Mộc bản kinh Phật Thiền phái Trúc Lâm chùa Vĩnh Nghiêm (2012) và Châu bản triều Nguyễn (2014).

Các di sản nói chung và di sản văn hoá nói riêng là báu vật của quốc gia, là tài sản văn hóa vô giá, lưu giữ những giá trị, bản sắc dân tộc quan trọng. Xét về ý nghĩa dân tộc, di sản văn hoá như một lực lượng, một yếu tố trọng yếu khẳng định vị thế dân tộc, là biểu trưng hun đúc niềm tự hào cho muôn thế hệ. Xét về giá trị kinh tế, thì đây là một tặng phẩm vô giá, những mỏ vàng vô tận mà thiên nhiên và cha ông để lại cho cháu con.

Trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, giao lưu văn hóa sôi động, phức tạp và đa chiều trên phạm vi thế giới thì việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với quá trình tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội là một vấn đề cấp thiết, song cũng đầy phức tạp và thách thức.

Khu di tích khảo cổ học Hoàng thành Thăng Long nằm giữa lòng thủ đô Hà Nội, trong khu vực trung tâm chính trị Ba Đình được xuất lộ thông qua cuộc khai quật khảo cổ học vào những năm 2002 - 2004 với những tầng lớp di tích, di vật chồng xếp, đan xen thuộc nhiều thời kỳ lịch sử, từ thời thành Đại La (thế kỷ 7 - 9) đến thời Thành Thăng Long (thế kỷ 11 - 18). Những khám phá khảo cổ học này đã phản ánh lịch sử tồn tại lâu dài của kinh đô Thăng Long - Hà Nội, một trung tâm quyền lực chính trị, hành chính quan trọng với lịch sử kéo dài 1300 năm với nhiều triều đại lịch sử.

Với những giá trị lịch sử - văn hóa to lớn mà ngay từ thời gian đầu khai quật, khu di tích đã nhận được sự quan tâm của rất nhiều các nhà nghiên cứu Việt Nam và quốc tế từ nhiều lĩnh vực khác nhau (lịch sử, khảo cổ, môi trường, địa chất, sinh học...) trong việc làm rõ những dấu vết di tích, di vật của quần thể cũng như nghiên cứu, đánh giá giá trị của khu di tích. Bên cạnh đó, những vấn đề quản lý, gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị của khu di tích cũng được đặt ra như một vấn đề thời sự, nóng bỏng và cấp thiết. Và kể từ khi trở thành Di sản văn hóa thế giới năm 2010 thì những vấn đề phải đối mặt của một di sản khảo cổ như khu di tích Hoàng thành Thăng Long lại càng trở nên quan trọng và cần thiết.

Di sản khảo cổ học, xét về bản chất, là một dạng của di sản văn hóa vật thể. Do đó, cũng giống như mọi di sản văn hóa vật thể khác, di sản khảo cổ học luôn chịu sự thách thức bào mòn của quy luật thời gian trong những tác động chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp của con người. Di sản luôn phải đối mặt trước những nguy cơ biến dạng hoặc thay đổi rất nhiều so với nguyên gốc. Tuy nhiên, trên thực tế, các di sản khảo cổ học phải đối mặt với nhiều thách thức khó khăn hơn những di sản vật thể khác (ví dụ như di tích kiến trúc) bởi nhận thức của cộng đồng về giá trị của di sản khảo cổ học còn rất hạn chế, việc phát huy giá trị gặp nhiều khó khăn hơn do di tích khảo cổ học thường chỉ là những phế tích, có ý nghĩa chuyên ngành nên không thu hút được nhiều sự quan tâm của người dân địa phương và cộng đồng; vấn đề bảo tồn đối với di tích khảo cổ học mang tính đặc thù, chuyên biệt nhưng bản thân

Việt Nam lại không có kinh nghiệm cũng như nhân sự chuyên môn về bảo tồn khảo cổ học.

Do đó, việc nghiên cứu các vấn đề đương đại của di sản văn hóa nói chung và di sản khảo cổ học nói riêng là vấn đề quan trọng, lý thú, có ý nghĩa khoa học, thực tiễn cũng như ý nghĩa văn hóa – xã hội sâu sắc. Với thuận lợi được tham gia nghiên cứu khảo cổ học và phối hợp thực hiện các công tác liên quan đến bảo tồn, phát huy giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long từ năm 2009 đến nay, tác giả mạnh dạn đề xuất đề tài nghiên cứu “*Di sản khảo cổ học trong bối cảnh đương đại (qua nghiên cứu trường hợp Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội)*” là đề tài luận văn thạc sỹ chuyên ngành Văn hóa học cho mình.

### **3. Tình hình nghiên cứu của đề tài**

Nghiên cứu về di sản văn hóa là một đề tài hấp dẫn và nhận được nhiều quan tâm của giới nghiên cứu. Nổi bật nhất và đi đầu trong việc thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, gìn giữ, bảo vệ di sản chính là Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) với 195 thành viên và có văn phòng tại nhiều nơi trên thế giới với Trung tâm Di sản thế giới, Hội đồng thế giới về di tích và di chỉ (ICOMOS) cùng các đơn vị có liên quan như du lịch, kiến trúc đã xây dựng nên nhiều hiến chương và công ước quốc tế quan trọng như *Hiến chương Athens về trùng tu di tích lịch sử - 1931*, *Hiến chương Venice về bảo tồn và trùng tu di tích và di chỉ - 1964*, *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới – 1972*, *Hiến chương Burra về bảo vệ các địa điểm di sản có giá trị văn hóa*, *Hiến chương Florence về hoa viên lịch sử - 1981*,... Các văn bản này đã tạo nên cơ sở và nền móng cho một hệ thống thuật ngữ liên quan đến di sản (như di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, bảo tồn, bảo quản, trùng tu, phục dựng,...) cũng như nêu lên các vấn đề có liên quan mật thiết đến việc quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản thế giới được UNESCO công nhận.

Cục Di sản của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch có riêng một Tạp chí Di sản văn hóa chuyên tập hợp các bài viết của các nhà nghiên cứu, chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu di sản với các phần mục được chia thành 3 mục chính: Lý luận



chung, Di sản văn hóa vật thể, Di sản văn hóa phi vật thể. Trong đó, có nhiều bài viết của Bùi Hoài Sơn, Phạm Sanh Châu, Đặng Văn Bài, Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Viết Cường đề cập đến vấn đề di sản trên các phương diện chủ thể của di sản, mục đích và giá trị tồn tại của hệ thống di sản văn hóa, việc bảo tồn và phát huy giá trị cũng như công tác chỉ đạo, quản lý của các cấp và bộ ban ngành có liên quan đến di sản.

Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu bắt đầu khai quật từ tháng 12/2002 và được phát lộ trên diện tích lớn vào giữa năm 2003. Nhưng ngay từ tháng 2/2002, cuộc hội thảo khoa học đầu tiên về Khu di tích Hoàng thành Thăng Long đã được tổ chức tại Hà Nội quy tụ các nhà sử học, khảo cổ học trên cả nước. Từ năm 2004 đến 2008, nhiều hội thảo khoa học mang tính thông báo hay nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành tiếp tục được Viện Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), Bộ Văn hóa Thông tin và Bộ Xây dựng tổ chức. Quan trọng nhất phải kể đến Hội nghị khoa học toàn quốc do Viện Khoa học xã hội tổ chức vào ngày 19 – 20/8/2004, Hội thảo tư vấn quốc tế do Viện Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam và Văn phòng UNESCO tại Hà Nội tổ chức ngày 10 – 11/8/2004, Hội nghị ngày 18/02/2006 do Bộ Văn hóa Thông tin tổ chức, Hội thảo khoa học quốc tế Nhận diện giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004 – 2008) do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức.

Qua các hội thảo, các nhà khoa học đã tập trung làm rõ giá trị của những phát hiện khảo cổ học về khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Các ý kiến, nhận định của các chuyên gia trong và ngoài nước đều tương đối đồng thuận về giá trị của khu di tích Hoàng thành Thăng Long, vừa phản chiếu lịch sử phát triển của kinh thành, vừa qui tụ và kết tinh những giá trị của lịch sử và văn hóa dân tộc qua hàng ngàn năm. Quy chiếu theo Công ước về Di sản văn hóa thế giới của UNESCO, khu di tích hoàn toàn có thể xem là Di sản văn hóa của nhân loại. Trên cơ sở đó, đề xuất giữ lại khu di tích để bảo tồn nhằm phát huy giá trị di sản quý giá của dân tộc cho các thế hệ mai sau. Bên cạnh đó, những vấn đề về bảo tồn, phát huy giá trị của khu

di tích cũng đã được các nhà khoa học quan tâm, đề cập đến trong các hội thảo nhưng các ý kiến, quan điểm bảo tồn như thế nào, ra sao lại rất khác nhau thậm chí trái ngược và có nhiều tranh cãi bởi kinh nghiệm, nhân lực bảo tồn di sản khảo cổ học của Việt Nam rất hạn chế, trong khi đó, khối lượng di tích, di vật phát hiện được quá đồ sộ và phức tạp. Do đó, việc thống nhất phương thức và cách thức bảo tồn khu di tích giữa các nhà khoa học, giữa các đơn vị chức năng (Viện Khoa học xã hội và Bộ Văn hóa - Thể thao & Du lịch) gặp rất nhiều khó khăn.

Nhằm đáp ứng sự quan tâm của công chúng và giới khoa học trong và ngoài nước về khu di tích *Hoàng thành Thăng Long*, năm 2006, cuốn *Hoàng thành Thăng Long* đã ra mắt với những bài viết của chính những nhà nghiên cứu trực tiếp thực hiện dự án tại đây. Và đến năm 2010, để kịp thời quảng bá giá trị khu di tích nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và đón nhận quyết định trở thành Di sản văn hóa thế giới, Viện KHXH Việt Nam đã biên soạn và xuất bản công trình *Thăng Long - Hà Nội, lịch sử nghìn năm từ lòng đất* cung cấp một cái nhìn tổng thể và toàn diện về khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Các công trình nêu trên được xem như những thành quả nghiên cứu, đánh giá giá trị về khu di tích Hoàng thành Thăng Long dựa trên những bằng chứng khảo cổ học đã tìm thấy tại khu di tích.

Ngoài ra, cũng phải kể đến các bài viết nghiên cứu về khu di tích Hoàng thành Thăng Long được đăng tải trên tạp chí Khảo cổ học, Nghiên cứu lịch sử và các tạp chí chuyên ngành khác của các tác giả như Bùi Minh Trí (2006, 2010, 2011), Tống Trung Tín (2007, 2010), Nguyễn Văn Anh (2010), Phan Huy Lê (2004, 2006, 2007), Nguyễn Quốc Hùng (2008), Nguyễn Thế Hùng (2008)... Các bài viết này đề cập đến lịch sử, đời sống văn hóa - xã hội của Thăng Long - Hà Nội nói chung và khu di tích Hoàng thành Thăng Long cũng như những khám phá của khảo cổ học về phương diện dấu tích kiến trúc, đồ dùng vật dụng (gốm sứ, đồ sành, kim loại, xương động vật...) hay các khía cạnh về địa mạo, địa chất, môi trường. Tuy nhiên vấn đề về bảo tồn, khoa học bảo tồn vẫn chưa có các công trình nghiên cứu chuyên sâu.

Những vấn đề liên quan đến di sản khảo cổ học nói chung cũng đã được đề cập đến trong Hiến chương Lausanne về bảo vệ và quản lý di sản khảo cổ học - 1990, trong đó nêu lên định nghĩa, các vấn đề có liên quan đến di sản khảo cổ học trong quá trình quản lý và bảo vệ. Còn về di sản khảo cổ học tại Việt Nam cũng có một số bài viết như *Sức sống cho sự tồn tại của Di sản Việt Nam* (Phạm Sanh Châu), *Vài suy nghĩ về việc bảo tồn khu di tích Hoàng thành Thăng Long* (Nguyễn Thị Hậu), *Bảo tồn di sản khảo cổ học tại Việt Nam – quá khứ, hiện tại và tương lai* (Nguyễn Quốc Hùng).... Song các bài viết mới chỉ đề cập đến rất sơ lược về các vấn đề mà di sản khảo cổ học tại Việt Nam đang đối mặt trong bối cảnh hiện nay trên bình diện rộng lớn của các di tích khảo cổ học nói chung trên cả nước đã từng được khai quật, cũng chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về thực trạng và những thách thức trong bối cảnh đương đại trong một trường hợp cụ thể là Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

- **Mục đích nghiên cứu:** Phân tích những thách thức mà di sản khảo cổ học phải đối mặt trong bối cảnh đương đại thông qua việc nghiên cứu trường hợp Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội.

- **Nhiệm vụ nghiên cứu:**

- + Hệ thống hóa khái niệm, cơ sở pháp lý của di sản khảo cổ học hiện nay
- + Mô tả, phân tích con đường trở thành di sản thế giới và thực trạng sau công nhận của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long
- + Phân tích một số vấn đề của di sản khảo cổ học phải đối mặt trong đời sống đương đại

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- **Đối tượng nghiên cứu:** Các sự kiện, hoạt động, thông tin có liên quan đến Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội và các di sản khảo cổ khác tại Việt Nam.

- **Phạm vi nghiên cứu:**

- + Không gian: Khu di sản Hoàng thành Thăng Long và không gian tự nhiên, kinh tế, xã hội của thành phố Hà Nội có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

+ Thời gian: từ năm 2002 đến năm 2016 (bắt đầu từ khi bắt đầu tiến hành khai quật nghiên cứu, được đề cử và công nhận là di sản văn hóa thế giới, cho đến thời điểm sau 06 năm được công nhận là di sản).

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng chủ yếu phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh - đối chiếu và đánh giá văn bản; đồng thời sử dụng phương pháp quan sát và phỏng vấn để xác nhận, mở rộng các thông tin thu thập được từ nguồn tài liệu.

Về nguồn tài liệu cho luận văn, tác giả đã tiếp cận các nguồn tài liệu, bài viết có liên quan như các bài viết trong Tạp chí Di sản văn hóa (Cục Di sản văn hóa - Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch), các Kỷ yếu Hội thảo về Hoàng thành Thăng Long trong các năm 2003, 2004, 2008, 2015, Hồ sơ di tích, Hồ sơ đề cử di sản thế giới của Khu di tích. Ngoài ra, tác giả cũng đã thu thập, so sánh, đối chiếu thông tin trên các bài báo (chủ yếu là nguồn điện tử) từ năm 2004 đến nay để mở rộng nguồn thông tin sự kiện có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, tác giả cũng đã tiến hành phát phiếu điều tra khảo sát mức độ quan tâm, hứng thú của du khách đối với Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long, nhưng sau khi thu về được khoảng 50 phiếu thì quyết định không tiếp tục tiến hành vì xét thấy nhiều thông tin không đáng tin cậy. Vì vậy, tác giả chỉ sử dụng các thông tin của phiếu với mục đích tham khảo. Ngoài ra, để thu thập thông tin định tính cho luận văn, tác giả cũng đã tiến hành phỏng vấn hơn 20 người gồm nhiều đối tượng khác nhau như học sinh, sinh viên, giảng viên, cán bộ bảo tàng, phóng viên báo chí, người đi làm, những người đã từng hoặc đang làm việc tại Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long, cán bộ làm trong ngành khảo cổ học, những người dân chịu ảnh hưởng trực tiếp từ khai quật khảo cổ học (Đê Bưởi, Đoàn Xã Tắc). Để đảm bảo danh tính cho những người trả lời phỏng vấn, chúng tôi thực hiện trích dẫn ý kiến theo nguyên tắc ẩn danh, đổi tên.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Luận văn bước đầu tổng hợp các quan điểm, nhận định về di sản khảo cổ học hiện nay, khái quát những thực trạng và những thách thức mà di sản khảo cổ học phải đối mặt trong xã hội đương đại thông qua trường hợp của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long.

Những kết quả của luận văn giúp các nhà quản lý có cái nhìn tổng hợp hơn, sâu sắc hơn về di sản khảo cổ học trong bối cảnh hiện nay; đồng thời là cơ sở tham khảo cho các hoạch định chính sách, phương án bảo tồn và phát huy giá trị của di sản khảo cổ học trong tương lai.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn được chia thành 3 chương:

**Chương 1: Một số vấn đề chung về di sản khảo cổ học**

**Chương 2: Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, di sản & thách thức**

**Chương 3: Di sản khảo cổ học Việt Nam & một số vấn đề đặt ra trong bối cảnh đương đại**

## Chương 1

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DI SẢN KHẢO CỔ HỌC

#### 1.1. Khái niệm Di sản văn hóa và các loại hình di sản văn hóa

Theo từ điển thông dụng, Di sản (Heritage) là khái niệm dùng để chỉ “những tài sản do người chết để lại” (ví dụ: di sản thừa kế), hoặc “tài sản tinh thần hoặc tài sản vật chất do lịch sử để lại hoặc do thiên nhiên tạo ra” (ví dụ: di sản văn hóa, di sản thiên nhiên, di sản phi vật thể, di sản vật thể...).

Như vậy, di sản nói chung được xem là những sản phẩm của quá khứ nhưng theo các nhà nghiên cứu văn hóa thì không phải sản phẩm nào trong quá khứ cũng được xem là di sản. Bởi di sản phải qua một quá trình chọn lọc từ quá khứ, với 03 yếu tố then chốt là lịch sử, ký ức và báu vật, trong đó, lịch sử là sự ghi lại những khía cạnh được lựa chọn của quá khứ, ký ức là những lưu giữ quá khứ của cá nhân và cộng đồng dưới hình thức văn hóa dân gian, còn báu vật là những hiện vật của quá khứ tồn tại trong xã hội hiện tại, như các đồ tạo tác, tác phẩm nghệ thuật, công trình kiến trúc. [62, tr.18]

Theo Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972 của UNESCO, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) thì di sản được chia thành ba loại chính: *di sản thiên nhiên*, *di sản văn hóa* và *di sản hỗn hợp*, trong đó:

*Di sản thiên nhiên* là các đặc điểm tự nhiên có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm thẩm mỹ hoặc khoa học (bao gồm các hoạt động kiến tạo vật lý hoặc sinh học hoặc các nhóm các hoạt động kiến tạo); hoặc là các hoạt động kiến tạo địa chất hoặc địa lý tự nhiên và các khu vực có ranh giới được xác định chính xác tạo thành một môi trường sống của các loài động thực vật đang bị đe dọa có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm khoa học hoặc bảo tồn.

*Di sản văn hóa* là các di tích (Các tác phẩm kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội họa, các yếu tố hay các cấu trúc có tính chất khảo cổ học, ký tự, nhà ở

trong hang đá và các công trình có sự liên kết giữa nhiều đặc điểm, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học); *các quần thể các công trình xây dựng* (Các quần thể các công trình xây dựng tách biệt hay liên kết lại với nhau mà do kiến trúc của chúng, do tính đồng nhất hoặc vị trí của chúng trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.); *các di chỉ* (Các tác phẩm do con người tạo nên hoặc các tác phẩm có sự kết hợp giữa thiên nhiên và nhân tạo và các khu vực trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học.) [80, tr.3]

Năm 2003, cùng với sự ra đời của Công ước về Di sản văn hóa phi vật thể, khái niệm *Di sản văn hóa phi vật thể* ra đời bổ sung cho khái niệm *Di sản văn hóa* của Công ước Di sản văn hóa và thiên nhiên năm 1972 và “được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người”. [81, tr.3]

*Di sản hỗn hợp* (*di sản văn hóa và thiên nhiên hỗn hợp*) hay *cảnh quan văn hóa*, là khái niệm được ủy ban di sản thế giới (UNESCO) đưa ra vào năm 1992, là một loại di sản kép, đáp ứng đủ cả 2 yếu tố nổi bật về văn hóa và thiên nhiên. Một địa danh được công nhận là di sản thế giới hỗn hợp phải thỏa mãn ít nhất là một tiêu chí về di sản văn hóa và một tiêu chí về di sản thiên nhiên. [78, tr.4]

Ngoài ra, theo một số tài liệu khác, còn tồn tại các khái niệm như “di sản cộng đồng” hay “di sản tư liệu”. Theo đó, *Di sản cộng đồng* là tập hợp các giá trị và tín ngưỡng, tri thức và thực tiễn, kỹ thuật và kỹ năng, công cụ và hiện vật, tính

tiêu biểu và địa điểm, đất đai và địa hạt, cũng như các loại biểu thị vật thể và phi vật thể chung của người dân. Thông qua chúng người dân biểu thị lối sống của mình và tổ chức xã hội, bản sắc văn hoá và mối quan hệ của họ với thiên nhiên [65] còn *Di sản tư liệu*, theo Wikipedia, là các di sản văn hóa thuộc dạng tư liệu gồm ảnh, mộc bản, bia, tài liệu ghi chép, băng đĩa...

Tại Việt Nam, theo Luật Di sản văn hóa năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009)<sup>1</sup>, *Di sản văn hoá* (bao gồm *di sản văn hoá phi vật thể* và *di sản văn hoá vật thể*) là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị về lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Trong đó:

- *Di sản văn hoá phi vật thể* là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y dược học cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.

- *Di sản văn hoá vật thể* là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. [45]

Tuy nhiên, sự phân loại giữa di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể này chỉ mang tính tương đối. Bởi di sản vật thể và di sản phi vật thể luôn gắn kết với nhau và trở thành những thực thể sống. Ví dụ: đồ gốm là văn hoá vật thể, nhưng chứa đựng những văn hoá phi vật thể như: kỹ năng chế tác, cách nung, các món ăn truyền thống...; đình chùa là di sản văn hoá vật thể nhưng lại cũng chính là nơi thực hành các nghi lễ, tín ngưỡng, tập tục ...

---

<sup>1</sup>Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 của Quốc hội khóa X, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2002, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2009/QH12 ngày 18/06/2009, được hợp nhất thành Luật di sản văn hóa theo Văn bản hợp nhất số: 10/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc hội ban hành ngày 23/07/2013



Ngày nay, người ta thường hay nhầm lẫn việc cho rằng di sản phải là những di tích đã được xếp hạng hay những di sản thế giới được UNESCO công nhận mà quên đi mất nội hàm cốt lõi của danh từ “di sản”. Trên thực tế, nếu tiếp cận theo quan niệm di sản thì di sản không hề xa lạ, phải đi xa mới thấy, khó có thể tìm tới, mà nằm ngay xung quanh chúng ta và ở đâu cũng có. Bởi xét cho cùng, di sản là những tài sản vật chất và phi vật chất được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chỗ nào có cộng đồng dân cư thì ở đó có di sản, vì di sản nảy sinh và phát triển từ chính cuộc sống và văn hóa của cộng đồng. Đó có thể là những ngôi làng, miếu thờ, hang đá; cũng có thể chính là những nghệ nhân, già làng nắm giữ các tri thức dân gian về thời tiết, ẩm thực, sản xuất, nghề thủ công, phong tục tập quán hay những nhân chứng lịch sử và ký ức của họ.

## **1.2. Khái niệm Di sản khảo cổ học**

Khái niệm “di sản khảo cổ học” được sử dụng lần đầu tiên là “archaeological property” trong Hiến chương Athens về Trùng tu di tích lịch sử (1931), sau đó tiếp tục được sử dụng trong Khuyến nghị của UNESCO về các nguyên tắc quốc tế áp dụng cho khai quật khảo cổ (1956)<sup>2</sup> là “archaeological heritage”. Phải đến năm 1990, với sự ra đời của Hiến chương về Bảo vệ và quản lý di sản khảo cổ học (gọi tắt là Hiến chương Lausanne 1990), khái niệm “di sản khảo cổ học” (archaeological heritage) mới chính thức được sử dụng phổ biến và rộng rãi.

Tuy nhiên, những nội hàm của khái niệm “di sản khảo cổ học” là “các di tích, di chỉ” (monuments, sites) vẫn thường xuyên được nhắc đến và nhận được nhiều sự quan tâm của cộng đồng quốc tế trong Hiến chương Venice về Bảo toàn và trùng tu di tích và di chỉ (1965), Công ước Bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972, Hiến chương Burra...

Trong Điều 1 của Công ước Bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972 của UNESCO, di sản khảo cổ học được đề cập đến như là một phần của “di sản văn hóa” như sau: “Các di tích: các công trình kiến trúc, các công trình điêu khắc và hội họa, các yếu tố hoặc cấu trúc *có tính chất khảo cổ học*, các dấu khắc,

---

<sup>2</sup> Còn gọi là Khuyến nghị New Delhi 1956

nơi cư trú hàng động và tổ hợp các đặc điểm, có Giá trị Nổi bật Toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật hay khoa học;” “Các di chỉ: các công trình của con người hoặc công trình kết hợp giữa con người và thiên nhiên, và các khu vực gồm có *các di chỉ khảo cổ* có Giá trị Nổi bật Toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hay nhân học.” [80, tr.5]

Theo Hiến chương Lausanne 1990, “Di sản khảo cổ học là bộ phận di sản vật chất mà các phương pháp khảo cổ học cung cấp cho chúng ta những hiểu biết cơ bản về nó. Di sản này bao gồm mọi vết tích sinh tồn của con người được lưu lại trong những địa điểm liên quan đến mọi hoạt động của con người, trong những cấu trúc đã bị hoang phế, trong những vết tích đủ các loại (cả những di chỉ dưới đất và dưới nước) cũng như các vật liệu văn hóa gắn với các di tích đó”. [18, tr. 67]

Còn theo định nghĩa của Công ước Châu Âu về Bảo vệ di sản khảo cổ học (hay Công ước Valleta 1992) thì Di sản khảo cổ học được coi là “một nguồn dữ liệu ký ức của Châu Âu và là một phương tiện nghiên cứu của khoa học lịch sử. Tất cả các di tích và hiện vật cùng các dấu tích của đời sống loài người từ thời quá khứ được xem là những thành phần của di sản khảo cổ học. Khái niệm di sản khảo cổ học bao gồm các kiến trúc, công trình, nhóm công trình kiến trúc, các di chỉ đã phát lộ, các hiện vật, di tích có thể di chuyển của nhiều loại khác nhau cũng như bối cảnh của chúng, bất kể trên mặt đất hay dưới nước.” [88, tr.2]

Như vậy, di sản khảo cổ học có thể hiểu là các công trình, kiến trúc, di tích, di chỉ, hiện vật được phát lộ thông qua hoạt động khai quật, nghiên cứu khảo cổ bất kể trên mặt đất hay dưới nước.

Theo Antoni Nicolau i Marti (Nguyên Thư ký của ICMAH<sup>3</sup>) thì “Di sản khảo cổ học tạo nên một hình thức quan trọng của những di sản văn hóa, bởi nó là cánh cửa dẫn tới quá khứ giúp tăng cường hiểu biết về loài người, xã hội và những phát triển khoa học kỹ thuật từ quá khứ tới hiện tại”. Trong đó, những di tích, hiện vật khảo cổ học trở thành nguồn tư liệu khoa học giá trị về lịch sử; khai quật khảo

---

<sup>3</sup> International Scientific Committee on Archaeological Heritage Management - Ủy ban quốc tế về Quản lý Di sản khảo cổ học, một Ủy ban chuyên môn của ICOMOS

cổ học trở thành công cụ giá trị và thiết yếu cho việc khám phá lịch sử, cung cấp những chứng cứ, manh mối cho tư liệu sử học. [11]

Căn cứ theo tính chất, di sản khảo cổ học được xem là một loại hình của di sản văn hóa vật thể, nhưng là “một nguồn văn hóa mong manh và không tái sinh được” [88, tr.67] và dễ bị tổn thương bởi những tác động của môi trường và xã hội bởi phần lớn đều là những vết tích, phế tích, cấu trúc không trọn vẹn và không còn duy trì được công năng sử dụng ban đầu nữa.

### **1.3. Các quy định quốc tế và quốc gia về di sản văn hóa vật thể và di sản khảo cổ học**

#### ***1.3.1. Quy định quốc tế và quốc gia về di sản văn hóa vật thể***

Công tác bảo tồn những di sản văn hóa - lịch sử bắt đầu được thực hiện tại Châu Âu vào thời kỳ phục hưng. Lúc đầu dường như chỉ là việc làm riêng lẻ của từng cá nhân, từng quốc gia, sau đó trở thành nhu cầu chung của toàn nhân loại. Nhận thức về giá trị di sản ngày càng được mở rộng, di sản văn hóa do quá khứ để lại ngày càng trở thành sản phẩm không chỉ của riêng mỗi nước mà còn mang tính nhân loại. Do đó, xuất hiện nhu cầu cần có những cuộc vận động có tính toàn cầu nhằm đảm bảo bảo tồn tốt những di sản quá khứ để lại.

Trong lĩnh vực văn hóa nói chung, di sản văn hóa vật thể nói riêng, Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (sau đây gọi tắt là Công ước) được Đại Hội đồng Các quốc gia thành viên của UNESCO thông qua vào năm 1972 là một trong những cơ sở pháp lý nổi bật, có ảnh hưởng sâu rộng nhất của UNESCO trong việc bảo tồn di sản. Đây là Công ước duy nhất kết hợp giữa việc bảo vệ di sản văn hóa và di sản thiên nhiên. Theo quan điểm của UNESCO, di sản văn hóa và thiên nhiên thuộc nhóm những di sản vô giá và không thể thay thế được, không chỉ của một dân tộc, mà còn là của nhân loại nói chung. Bất kỳ di sản nào trong số đó nếu biến mất, do xuống cấp hoặc thất thoát, cũng sẽ làm nghèo đi kho tàng di sản của tất cả các dân tộc trên thế giới. Trong số đó, có những di sản, với những tính chất vô cùng đặc biệt của chúng, được coi là có “giá trị nổi bật toàn cầu”, xứng

đáng được bảo vệ đặc biệt để chống lại những nguy cơ ngày càng lớn mà chúng đang phải đối mặt.

Đặc biệt, Công ước được các nước thành viên tiếp cận như là một loại “khung pháp lý” để hình thành mạng lưới chung của một mô hình quản lý mang tính quốc tế ràng buộc trách nhiệm và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc huy động nguồn lực của các chính phủ, các cộng đồng cư dân địa phương cho việc bảo tồn, giới thiệu và truyền lại cho đời sau những di sản văn hóa và thiên nhiên có giá trị nổi bật toàn cầu. Việc quản lý, bảo vệ các di sản thế giới ngày càng được nâng cao và đạt được những thành công vượt bậc. Tính đến tháng 7/2016, đã có 192 quốc gia trên thế giới phê chuẩn Công ước, đồng thời 1052 di sản của 165 quốc gia đã được UNESCO ghi vào Danh mục Di sản thế giới vì các giá trị nổi bật toàn cầu mà các di sản đó đã đạt được. Trong số này, có 814 di sản văn hóa, 203 di sản thiên nhiên và 35 di sản hỗn hợp. [92]

Mục tiêu chính của Công ước là: nâng cao nhận thức của cộng đồng quốc tế về vai trò của di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới với tư cách là nguồn “vốn văn hóa” quan trọng cho phát triển bền vững, phương tiện giao lưu, đối thoại văn hóa và hội nhập quốc tế; khẳng định trách nhiệm của quốc gia thành viên trong việc thiết lập cơ chế chính sách, khung pháp lý và mô hình quản lý di sản; đề cao và tôn vinh cộng đồng cư dân địa phương với tư cách chủ thể sáng tạo, chủ sở hữu, người hưởng thụ và cũng là nguồn nhân lực quan trọng bảo vệ di sản; khuyến khích hợp tác quốc tế, phối hợp liên quốc gia, liên ngành trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản; tạo cơ chế giám sát chặt chẽ quá trình thực thi Công ước tại các quốc gia thành viên.

Để đạt được những mục tiêu đặt ra trong Công ước, UNESCO đã thiết lập và thực thi một mô hình quản lý các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới với đầy đủ các cơ quan, bộ phận chức năng có vai trò, vị trí và nhiệm vụ được xác định cụ thể (trong Quy chế hoạt động của các cơ quan đó), nhằm triển khai các hoạt động mang tính đồng bộ, có yêu cầu cao về mặt khoa học, đồng thời tạo ra sự bình đẳng trong toàn bộ các quyết định liên quan tới vấn đề bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản ở các quốc gia thành viên trên toàn thế giới. Các cơ quan, bộ phận chức năng của

Công ước, bao gồm: Hội đồng Các quốc gia thành viên Công ước di sản thế giới; Ủy ban Di sản thế giới gồm 21 thành viên do Hội đồng Các quốc gia thành viên Công ước bầu ra; Ban Thư ký của Ủy ban Di sản thế giới (Trung tâm Di sản thế giới) và các cơ quan tư vấn cho Ủy ban Di sản thế giới gồm có: Trung tâm Quốc tế về Nghiên cứu Bảo tồn và Trùng tu Di sản văn hóa (ICCROM), Hội đồng Quốc tế về Di tích và Di chỉ (ICOMOS), Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên thế giới (IUCN).

Hàng năm, ICCROM, ICOMOS, IUCN và các tổ chức liên quan thường xuyên triển khai các chương trình, chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu về di tích lịch sử - văn hóa, di tích khảo cổ, kiến trúc, di sản thiên nhiên rừng, biển, du lịch bền vững,... Từ đó, đúc rút thành các công ước, hiến chương, nguyên tắc, văn kiện quốc tế về bảo tồn di tích có giá trị áp dụng trên toàn thế giới, có thể kể tới, như: Hiến chương Athens về trùng tu di tích lịch sử (1931); Hiến chương Venice về bảo tồn và trùng tu di tích và di chỉ (1964); Hiến chương Florence về hoa viên lịch sử (historic gardens, 1981); Hiến chương về bảo vệ thành phố và khu vực đô thị lịch sử (Hiến chương Washington 1987); Hiến chương về bảo vệ và quản lý di sản khảo cổ học (1990); Văn kiện Nara về tính xác thực (1994); Nguyên tắc lập hồ sơ di tích, cụm kiến trúc và di chỉ (1996); Hiến chương Burra về bảo vệ các địa điểm di sản có giá trị văn hóa (1979, sửa đổi 1981, 1988, 1999); Hiến chương quốc tế của ICOMOS về du lịch văn hóa (1999); Công ước về bảo vệ di sản văn hóa dưới nước (2001).

Ngoài ra, còn hàng chục các đề tài nghiên cứu chiến lược, ấn phẩm mang tính chuyên sâu của UNESCO và các tổ chức tư vấn quốc tế về lĩnh vực bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. (Xem Phụ lục 1.3)

Kể từ thời điểm Việt Nam chính thức tham gia Công ước vào năm 1987 đến nay, kế thừa những quy định pháp luật và kinh nghiệm trong thực tiễn bảo vệ, phát huy giá trị di tích trước đó, cùng với việc nghiên cứu, tham khảo các văn bản quốc tế về lĩnh vực bảo tồn, phát huy di sản, Việt Nam đã ngày càng quan tâm, hoàn thiện hệ thống pháp luật về văn hóa nói chung, di sản văn hóa nói riêng. Đầu tiên phải kể đến Hiến pháp năm 1992, trong đó xác định “Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển các di sản văn hoá dân tộc; chăm lo công tác bảo tồn, bảo tàng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và

phát huy tác dụng của các di tích lịch sử, cách mạng, các di sản văn hoá, các công trình nghệ thuật, các danh lam, thắng cảnh”. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII (năm 1998) về “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” cũng xác định một trong những nhiệm vụ cụ thể thời gian tới là “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa”. [21]

Đến năm 2001, trong bối cảnh đất nước thực hiện đổi mới, mở cửa hội nhập, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành Luật di sản văn hóa. Luật Di sản văn hóa được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua tại kỳ họp thứ 9, ngày 29/06/2001, có hiệu lực từ ngày 01/01/2002 đã đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong việc triển khai các nội dung của Công ước di sản thế giới vào việc bảo tồn di sản văn hóa tại Việt Nam, cũng như tạo hành lang pháp lý cho hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa của đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Luật di sản văn hóa năm 2001 cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Do đó, năm 2009, để giải quyết một số vấn đề các bất cập, hạn chế trong việc thực thi Luật di sản văn hóa năm 2001, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XII (ngày 18 tháng 06 năm 2009), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa được ban hành, nhằm cụ thể hóa những vấn đề còn vướng mắc, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát triển. Từ đó đến nay, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến luật này cũng được khẩn trương nghiên cứu, xây dựng để chi tiết hóa, định hướng cho các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa, phục vụ có hiệu quả cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. (Xem Phụ lục 1.4)

Đối chiếu với quá trình vận động của công tác bảo vệ di sản văn hóa ở nước ta hiện nay, có thể nhận thấy hành lang pháp lý của nước ta về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa là tương đối đầy đủ bao gồm định hướng về phát triển văn hóa trong Nghị quyết của Đảng, đã ban hành Luật di sản văn hóa, Nghị định, Thông tư từ các cơ quan quản lý Trung ương. Ngoài ra, đối với từng di sản (di tích - danh lam thắng cảnh) lại có những văn bản quy phạm riêng do các cơ quan quản lý địa phương (UBND, Sở VH-TT&DL, Ban Quản lý di tích...) ban hành.

### ***1.3.2. Quy định quốc tế và quốc gia về di sản khảo cổ học***

Trên bình diện quốc tế, di sản khảo cổ học đã từ lâu rất được UNESCO quan tâm chú ý. Từ năm 1956, UNESCO đã ra *Khuyến nghị về các nguyên tắc quốc tế áp dụng cho khai quật khảo cổ* (hay Khuyến nghị New Delhi) với “Mong muốn các cơ quan quốc gia chịu trách nhiệm bảo vệ di sản khảo cổ cần tuân theo các nguyên tắc chung vốn đã được kiểm nghiệm và được các cơ quan khảo cổ quốc gia thực thi”. Trong nỗ lực bảo vệ di sản khảo cổ học như một loại hình di sản văn hóa đặc thù, năm 1990, Ủy ban Quốc tế về Quản lý Di sản khảo cổ học (ICAHM) cũng đã biên soạn *Hiến chương về bảo vệ và quản lý di sản khảo cổ học (Hiến chương Lausanne)* và đã được Đại Hội đồng ICOMOS thông qua vào tháng 10/1990 tại cuộc họp ở Lausanne, Thụy Sĩ. Hiến chương này gồm 9 điều, phản ánh những nguyên tắc cơ bản và những đường lối chỉ đạo có giá trị toàn cầu cho di sản khảo cổ học bao gồm: định nghĩa về di sản khảo cổ học, các yêu cầu về chính sách bảo vệ hợp thể, pháp chế và kinh tế, nghiên cứu, khảo sát, bảo quản và bảo tồn, giới thiệu - thông tin - trưng tu, trình độ nghiệp vụ, hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, phần lớn các nội dung của Hiến chương Lausanne 1990 liên quan đến di sản khảo cổ học trên mặt đất nên năm 1996, *Hiến chương về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa dưới nước* (được Đại hội đồng ICOMOS lần thứ 11 ở Sofia phê chuẩn) ra đời nhằm bổ sung các nguyên tắc và vấn đề có liên quan đến bộ phận “di sản khảo cổ học nằm trong, hoặc đã được chuyển ra khỏi môi trường dưới nước”. [88, tr.87]

Ở Việt Nam, khảo cổ học mới xuất hiện hơn một thế kỷ, ban đầu là những phát hiện nghiên cứu của các học giả nước ngoài, chủ yếu là người Pháp nhằm tìm hiểu tài nguyên thiên nhiên ở thuộc địa để khai thác, tìm hiểu văn hóa, phong tục tập quán của người dân bản xứ để dễ bề cai trị. Do đó, những di tích khảo cổ học đầu tiên ở nước ta phần lớn được phát hiện bởi các nhà địa chất. Sau năm 1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, công tác nghiên cứu khảo cổ chuyển sang tay các nhà khảo cổ học Việt Nam với Sắc lệnh số 65/SL, trong đó, giao cho Đông phương Bác cổ học viện (Oriental Institute) thay thế Pháp quốc Viễn đông Bác cổ học viện (école Francaise d'Extrême Orient) nhiệm vụ bảo tồn tất cả các cổ tích

trong toàn cõi Việt Nam. Điều này đánh dấu sự tiếp nối liên tục các hoạt động nghiên cứu bảo tồn các di sản khảo cổ học trên đất nước ta. Tuy nhiên, do cuộc kháng chiến chống Pháp, Đông phương Bắc cổ học viện đã không có cơ hội để triển khai các công việc được giao. Cho đến khi hòa bình lập lại trên miền Bắc, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 519/TTg có những điều chỉnh về hoạt động khảo cổ trên phạm vi cả nước, đồng thời giao cho cơ quan bảo tồn bảo tàng thuộc Bộ Văn hóa nhiệm vụ tổ chức việc sưu tầm và khai quật di tích, di vật.

Sau khi đất nước thống nhất năm 1975, Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh số 14/SL cùng các văn bản liên quan của chính phủ ra đời và đưa ra các quy định về việc thăm dò và khai quật khảo cổ, thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ. Đây cũng là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên quy định điều kiện chuyên môn của người thực hiện thăm dò, khai quật khảo cổ và việc quản lý các hiện vật khảo cổ khai quật được.

Luật di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009 có những điều quy định tương đối cụ thể, chi tiết từ khái niệm thăm dò, khai quật khảo cổ học; tiêu chí phân loại di tích khảo cổ cấp tỉnh, cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt; việc tổ chức lập quy hoạch khảo cổ ở các địa phương (cấp tỉnh); việc thăm dò, khai quật khảo cổ và kinh phí thăm dò, khai quật khảo cổ; điều kiện của người chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ; hợp tác quốc tế về thăm dò, khai quật khảo cổ; việc cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ. Cùng với Luật di sản văn hóa và các văn bản quy phạm pháp luật quy phạm pháp luật kèm theo, Chính phủ Việt Nam còn ban hành Nghị định số 86/2005/NĐ-CP ngày 08/07/2005 về Quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 về việc ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ học...

Nhìn chung, theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật, mọi hoạt động khảo cổ trên đất nước Việt Nam đều thuộc sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông qua việc cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ học. Trong trường hợp các cơ quan nghiên cứu khảo cổ ngoài Bộ Văn hóa, Thể thao



và Du lịch thực hiện thăm dò, khai quật khảo cổ tại địa phương thì cần có sự tham gia phối hợp của các cán bộ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch của địa phương đó; thông thường, về cấp tỉnh, là các cán bộ thuộc Bảo tàng hoặc Trung tâm/Ban Quản lý di tích hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, còn về cấp địa phương là các cán bộ thuộc Phòng/Ban Văn hóa xã, huyện.

Cũng theo quy định, thủ tục xin phép thăm dò, khai quật khảo cổ tại địa phương phải có ý kiến đồng thuận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sở tại. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có công văn đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kèm theo hồ sơ của cơ quan xin phép thăm dò, khai quật khảo cổ. Các quyết định cho phép thăm dò, khai quật khảo cổ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đều quy định rõ sự phối hợp của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với đơn vị chức năng được phép thực hiện thăm dò, khai quật khảo cổ. Hiện vật được phát hiện trong quá trình khai quật đều giao cho các bảo tàng công lập quản lý, đơn vị thực hiện khai quật phải gửi báo cáo sơ bộ và báo cáo khoa học tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trước khi công bố kết quả khai quật, đơn vị thực hiện khai quật phải có sự trao đổi với Cục Di sản văn hóa. Những điều đó nói lên mối quan hệ chặt chẽ giữa công tác nghiên cứu và quản lý các di sản khảo cổ học ở Việt Nam với tư cách là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc về cả phương diện những quy định pháp lý và tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu khảo cổ học.

Như vậy, theo thời gian, song hành cùng các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, công tác khảo cổ học với nhiệm vụ nghiên cứu một bộ phận di sản văn hóa của đất nước dần dần được quy định rõ ràng thành những văn bản quy phạm pháp luật, ngày càng có hiệu lực cao hơn (Pháp lệnh, Nghị định, rồi Luật). Những quy định, chế tài cụ thể, chi tiết tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu, bảo vệ di sản khảo cổ trong quá trình phát triển, đô thị hóa ngày càng mạnh mẽ hiện nay của đất nước.

#### **1.4. Khái quát chung về di sản khảo cổ học tại Việt Nam**

Các di sản khảo cổ học Việt Nam là một bộ phận quan trọng mật thiết trong hệ thống các di sản văn hóa dân tộc (Xem Phụ lục 1.5), góp phần khẳng định những giá

trị văn hóa “bản địa” và sự tồn tại, phát triển liên tục của con người trên đất nước Việt Nam. Di sản khảo cổ học (bao gồm cả di tích, di vật) là những bằng chứng vật chất rõ ràng và có sức thuyết phục cao cho lịch sử và sự đa dạng văn hóa Việt Nam.

Nhờ công tác thăm dò, khai quật khảo cổ học hơn một trăm năm qua, một khối lượng di sản khảo cổ học khổng lồ trên khắp đất nước đã được phát hiện. Các di tích, di vật khảo cổ học ở Việt Nam rất phong phú và đa dạng, trải dài từ thời tiền sử, sơ sử đến lịch sử (phong kiến, cận đại). Có thể nói, ở Việt Nam, từ miền rừng núi đến vùng trung du và đồng bằng, từ vùng ven biển đến các hải đảo, đâu đâu cũng có nhiều loại di tích, di vật khảo cổ học cực kỳ quý giá.

Từ đầu thế kỷ 20, các di tích đầu tiên của nhiều nền văn hoá như: Hoà Bình, Bắc Sơn, Hạ Long, Bàu Tró, Đông Sơn, Sa Huỳnh... đã được các học giả Pháp và nước ngoài phát hiện, nghiên cứu. Sau những năm 50 - 60 của thế kỷ 20 và ngày giải phóng miền Nam, khi những tổ chức, cơ quan làm công tác khảo cổ học Việt Nam chính thức được thành lập<sup>4</sup> thì công tác phát hiện, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa loại hình khảo cổ học tại Việt Nam mới có những phát triển nhanh chóng. Cũng từ đó cho đến nay, hàng ngàn di tích khảo cổ học cùng khối lượng lớn di vật đã được tìm thấy, như các di chỉ văn hóa khảo cổ thời tiền - sơ sử như Núi Đọ - Đông Sơn - Đa Bút (Thanh Hóa), Phiêng Tung (Thái Nguyên), Sơn Vi - Phùng Nguyên - Đồng Đậu - Gò Mun (Phú Thọ), Bãi Mèn - Đường Mây - Xóm Nhồi - Xóm Hương - Mả Tre - Cầu Vực - Đền Thượng (Cổ Loa), Quỳnh Văn (Nghệ An), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Ốc Eo (Nam Bộ), Lung Leng (Kon Tum)...; các di tích thuộc thời lịch sử như di tích Chùa Hang (Yên Bái), di tích Long Đọi (Hà Nam), di tích Cát Tiên (Lâm Đồng), di tích Trà Kiệu (Quảng Nam), di tích Hoàng thành Thăng Long - 18 Hoàng Diệu (Hà Nội), di tích Chùa Dạm (Bắc Ninh)...

Các di tích/di chỉ này không chỉ chứng minh những tồn tại và phát triển của con người trên đất nước Việt Nam mà còn cung cấp nhiều dữ liệu quan trọng về

---

<sup>4</sup> Từ năm 1958, Vụ Bảo tồn - Bảo tàng (Bộ Văn hóa) tổ chức Đội khai quật; đến ngày 8/10/1963, Bộ Văn hóa ra Quyết định số 511/VH-QĐ thành lập Đội Khảo cổ học với nhiệm vụ nghiên cứu, phát hiện và bảo tồn các di sản trong lòng đất và lòng nước. Đến năm 1966, Đội Khảo cổ học được chuyển sang Viện Khoa học xã hội Việt Nam và năm 1968 thì được nâng cấp trở thành Viện Khảo cổ học. Bên cạnh đó, còn có Bộ phận khảo cổ học của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bộ môn Khảo cổ học của khoa sử trường Đại học Tổng hợp Hà Nội,...

kiến trúc, kỹ thuật xây dựng của người xưa, góp phần thiết thực vào công tác trùng tu, phục hồi di tích cũng như phục vụ cho công tác lập hồ sơ xếp hạng di tích quốc gia và thế giới thúc đẩy nhận thức cộng đồng và các cơ quan quản lý.

Ngoài các di tích khảo cổ học được phát hiện trong lòng đất (đất liền), nhiều di sản khảo cổ học như những con tàu đắm trong vùng biển, lòng sông cũng đã được phát hiện, khai quật, tiêu biểu như con tàu đắm chở đồ gốm sứ thời Khang Hy (1690) tại vùng biển Hòn Cau, Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu); tàu đắm ở khu vực biển Hòn Dầm, Phú Quốc (Kiên Giang) chở đồ gốm Sawanhlok - thế kỷ 15; tàu đắm khu vực Cù Lao Chàm, Hội An (Quảng Nam) chở đồ gốm sứ Chu Đậu - Hải Dương thế kỷ 15; tàu đắm trong vùng biển Cà Mau chở đồ gốm sứ thời Ung Chính (1723-1735); hay con tàu chở đồ gốm Phúc Kiến thế kỷ 16 - 17 ở vùng biển Bình Thuận.

Bên cạnh đó, đi liền với sự xuất lộ của các di tích, di chỉ khảo cổ học, các di vật, hiện vật khảo cổ học phong phú, đa dạng về chất liệu (đá, gỗ, đất nung, gốm sứ, kim loại....), loại hình (đồ dùng, vật dụng, công cụ chế tác, sản xuất, vũ khí,...) cũng góp phần không nhỏ minh chứng đời sống văn hóa - xã hội của dân cư các vùng miền, khu vực trong lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, tạo nên bức tranh sinh động về đời sống sinh hoạt, lao động cũng như cho biết những quan điểm giá trị, thẩm mỹ của các giai đoạn, thời kỳ.

Nhìn chung, về cơ bản, các di tích, di chỉ khảo cổ học tại Việt Nam chủ yếu là các phế tích, thường bị vùi sâu trong lòng đất hay lòng nước, không thể phát hiện chính xác được bằng vào quan sát thực địa hay tham khảo ý kiến cư dân địa phương nên phần lớn các trường hợp thường là do phát hiện ngẫu nhiên<sup>5</sup> hoặc khai quật khảo cổ giải phóng mặt bằng xây dựng hoặc đào đắp thủy lợi, đào móng công trình mới được xuất lộ ra<sup>6</sup> và phải nghiên cứu bằng phương pháp khảo cổ học là chủ yếu. Do đó, các di tích này đều ở dạng hoang phế, không nguyên vẹn, thậm chí là ở trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng sau khi được phát lộ nên không có khả năng duy trì công năng kiến trúc ban đầu (ví dụ như di tích cung điện, lầu gác ở khu Hoàng

---

<sup>5</sup> Ví dụ như trường hợp tàu đắm ở Quảng Ngãi

<sup>6</sup> Khu di tích Hoàng thành Thăng Long được phát hiện ra khi giải phóng mặt bằng xây dựng Nhà Quốc hội mới, Đền Xã tắc được phát hiện khi thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng nút giao thông Ô Chợ Dừa...

thành Thăng Long, Hà Nội hay di tích Thái miếu thời Trần ở Đông Triều, Quảng Ninh...). Thêm vào đó, các di tích/di vật khảo cổ đều rất “mong manh, dễ tổn thương”, bị ảnh hưởng rất lớn từ môi trường bên ngoài (thời tiết, độ ẩm, rêu mốc, khói bụi,...) nên trong môi trường điều kiện khí hậu Việt Nam (độ ẩm cao, mưa nắng thất thường), các di tích/di vật thường bị biến màu, rêu mốc, muối hóa, nứt nẻ.

Mặc dù, các di tích, di vật khảo cổ học là những bằng chứng vật chất “nguyên gốc” hàm chứa những thông điệp văn hóa khách quan, chân thực và có độ tin cậy cao nhưng vì di tích khảo cổ học chỉ là những phế tích không còn công năng sử dụng, chồng xếp nhiều lớp văn hóa của nhiều giai đoạn khác nhau, còn di vật trong di tích khảo cổ là loại tài liệu câm, nhiều khi chỉ là những mảnh vỡ, thiếu nguyên vẹn nên việc lý giải các sự kiện, hiện tượng lịch sử cũng như xác định giá trị của di tích, di vật tìm thấy chủ yếu là các suy đoán, giả thiết khoa học dựa trên việc đối chiếu các dữ liệu đồng đại. Do đó, các nhà khoa học có thể có những suy luận khác nhau, đôi khi là trái ngược, thậm chí có thể sai hoặc chỉ đúng một phần. Nhưng dù sao, từ góc độ khoa học thì các di sản khảo cổ học là loại tài liệu lịch sử vô cùng quý giá. Nhất là trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt (ẩm ướt, bão lụt), nhiều biến động lịch sử lớn (hơn 13 thế kỷ có chiến tranh chống ngoại xâm), và đặc biệt là, hoạt động lưu trữ tư liệu ở Việt Nam trong quá khứ chưa được quan tâm thỏa đáng, thì những thông tin, tư liệu lịch sử được lưu lại qua các di tích lịch sử, văn hóa là nguồn tư liệu bổ sung rất quan trọng cho các nhà nghiên cứu lịch sử.

Trong quá trình phát triển của nhận thức về khoa học nghiên cứu khảo cổ và bảo tồn di sản khảo cổ, việc bảo vệ các di tích khảo cổ tại Việt Nam đang dần được cải thiện. Nhiều di tích khảo cổ học được xếp hạng di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia theo quy định của Luật Di sản văn hóa. Tính đến năm 2010, đã có 76 di tích khảo cổ học được xếp hạng di tích cấp quốc gia. Các di tích tiêu biểu như hang Con Moong (Thanh Hóa), Đồng Đậu (Vĩnh Phúc), Mai Pha (Lạng Sơn)... đều được xếp hạng di tích cấp quốc gia, được khoanh vùng bảo vệ và đầu tư bảo quản.

Nhiều công trình xây dựng trước khi triển khai đã được tiến hành điều tra, thăm dò, khai quật khảo cổ học như khu vực các nhà máy thủy điện Yaly, Pleikrong

(Kon Tum), Tuyên Quang, Sơn La; khu công nghiệp Dung Quất (Quảng Ngãi), Trung tâm Báo chí (phố Lê Hồng Phong), Trung tâm Thương mại Trảng Tiền, Khu làm việc của Văn phòng Quốc hội ở 62-64 Trần Phú, Trung tâm thương Mại Vincom.... Đặc biệt, năm 2002, tại khu vực dự kiến xây dựng nhà Quốc hội - 18 Hoàng Diệu, khai quật khảo cổ học đã làm xuất lộ một hệ thống di tích, di vật phong phú, đa dạng nằm chồng xếp, đan xen chứng minh lịch sử lâu dài trong hơn 1300 năm của Kinh đô Thăng Long tại khu vực này. Giá trị của khu di tích này ngay từ khi phát hiện đã được giới chuyên môn trong nước và quốc tế đánh giá cao. Nhiều hội thảo về đánh giá giá trị và đề xuất phương án bảo tồn khu di tích đặc biệt này đã được tổ chức với sự tham gia đông đảo của các nhà khoa học từ nhiều lĩnh vực khác nhau.

Trước giá trị to lớn của khu di tích cùng kiến nghị của giới khoa học và quần chúng nhân dân, lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã quyết định bảo tồn khu di tích và chuyển địa điểm xây dựng Trung tâm Hội nghị quốc gia sang một địa điểm khác.

Với diện tích khai quật 19.000m<sup>2</sup> được bảo tồn nguyên trạng bởi hệ thống mái che dưới dạng một bảo tàng ngoài trời, Khu di tích Hoàng thành Thăng Long là một di sản khảo cổ học có vị trí đặc địa bậc nhất tại Việt Nam và nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các nhà quản lý, chuyên môn đến báo chí, công chúng. Cùng với các di tích của Khu thành cổ Hà Nội, khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu được xếp hạng di tích quốc gia năm 2007 và là khu di tích khảo cổ học đầu tiên được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt năm 2009. Khu di tích cũng được Ủy ban Di sản thế giới ghi vào Danh mục di sản thế giới năm 2010 đúng dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội với tên gọi “Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội”.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Di sản khảo cổ học, về bản chất là một loại hình di sản văn hóa vật thể đặc biệt, mang tính chuyên ngành và đặc thù gắn liền với hoạt động khai quật, nghiên cứu khảo cổ học. Di sản khảo cổ học là những bằng chứng vật chất đáng tin cậy góp phần giúp các nhà khoa học và công chúng mở cánh cửa dẫn tới quá khứ. Tuy nhiên, các di sản khảo cổ học cũng là loại hình di sản vật thể mong manh, không thể tái sinh và chịu tác động/ảnh hưởng lớn bởi môi trường bên ngoài.

Trong quá trình phát triển nhận thức về bảo tồn di sản văn hóa vật thể trên thế giới và tại Việt Nam, UNESCO và các chuyên gia, Ủy ban quốc tế chuyên ngành cũng như Quốc hội, Chính phủ Việt Nam, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch cùng các cơ quan, tổ chức chuyên môn đã nỗ lực pháp chế hóa, thể chế hóa nhằm bảo vệ các di sản trước nguy cơ xâm hại từ môi trường thiên nhiên và xã hội. Trong đó, nhiều văn bản quy định có liên quan đến loại hình di sản khảo cổ học cũng đã được soạn thảo và ban hành tạo cơ sở pháp lý quốc tế và quốc gia cho hoạt động nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn loại hình di sản đặc thù này.

Tại Việt Nam, với hơn 100 năm phát triển của ngành khảo cổ học, một khối lượng lớn di sản khảo cổ học (bao gồm các di tích, di chỉ, di vật) có niên đại trải dài từ thời kỳ tiền - sơ sử đến thời kỳ phong kiến được phát hiện trên khắp đất nước. Các di sản này đã mang lại những minh chứng quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam cũng như cung cấp những thông tin quý giá về đời sống văn hóa - xã hội trong lịch sử.

Trong hệ thống di sản khảo cổ học Việt Nam, khu di tích khảo cổ học Hoàng thành Thăng Long là một di sản khảo cổ học “quý giá”, có giá trị lịch sử - văn hóa to lớn cho việc minh chứng lịch sử nghìn năm của Kinh đô Thăng Long. Đây cũng được coi là một trong những thành tựu quan trọng của ngành khảo cổ học Việt Nam và nhận được sự quan tâm lớn của công chúng cho di sản khảo cổ học tại Việt Nam.

## Chương 2

### KHU TRUNG TÂM HOÀNG THÀNH THĂNG LONG - HÀ NỘI, DI SẢN & THÁCH THỨC

Nằm ở vị trí đặc địa nhất giữa lòng thủ đô Hà Nội, Khu trung tâm di tích Hoàng thành Thăng Long được phát lộ rõ nét khi năm 2002 - 2003, cuộc khai quật khảo cổ do Viện Khảo cổ tiến hành tại 18 Hoàng Diệu đã làm xuất lộ nhiều di tích, di vật chồng xếp, đan xen nhau từ thời Tiền Thăng Long đến thời kỳ Thăng Long, phản ánh sinh động một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa trong suốt gần 1300 năm lịch sử.

#### 2.1. Tổng quan chung về Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội

##### 2.1.1. Vị trí và ranh giới của Khu di sản

Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội có tổng diện tích là 126.395 ha, trong đó:

Vùng lõi di sản có diện tích 18.395 ha, gồm Khu di tích Thành cổ - Hà Nội (13.865 ha) và Khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu (4.530 ha). Trong đó, Khu di tích Thành cổ - Hà Nội bao gồm các di tích cột cờ Hà Nội, Đoan Môn, điện Kính Thiên, nhà D67, Hậu Lâu, Bắc Môn, tường bao và 8 cổng hành cung thời Nguyễn.



Cụm di tích này nằm ở quận Ba Đình - Hà Nội và được giới hạn phía Bắc bởi đường Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ; phía Đông giáp đường Nguyễn Tri Phương; phía Nam giáp đường Bắc Sơn và khuôn viên Nhà Quốc hội mới; phía Tây Nam giáp đường Điện Biên Phủ; phía Tây giáp đường Hoàng Diệu, Độc Lập và khuôn viên Nhà Quốc hội mới. (Xem Phụ lục 2.1- 2.2)

Vùng đệm có diện tích 108 ha, có địa giới cụ thể được giới hạn như sau: Phía Bắc giáp đường Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám; phía Nam giáp đường Trần Phú, Ông Ích Khiêm, Sơn Tây; phía Đông giáp đường Nguyễn Tri Phương tiếp giáp Bộ Quốc phòng; phía Tây giáp đường Ngọc Hà. [39, tr.35]

### **2.1.2. Lịch sử hình thành & phát triển**

Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long là một phần của kinh thành Thăng Long, cùng với khu phố cổ và khu phố Pháp là những cấu thành quan trọng nhất tạo ra đô thị Hà Nội thời cận đại. Khu Di sản là quần thể di tích gắn với lịch sử kinh thành Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, bắt đầu từ thời Tiền Thăng Long (thế kỷ 7-9) qua thời Đinh - Tiền Lê (thế kỷ 10) và phát triển mạnh dưới thời Lý, Trần, Lê và thành Hà Nội dưới triều Nguyễn. Đây là trung tâm chính trị của nước ta, được các triều vua xây dựng trong nhiều giai đoạn lịch sử và trở thành di tích quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích ở nước ta.

Thời kỳ nhà Đường, đây là trung tâm của An Nam đô hộ phủ, lần đầu tiên vùng đất này nắm giữ vai trò một trung tâm quyền lực chính trị. Năm 886, Cao Biền xây dựng một thành trì mới, Tống Bình được đổi tên thành Đại La. [39, tr.38]

Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi vua, sáng lập vương triều Lý. Mùa thu năm 1010, nhà vua rời đô từ Hoa Lư về Đại La, đổi tên thành Thăng Long là kinh đô của nước Đại Việt. Ngay sau khi dời đô, Lý Công Uẩn đã cho gấp rút xây dựng kinh thành Thăng Long, đến đầu năm 1011 thì hoàn thành. Khi mới xây dựng, Kinh thành Thăng Long được xây dựng theo mô hình tam trùng thành quách gồm: vòng ngoài cùng gọi là La thành hay Kinh thành, bao quanh toàn bộ kinh đô và men theo nước của 3 con sông: sông Hồng, sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu. Kinh thành là nơi ở và sinh sống của dân cư. Vòng thành thứ hai (ở giữa) là Hoàng thành, là khu triều chính, nơi ở và làm việc của các quan lại trong triều. Thành nhỏ nhất ở trong cùng là Tử Cấm thành, nơi chỉ dành cho vua, hoàng hậu và số ít cung tần mỹ nữ. [82, tr.20]

Nhà Trần sau khi lên ngôi đã tiếp quản Kinh thành Thăng Long cũng tiếp tục tu bổ, xây dựng các công trình mới. Sang đến đời nhà Lê sơ, Hoàng thành cũng như



Kinh thành được xây đắp, mở rộng thêm ra<sup>7</sup>. Trong thời gian từ năm 1516 đến năm 1788 thời nhà Mạc và Lê trung hưng, Kinh thành Thăng Long bị tàn phá nhiều lần do nội chiến và chính trị bất ổn.

Năm 1802, sau khi chiến tranh kết thúc với chiến thắng của nhà Nguyễn, kinh đô Việt Nam được chuyển vào Phú Xuân - Huế. Thăng Long hạ cấp xuống làm Bắc Thành (tức Thành Hà Nội). Năm 1805, vua Gia Long tường của Hoàng thành cũ và cho xây dựng Thành Hà Nội theo kiểu Vauban của Pháp với quy mô nhỏ hơn Hoàng thành Thăng Long thời Lê. Chỉ duy có điện Kính Thiên và Hậu Lâu được giữ lại làm hành cung cho các vua Nguyễn mỗi khi ngự giá Bắc thành.

Đến năm 1880, sau khi chiếm xong hoàn toàn Đông Dương, Hà Nội trở thành trung tâm hành chính của liên bang Đông Dương. Thành cổ Hà Nội được sử dụng làm sở chỉ huy tối cao của quân đội Pháp. Nhiều công trình đền đài, cung điện gần như bị phá đi toàn bộ (chỉ còn giữ lại Bắc Môn và Kỳ Đài) thay vào đó là các tòa nhà kiểu Pháp nằm ngay trên nền điện Kính Thiên và sân Long Trì. Còn các công trình cổ ở khu vực 18 Hoàng Diệu cũng bị triệt hạ để lấy chỗ cắm trại cho quân đội Pháp. Sau đó, thực dân Pháp tiến hành quy hoạch đô thị và nâng cấp Hà Nội. Các bức tường thành Hà Nội bị phá bỏ, các công trình mới và hệ thống đường giao thông<sup>8</sup> được xây dựng. Từ năm 1954, khi bộ đội ta tiếp quản giải phóng thủ đô thì khu vực Thành Hà Nội trở thành Tổng hành dinh của Quân đội Nhân dân Việt Nam cho đến năm 2004. [82, tr.38-41]

### **2.1.3. Tổng quan hiện trạng Khu di sản**

Theo Hồ sơ đề cử di sản thế giới, Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội là bộ phận quan trọng nhất của Kinh thành Thăng Long - Kinh đô của quốc gia Đại Việt từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 18 - còn tồn tại đến ngày nay với hệ thống các loại hình di tích kiến trúc còn lại trên mặt đất và quần thể dấu tích nền móng cung điện, lầu gác cùng các di vật độc đáo được khảo cổ học phát hiện dưới lòng đất, chia làm hai khu vực chính (Xem Phụ lục 2.3):

---

<sup>7</sup> Cuối thế kỷ 15, Hoàng thành mở rộng ở phía Tây - Nam và cuối thế kỷ 16, La thành mở rộng lên phía Bắc, bao gồm toàn bộ Hồ Tây và cả phía Nam.

<sup>8</sup> chính là các đường Hoàng Diệu, Trần Phú, Nguyễn Tri Phương hiện nay

### *2.1.3.1. Khu Thành cổ Hà Nội:*

Khu Thành cổ Hà Nội nằm ở phía Bắc Khu Khảo cổ học 18 Hoàng Diệu. Khu vực này được bao quanh bằng các bức tường xây dựng vào thời nhà Nguyễn. Mặc dù hình thái chung và nhiều nét kiến trúc của Thành Cổ đã có từ thời Lê (như Thềm Rồng của nền Điện Kính Thiên) nhưng những công trình xây dựng biệt lập còn lại đến ngày nay (như Cổng thành, Kỳ Đài, Hậu Lâu, Nhà và hầm D67) chủ yếu là thuộc giai đoạn lịch sử từ thế kỷ 19 trở về sau của Thăng Long - Hà Nội.

#### *\* Kỳ Đài (Cột cờ Hà Nội):*

Kỳ Đài được xây dựng trong thời gian nhà Nguyễn tái thiết lại kinh thành Thăng Long năm 1803 - 1805. Nó được xây dựng trên nền cũ của Tam Môn, cổng phía ngoài của Cẩm thành thời Lê. Kỳ Đài là một trong một vài kiến trúc còn sót lại nguyên vẹn từ thời Nguyễn. Kỳ Đài có chân đế hình vuông bao gồm 3 tầng gạch hình chóp cụt chồng lên nhau và nhỏ dần lên đỉnh. Tầng đầu tiên có kích thước dài 42.5m, cao 3.1m và có 2 cầu thang bằng gạch dẫn lên một sân rộng lát gạch. Tầng trên cao 3.7m, mỗi cạnh dài 27m. Mỗi mặt của tầng này có một cửa vòm, phía trên mỗi cửa khắc các chữ Hán như “Nghênh Húc” (đón nắng ban mai) ở phía Đông, “Hồi Quang” (phản chiếu ánh sáng) ở phía Tây, “Hương Minh” (hướng về ánh sáng) ở phía Nam. Tầng 3 cao 5.1m, có kích thước 12.8m mỗi cạnh. Có một khung cửa ở mặt Bắc dẫn đến một cầu thang dẫn lên Tháp Kỳ Đài. Phần tháp được làm hoàn toàn bằng gạch, hình bát giác, cao 12.8m, mỗi cạnh đáy dài 2m, thon dần lên tới đỉnh. Có 54 bậc thang xoáy tròn ốc dẫn lên tới đỉnh. Tháp có các ô cửa chiếu sáng và thông khí hình quạt và bát giác. Đỉnh tháp đặt một đài quan sát cao 3.1m được xây bằng gạch trát vữa với những cửa sổ hình chữ nhật quay ra mỗi phía. Một cột cờ có đường kính 40cm được lắp trên đỉnh tháp. (Phụ lục 2.4)

#### *\* Doan Môn:*

Doan Môn (Cổng Chính) là lối đi chính để vào Cẩm Thành nơi có cung điện của vua. Từ thời Lý đã xây cổng ở đây nhưng cổng Doan Môn còn tồn tại ngày nay là do nhà Lê xây dựng (thế kỷ 15) và được sửa sang, tu bổ dưới thời Nguyễn (thế kỷ 19). Cổng Doan Môn rất quan trọng trong các hoạt động mang tính nghi lễ của

Hoàng thành như tổ chức các kỳ thi tuyển trạng nguyên, kỳ yết bảng kết quả thi Đình và ban bố các chỉ dụ của nhà vua.

Theo nguyên tắc phong thủy, Đoan Môn nằm ở phía Nam Điện Kính Thiên trên đường dẫn ra Kỳ Đài. Cổng Đoan Môn được xây theo hình chữ U, chiều ngang là 46.5m, chiều sâu là 26.5m và chiều cao là 6m. Cổng Đoan Môn được xây bằng đá và gạch vồ. Tổng diện tích xây dựng của Đoan Môn là 3.970m<sup>2</sup>.

Cổng Đoan Môn có 5 cửa vòm. Cửa vào chính giữa rộng nhất (cao 4.0m, rộng 2.7m) dành cho nhà vua. Hai bên là 2 khung cửa nhỏ hơn (cao 3.8m, rộng 2.5m) dành cho các quan và thành viên hoàng tộc. Có một phiến đá có kích thước 1.5mx0.7m khắc chữ “Đoan Môn” được gắn bên trên lối vào chính giữa.

Trên trần của Đoan Môn là một sân gạch có lan can bao quanh và có 02 cầu thang dẫn lên. Thời Nguyễn, một nhà phượng đình xây bằng gạch, hình vuông, 2 tầng mái được dựng thêm trên đỉnh Đoan Môn. Bốn góc mái dưới của phượng đình là 4 con rồng quay vào trong, bốn góc mái trên là bốn đầu đao hình lá lật và trên cùng có 2 mặt hổ phù trang trí đầu hồi. Giữa hai lớp mái là một cấu trúc bằng gỗ. Hai bên hông Đoan Môn còn có 2 cửa vòm xây bằng gạch với 3 lớp mái cong uốn đầu đao. (Phụ lục 2.5)

Khai quật khảo cổ học tại Đoan Môn năm 1999 tìm thấy dấu vết đường viên lát đá chân tường và sân gạch từ các thời Lê, Trần và Lý. Đây là phần còn lại của một con đường dẫn tới Điện Kính Thiên.

*\* Bắc Môn:*

Chính Bắc Môn hay Cửa Bắc là cổng thành phía Bắc, một trong 5 cổng thành duy nhất còn lại của Thành Hà Nội thời Nguyễn, được xây dựng năm 1805 trên nền Cửa Bắc thời Lê theo lối vọng lâu – phần lầu ở trên còn phần thành ở dưới. Bắc Môn được xây dựng như một khối gần vuông dạng hình thang, tường hai bên xoắn ra, cao 8,71m, rộng 17,08m, tường dày 2,48m. Lòng cửa là vòm cuốn xây gạch. Mép cửa kê đá hình chữ nhật, riềm trên bằng đá trang trí viền cánh sen. Trên nóc cửa có vọng lâu là một phượng đình 8 mái. Trên lầu hiện là nơi thờ Nguyễn Tri Phương và Hoàng

Điều - hai vị Tổng đốc đã có công cùng nhân dân thành Hà Nội chống trả lại kế hoạch xâm chiếm thành của thực dân Pháp. (Phụ lục 2.7)

*\* Nền Điện Kính Thiên:*

Điện Kính Thiên được xây dựng năm 1428 và bản thân tòa điện này cũng nằm trên nền của Điện Thiên An thời Lý - Trần và Điện Càn Nguyên thời Lý. Điện Kính Thiên từng được coi là “một trong những tuyệt tác của kiến trúc An Nam”. Theo quan niệm phong thủy, nơi nền Điện Kính Thiên chính là Núi Nùng hay Long Đỗ (Rồn Rông) là trung tâm Hoàng thành, cũng là nơi hội tụ khí thiêng của non sông đất nước nên chính điện của các vương triều kế tiếp nhau đều xây dựng trên đỉnh Núi Nùng, một khu đất cao hơn một chút so với toàn bộ bề mặt của tòa thành.

Phần quan trọng nhất của Điện Kính Thiên còn tồn tại cho đến ngày nay là nền Điện và đôi rồng đá châu bậc thềm đi lên Điện (Thềm Rông). Trên nền Điện Kính Thiên hiện nay là một tòa nhà do người Pháp xây dựng năm 1886 và chỉ chiếm một phần nền Điện. Thềm Rông phía trước Điện được xây năm 1467, có 9 bậc bằng đá, mỗi bậc cao 20cm, rộng 40cm và dài 13.6m. Từ đầu rồng ở bậc thềm thấp nhất đến chân tường có bậc thềm cao nhất dài 5.45m. Thềm chia thành 3 lối lên xuống đều nhau bằng đôi rồng đá. Lối chính giữa dành cho vua đi, hai bên dành cho quần thần. Đôi rồng đá nguyên khối được điêu khắc đẹp đẽ và trau chuốt. Đầu rồng ở bậc thấp nhất được tạc rất lớn, thân uốn khúc nhịp nhàng chạy dài theo bậc lên xuống, râu, tóc và vây rồng kết thành hình đao bay trên lưng. Mỗi chân rồng có 5 móng - biểu tượng cho quyền lực đế vương.

Thềm rồng phía sau được tạo tác cuối thế kỷ 16 - đầu thế kỷ 17 với quy mô nhỏ hơn so với Thềm Rông phía trước, chỉ có một lối lên xuống với 7 bậc. Đôi rồng này dài 3.4m và cũng được tạo tác rất tỉ mỉ, miệng ngậm ngọc và chân cũng có 5 móng như đôi rồng phía trước. (Phụ lục 2.6)

*\* Hậu Lâu:*

Hậu Lâu còn được biết đến như là Tĩnh Bắc Lâu, Lầu Công chúa, Pagode des Dames, hay tòa Hậu Điện. Phần kiến trúc còn tồn tại hiện nay của công trình này do

nhà Nguyễn xây dựng làm nơi ở cho các cung tần mỹ nữ trong đoàn tùy tùng của vua tuần du từ Huế ra Hà Nội. (Phụ lục 2.8)

Đến cuối thế kỷ 19, công trình xây bằng gạch và vữa này bị hư hỏng nặng và đã được nhà Nguyễn trùng tu. Phần dưới của Hậu Lâu được xây hình hộp, có 2 cửa vòm ra vào ở hai bên. Tầng trên là một tòa lầu ba gian, gian giữa cao hơn 2 gian bên một chút. Gian giữa có một cửa sổ vòm nằm giữa hai khung cửa hình chữ nhật, các cột trụ nằm giữa các cửa. Hai gian hai bên bị bít kín mặt bắc và mặt nam, chỉ có cửa sổ vòm ở phía Đông và phía Tây. Trên đỉnh của gian chính giữa lại có một nhà phượng đình có các cửa sổ vòm và chữ nhật. Các lớp mái lầu lợp ngói ống, các mái đao trang trí đầu rồng. Tầng mái trên cùng có 2 mái hồi. Toàn bộ kiến trúc mái của phượng đình là một tổ hợp 8 mái với ý nghĩa của số 8 cao quý theo quan niệm của người Việt cũng như người Trung Quốc. Trên các mái còn có các mảng phù điêu trang trí.

Qua các cuộc khai quật khảo cổ học năm 1998 xung quanh Hậu Lâu, các nhà khảo cổ đã tìm thấy các hiện vật có niên đại từ thế kỷ 9 đến tận đầu thế kỷ 20. Trong số đó, các hiện vật thời Lý, Trần và Lê có nhiều hơn cả. Tại độ sâu 3.2m, người ta tìm thấy đế bằng đá và gạch từng được dùng để chống các cột gỗ thời Lý, Trần. Các phiến đế bằng đá thời Trần được tạo hình hoa sen.

*\* Nhà và hầm D67:*

Tòa nhà được xây dựng năm 1967 với kiến trúc một tầng mái bằng, có diện tích 604.41m<sup>2</sup>, nằm ở phía Bắc của nền Điện Kính Thiên. Chính giữa là phòng họp của Bộ Chính trị và Quân ủy TW (rộng 76m<sup>2</sup>), bên cạnh là phòng nghỉ giải lao (rộng 37m<sup>2</sup>). Căn phòng phía Đông là nơi làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (rộng 35m<sup>2</sup>). Căn phòng phía Tây là nơi làm việc của đại tướng Văn Tiến Dũng (35m<sup>2</sup>). Từ nhà D67 có 2 cầu thang nối thẳng xuống hầm D67 (còn gọi là hầm Quân ủy trung ương). Di tích Nhà D67 gắn với hoạt động của Bộ Chính trị, quân ủy Trung ương, bộ trưởng Bộ Quốc phòng, tổng tham mưu trưởng quân đội nhân dân Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975). (Phụ lục 2.9)

*\* Tường bao và 8 cổng Hành cung thời Nguyễn:*

Năm 1805, khi xây thành Hà Nội theo kiểu Vauban, nhà Nguyễn đã xây tường bao từ cửa Đoan Môn quanh nội điện làm Hành cung để vua làm việc và nghỉ ngơi mỗi khi Bắc tuần. Hiện nay, trong khu Thành cổ còn 8 cổng và các cổng này đã được nhà nước bảo hộ Pháp xếp hạng năm 1925, cùng với một số di tích khác của thành Hà Nội. Từ 1954 đến 2004, khu vực này là của cơ quan đầu não chiến lược, khu A Sở chỉ huy Bộ Quốc Phòng - nơi làm việc, hội họp và ra đời các quyết sách quan trọng của Quân đội Nhân dân Việt Nam. (Phụ lục 2.10)

Ngoài ra, trong khu vực di sản hiện còn có nhiều công trình kiến trúc thời Pháp thuộc như Tòa nhà Bộ Chỉ huy pháo binh quân đội Pháp (nằm trên nền điện Kính Thiên), Tòa nhà Cục tác chiến... cùng hệ thống cây xanh đa dạng, phong phú được trồng từ thế kỷ 19 và thế kỷ 20.

#### *2.1.3.2. Khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu: (Phụ lục 2.11 - 2.12 - 2.13)*

Khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu nằm tiếp giáp mé Tây điện Kính Thiên và là một phần cấu thành của Cẩm Thành cho đến cuối thời Lê Trung Hưng. Khu di tích có diện tích rộng 47.720m<sup>2</sup>. Từ tháng 12/2002, khu di tích này đã được khai quật, nghiên cứu khảo cổ học trong diện tích 19.000m<sup>2</sup>, gồm có 4 khu A,B,C,D (theo ký hiệu của Viện Khảo cổ học). Kết quả khai quật tại khu di tích đã tìm thấy nhiều loại hình di tích kiến trúc và hàng triệu di vật nằm chồng xếp, đan xen nhau, phản ánh sinh động lịch sử tồn tại liên tục, lâu dài không đứt đoạn của trung tâm quyền lực qua 1300 năm, từ thời Đại La (thế kỷ 7-9), thời Đinh - Tiền Lê (thế kỷ 10) đến các thời Lý (1009-1225), thời Trần (1225-1400), thời Lê (1428-1789) và thời Nguyễn (1802-1945). Nếu các dấu tích móng trụ, tường bao, sân gạch... cùng các tầng văn hóa chồng xếp, đan xen cho phép hình dung phần nào diện mạo, quy mô của Hoàng thành Thăng Long trong lịch sử thì khối lượng khổng lồ các di vật như trang trí kiến trúc, đồ gốm sứ, đồ sành, đồ kim loại, đặc biệt là các di vật có trang trí rồng, phượng lại mang đến những bằng chứng về đời sống văn hóa - xã hội cũng như sức sống truyền thống và sự phát triển rực rỡ của nền văn minh Đại Việt.

Bên cạnh đó, nhằm phục vụ công chúng, trong khu vực Khu di sản có 08 khu trưng bày cố định với diện tích gần 2.500m<sup>2</sup> giới thiệu về những giá trị nổi bật toàn

cầu của Khu di sản thế giới Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, bao gồm: “Thăng Long - Hà Nội, Lịch sử nghìn năm từ lòng đất” (tại Nhà Cục tác chiến); “Các di vật - hiện vật tiêu biểu tại Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long” (tại nhà N31 - N32); “Lịch sử phát lộ Hoàng thành Thăng Long 1998 - 2012” (tại khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu) và “Những phát hiện mới về khảo cổ học tại khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long từ năm 2010 đến nay” tập trung giới thiệu về hệ thống di vật, hiện vật tiêu biểu về lịch sử phát lộ của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long và Trưng bày tại Hầm Chỉ huy T1 Cục Tác chiến, Trưng bày tại di tích cách mạng Nhà và Hầm D67 giới thiệu giai đoạn đấu tranh chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam từ năm 1968 - 1975 khi đây là Tổng Hành dinh của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Hệ thống trưng bày này thường xuyên mở cửa, phục vụ đông đảo du khách đến thăm quan, góp phần tuyên truyền quảng bá, phát huy giá trị nổi bật toàn cầu của Khu di sản Hoàng thành Thăng Long.

Trong lịch sử, Hoàng thành Thăng Long trải qua khá nhiều thay đổi, nhưng trung tâm của Hoàng thành, đặc biệt là Tử Cấm Thành thì gần như không thay đổi. Chỉ có kiến trúc bên trong là đã qua nhiều lần xây dựng, tu sửa. Chính đặc điểm này giải thích tại sao trên khu khảo cổ 18 Hoàng Diệu, các lớp di tích kiến trúc và di vật nằm chồng lên nhau qua các thời kỳ lịch sử. Các di tích trên mặt đất và dưới mặt đất của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội có mối quan hệ và sự liên kết lẫn nhau, tạo thành một tổng thể liên hoàn rất phức tạp nhưng phong phú và hấp dẫn, phản ánh rõ mối quan hệ về qui hoạch đô thị và không gian kiến trúc, cũng như sự tiếp nối giữa các triều đại trong lịch sử xây dựng kinh đô Thăng Long. Đây cũng chính là giá trị nổi bật và độc đáo của Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long- Hà Nội.

## **2.2. Con đường trở thành di sản thế giới của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội**

### **2.2.1. Gian nan con đường tồn tại**

Tháng 12/2002, trước khi thực hiện dự án xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình trên khu vực nằm giữa các phố Hoàng Diệu, Hoàng Văn Thụ, Độc

Lập, Bắc Sơn tại khu trung tâm chính trị Ba Đình, theo Luật Di sản văn hóa có hiệu lực từ năm 2002, cần phải khai quật khảo cổ học khi giải phóng mặt bằng xây dựng. Do đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Bộ Xây dựng chỉ đạo Viện Khảo cổ học tiến hành khai quật trên diện rộng của khu vực dự kiến xây dựng. Tại đây đã phát lộ một phức hệ di tích - di vật phong phú, đa dạng có niên đại từ thành Đại La (thế kỷ VII - IX) đến thành Thăng Long (thế kỷ XI -XVIII) và thành Hà Nội (thế kỷ XIX), mà người ta quen gọi là Khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu.

Lúc mới khai quật năm 2003, các ý kiến đánh giá về Hoàng thành rất phân tán, một số người hoài nghi, thậm chí có người phủ nhận giá trị của di tích, cho rằng đây chỉ là đồng gạch vụn, cho rằng giới khảo cổ học và sử học bốc đồng, phóng đại giá trị của di tích<sup>9</sup>. Đến giữa năm 2003, các nhà khảo cổ học đã khai quật được khoảng 3.000 m<sup>2</sup>, làm xuất lộ ra các tầng văn hóa nằm chồng xếp và đan xen nhau từ thời Lý, Trần cho đến thời Lê, lớp dưới cùng còn thấy cả di tích thời tiền Thăng Long ngược lên đến thời Đại La. Về di vật, di tích cũng đã tìm thấy nhiều loại hình phong phú, đa dạng, ẩn chứa giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ và kinh tế. Đó là những di vật vật liệu xây dựng (gạch, ngói, đá, gỗ...), trang trí kiến trúc (đầu phượng, đầu rồng...), đồ gốm sứ, đồ sành, đồ kim loại, xương và nhuyễn thể; trong đó, có những hiện vật quý hiếm là đồ sứ ngự dụng phục vụ cho sinh hoạt trong cung đình có trang trí hình rồng, phượng. Những kết quả khai quật này đã khẳng định giá trị lịch sử - văn hóa của khu di tích và được trình bày trong các hội thảo khoa học do Trung tâm KHXH&NV Quốc gia phối hợp cùng Bộ Văn hóa Thông tin tổ chức tại Hà Nội. Tuy có một số ý kiến khác nhau trong thảo luận những vấn đề cụ thể, nhưng không ai có thể phủ nhận được giá trị lớn lao của di sản văn hoá này và nguyện vọng của hầu hết các nhà khoa học là mong muốn được bảo tồn lâu dài. Một

---

<sup>9</sup> GS, TS Đỗ Hoài Nam- Chủ tịch Viện Khoa học xã hội VN cho biết: “Năm 2003, khi phát lộ khu di tích khảo cổ học tại 18 Hoàng Diệu, đã thu hút nhiều sự chú ý của dư luận trong nước và quốc tế. Bên cạnh niềm vui khôn xiết của giới khoa học lịch sử thì nổi bật khoản về vị trí và tính chất của khu di tích vẫn chưa nhận được sự đồng thuận cao của xã hội. Gần đây, nhiều ý kiến trái chiều về di tích này vẫn còn như: Đây có phải là khu di tích nằm trong khu Hoàng thành Thăng Long xưa hay không? Các vết tích tìm thấy trong lòng đất có phải là dấu tích nền móng của các cung điện, lầu gác của Hoàng cung Thăng Long xưa hay đó chỉ là những kiến trúc “bình dân”?” [85]



số di vật tiêu biểu được trưng bày tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội), tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (Thành phố Hồ Chí Minh) đã gây nên một cơn địa chấn trong dư luận xã hội và nhận được sự quan tâm sâu sắc của các lãnh đạo Đảng, Nhà nước và nhân dân trong nước và cộng đồng khoa học từ nhiều lĩnh vực. [76, tr.74-75]

Trên cơ sở nhận thức giá trị của khu di tích lịch sử văn hoá do khảo cổ học phát hiện, ngày 24/09/2003, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam đã đề nghị các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ cho phép giới khảo cổ học tiếp tục mở rộng diện khai quật để có cơ sở khoa học đầy đủ hơn trong đánh giá cũng như trong các giải pháp bảo tồn. Ngày 13/10/2003, Liên hiệp các hội KH&KT Việt Nam cũng tổ chức họp các hội có chuyên môn liên quan như Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Hội Dân tộc học Việt Nam... để thống nhất gửi kiến nghị lên Đảng, Nhà nước đề nghị tạm dừng việc xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới) để tiếp tục công việc khai quật và nghiên cứu các giá trị của khu di tích. [23]

Đáp ứng yêu cầu, kiến nghị của các nhà khoa học, cũng như đông đảo quần chúng nhân dân, tại phiên họp ngày 01/11/2003 của Bộ Chính trị, sau khi nghe Đảng, đoàn Quốc hội, các ban cán sự đảng bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Xây dựng, Trung tâm KHXH&NV quốc gia báo cáo kết quả bước đầu khai quật khảo cổ học khu vực dự định xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới và những đề xuất, kiến nghị liên quan đến khu vực này, Bộ Chính trị đã thảo luận và đưa ra Thông báo số 126-TB/TW ngày 05/11/2003, trong đó, quyết định cho phép tiếp tục khai quật khảo cổ học trên diện tích được Chính phủ phê duyệt để có cơ sở khoa học định giá và kết luận đầy đủ hơn về quần thể di tích này, trên cơ sở đó xây dựng phương án bảo tồn và phát huy ý nghĩa lịch sử của di tích. Thông báo cũng cho biết Hội trường Ba Đình mới sẽ chuyển đến một địa điểm khác với tên mới là Trung tâm Hội nghị quốc gia nhằm đáp ứng Hội nghị APEC sẽ tổ chức vào năm 2006.

Cho đến năm 2004, diện tích khai quật đã được thực hiện trên 19.000 m<sup>2</sup>. Cuộc khai quật Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu trở thành cuộc khai quật khảo cổ học có diện tích lớn nhất Việt Nam từ trước đến nay, đồng thời, cũng

là lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Từ tháng 4/2004, Viện Khoa học xã hội đã tạm dừng công việc khai quật khảo cổ học để bảo quản tạm thời các di tích, di vật và tổ chức nghiên cứu khoa học nhằm đánh giá giá trị, đề xuất phương án bảo tồn, phát huy giá trị di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Chính phủ giao cho Bộ Văn hóa - Thông tin và Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức nghiên cứu, đánh giá và đưa ra phương án bảo tồn di tích Hoàng thành.

Ngày 10-11/08/2004, Viện Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Văn phòng UNESCO tại Hà Nội tổ chức “Hội thảo chuyên gia tư vấn quốc tế về di tích khảo cổ học Ba Đình và Hoàng thành Thăng Long”, trong đó, mời 25 chuyên gia quốc tế về khảo cổ học, sử học, bảo tồn, bảo tàng, kiến trúc, lịch sử kiến trúc đến từ Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Italia, Na Uy cũng như từ các tổ chức quốc tế như UNESCO, ICMAN, ICCROM, EFEO tham gia khảo sát thực địa, nghiên cứu, góp ý kiến đánh giá giá trị và tư vấn phương án bảo tồn khu di tích. Trên cơ sở các ý kiến góp ý của các chuyên gia quốc tế, ngày 19-20/08/2004, Viện Khoa học xã hội Việt Nam tiếp tục tổ chức “Hội thảo khoa học toàn quốc đánh giá giá trị và đề xuất phương án bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội” với sự tham gia của 200 nhà khoa học từ nhiều chuyên ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và công nghệ thuộc nhiều cơ quan khoa học ở ba miền Bắc, Trung, Nam cùng đại diện các Bộ, ngành Trung ương và Thành phố Hà Nội. Về cơ bản, cả hai hội thảo đều nhất trí, đánh giá cao giá trị đặc biệt về lịch sử - văn hóa của khu di tích và mong muốn bảo tồn lâu dài toàn bộ khu di tích Hoàng thành Thăng Long, nhưng phương hướng bảo tồn, nghiên cứu thì còn nhiều tranh cãi do những hạn chế về kỹ thuật, nhân lực của phía Việt Nam; tuy nhiên, sau khi cân nhắc những giá trị của khu di tích và những khó khăn, thuận lợi của công tác bảo tồn, Viện Khoa học xã hội Việt Nam vẫn đề xuất bảo tồn lâu dài toàn bộ khu di tích, đề nghị xếp hạng di tích, xây dựng quy hoạch bảo tồn, thành lập cơ quan quản lý và cấp thiết nhất là xây dựng ngay nhà mái che và hệ thống tiêu thoát nước bảo vệ di tích tránh khỏi các tác động

của môi trường tự nhiên [83]. Ngày 28/09/2004, Bộ Văn hóa - Thông tin cũng tổ chức hội thảo “Phương án bảo tồn khu di tích hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu” nhưng đề xuất phương án bảo tồn Khu di tích này là chọn những hố khai quật tiêu biểu, dày đặc di tích, chứa đựng nhiều tầng văn hoá để bảo tồn và làm bảo tàng ngoài trời còn lại lấp cát để bảo vệ.

Tuy nhiên, 6 tháng sau, Văn phòng Chính phủ mới có công văn số 50/TB-VPCP ngày 21/3/2005, thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Phan Văn Khải tại cuộc họp ngày 8/3/2005 về Qui hoạch chi tiết Khu Trung tâm chính trị Ba Đình, Hà Nội. Trong Thông báo có đề cập đến một trong những vấn đề còn bỏ ngỏ lâu nay là địa điểm xây dựng trụ sở và văn phòng Quốc hội, vấn đề có liên quan trực tiếp đến số phận khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu. Trên cơ sở xem xét 3 phương án đề xuất của Bộ Xây dựng, Thủ tướng nghiêng về phương án 2: Xây nhà Quốc hội tại Lô H6 tức khu vực có Bộ tư pháp, Nhà khách Chính phủ và Nhà khách Trung ương Đảng hiện nay, khu vực nằm giữa các đường phố Hùng Vương, Trần Phú, Chu Văn An, Lê Hồng Phong. Đồng thời cũng chỉ đạo không xây dựng Bảo tàng Lịch sử quốc gia và Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam trong khu trung tâm chính trị Ba Đình. Điều này đồng nghĩa với việc Khu di tích 18 Hoàng Diệu và Khu Thành cổ Hà Nội sẽ được bảo tồn toàn bộ. Mặc dù vậy, việc tồn tại hay không tồn tại, tồn tại như thế nào và hành trình tương lai của khu di tích Hoàng thành Thăng Long vẫn chưa có những quyết định chính thức. Bên cạnh đó, dù đã được thống nhất xây dựng mái che để bảo tồn từ đầu năm 2004 nhưng đến tháng 9/2004 mới được phê duyệt thiết kế thi công nên di tích tạm thời vẫn phủ bạt chờ đợi, dãi nắng dầm mưa. Và phải đến ngày 16/01/2006, hệ thống mái che mới chính thức hoàn thành và cũng chỉ là mái che tạm thời cho 3-5 năm tiếp theo bởi quy trình thủ tục đấu thầu, xét duyệt phương án và kinh phí kéo dài.

Trước yêu cầu bức thiết về vấn đề còn bỏ ngỏ của Hoàng thành Thăng Long, trên cơ sở ý kiến đồng thuận về giá trị và ý nghĩa của khu di tích từ Hội nghị ngày 18/02/2006 do Bộ Văn hoá-Thông tin chủ trì với sự có mặt của đại diện Bộ Xây dựng, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Văn phòng chính phủ, UBND Hà Nội, Hội

đồng Di sản văn hoá quốc gia, Hội Khoa học lịch sử, Hội Kiến trúc sư cùng nhiều cơ quan và nhà khoa học các ngành liên quan, Bộ Văn hoá - Thông tin và Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã có báo cáo trình Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ đề nghị bảo tồn lâu dài toàn bộ Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, gắn kết hữu cơ với thành cổ Hà Nội thành một quần thể di tích lịch sử-văn hoá để phát huy giá trị trước mắt và lâu dài. Phạm vi bảo tồn cũng được thống nhất xác định bao gồm không chỉ khu khai quật 19.000 m<sup>2</sup> mà cả những di tích trên mặt đất và dưới lòng đất, trong phạm vi trung tâm của Hoàng thành tức khu Cấm thành, không nên xây dựng các công trình kiên cố xâm hại đến di tích trong khu vực này.

Tại văn bản số 98/TB-VPCP ngày 26/06/2006, Thủ tướng Chính phủ đã có kết luận nhất trí chủ trương bảo tồn lâu dài toàn bộ Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu theo đề xuất của Bộ Văn hoá-Thông tin. Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 197/VPCP-VX ngày 12/01/2006, số 98/TB-VPCP ngày 26/06/2006), UBND thành phố Hà Nội và Bộ Văn hoá -Thông tin đã nộp hồ sơ đăng ký trình UNESCO công nhận Khu di tích Hoàng thành Thăng Long là Di sản Văn hoá Thế giới. Ngày 13/06/2006, UNESCO đã cử ông Giovanni Boccardi phụ trách Tiểu ban Châu Á - Thái Bình Dương sang làm việc với phía Việt Nam để giúp đỡ Việt Nam hoàn chỉnh hồ sơ chính thức trình UNESCO. Ngày 01/09/2006, UBND Thành phố Hà Nội cũng quyết định thành lập Trung tâm Bảo tồn khu di tích Cổ Loa – Thành cổ (Quyết định số 3855/QĐ-UBND) có chức năng quản lý, bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa khu di tích Thành Cổ Hà Nội và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 23/02/2006.

Tuy nhiên, đến tháng 10/2006, Bộ Chính trị lại ra Thông báo số 42-TB/TW ngày 11/10/2006 kết luận đồng ý chọn địa điểm xây dựng Nhà Quốc hội trong khu vực 18 Hoàng Diệu với lý do “vị trí này có ý nghĩa là sự nối tiếp, kế tục truyền thống lịch sử vẻ vang của Thủ đô nghìn năm văn hiến; thể hiện được vị thế và sự trang trọng của Quốc hội, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan xung quanh đã được hoàn thiện; các công trình xây dựng trong khu đất đã cơ bản được di dời, đã tiến hành khảo cổ và bước đầu đánh giá được giá trị các di tích nên có thể chủ động

hơn các địa điểm khác về việc bố trí Nhà Quốc hội trong khu đất và thời gian triển khai xây dựng” [16].

Trước những đe dọa ảnh hưởng của việc xây dựng công trình Nhà Quốc hội trong khu vực di tích, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã gửi Kiến nghị số 52/HSN đến các cơ quan lãnh đạo Đảng và Chính phủ về việc chọn vị trí xây dựng Nhà Quốc hội trên khu di tích Cấm Thành là “xâm hại đến tính nguyên gốc và toàn vẹn của khu di tích”, “trái với kết luận của Thủ tướng và coi như phủ nhận những ý kiến đề xuất đầy tâm huyết và trách nhiệm của các nhà khoa học mà không có sự giải thích thỏa đáng, có sức thuyết phục” và kiến nghị xem xét lại Đề án xây dựng này [41]. Nhiều nhà khoa học cũng bày tỏ ý kiến quan ngại như GS. Đinh Xuân Lâm, Phó chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam nhận định rằng nếu quyết định xây toà nhà quốc hội tại khu Cấm Thành, thì đó là “một quyết định sai lầm mang tính lịch sử không cách nào chữa được” vì đã “tàn phá một di sản quý giá độc nhất vô nhị của dân tộc Việt Nam.”; PGS.TS. Hà Văn Phụng, Quyền viện trưởng Viện Khảo cổ Việt Nam thì cho rằng “nếu xây dựng toà nhà quốc hội mới trên khu di tích lịch sử 18 Hoàng Diệu thì sẽ mất đi vĩnh viễn một di sản đặc biệt quý hiếm của cả Việt nam và thế giới.” và ông xác định quan điểm là “Giữ ,và giữ đến cùng.”; GS.TS. Vũ Minh Giang, Phó giám đốc ĐHQG Hà Nội nêu lên một khía cạnh khác “Quá trình thi công sẽ rất phức tạp, không ai dám chắc là di tích sẽ không bị xâm hại. Chắc gì trong quá trình đào móng sẽ không vướng di tích ở những vùng chưa động đến trước đây? Và nếu gặp di tích, thì theo luật Di sản, việc xây dựng sẽ phải dừng lại.” [1]

Dưới sức ép của dư luận, tại thông báo số 62-TB/TW ngày 2/3/2007, Bộ Chính trị đã điều chỉnh phương án xây dựng Nhà Quốc hội là trên khuôn viên Hội trường Ba Đình cũ, giao toàn bộ khu làm việc và khuôn viên Bộ Ngoại giao hiện tại làm trụ sở của các cơ quan Quốc hội; đồng thời nếu có phát lộ các di tích khảo cổ trong quá trình triển khai xây dựng Nhà Quốc hội sẽ được lựa chọn để đưa vào bảo tàng. Ngày 5/3/2007 Chính phủ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI tại phiên họp thứ 47 về phương án xây dựng Nhà Quốc hội và đã được Ủy ban thường

vụ Quốc hội thống nhất cao cả về địa điểm xây dựng cũng như vị trí Nhà Quốc hội trên lô D. Với chủ trương của chính phủ, nhiều người trong giới sử học đã cho rằng cách giải quyết ấy là tạm ổn vì khu di tích vẫn được bảo tồn mặc dù Hội trường Ba Đình phải phá đi.

Quyết định này sau đó được quốc hội khoá 11 thông qua trong phiên họp cuối nhiệm kỳ diễn ra vào ngày 02/04/2007. Một cuộc thi vẽ thiết kế toà nhà quốc hội sau đó đã được Bộ Xây dựng gấp rút tiến hành. Kết quả được trưng bày tại Trung tâm Hội nghị quốc gia tại Hà nội từ ngày 2 đến 15/09/2007. Tuy nhiên, trong báo cáo đề xuất thì qui mô chiếm đất của Nhà Quốc hội mới chỉ khoảng 0,8 ha, nhưng theo phương án thiết kế L787 (được xếp loại A) công bố tháng 09/2007 thì Nhà Quốc hội sẽ xây dựng trên diện tích khoảng 10.000m<sup>2</sup>. Và do vị trí chật hẹp, công trình không có độ lùi nên Ban quản lý dự án đề nghị cho phép lùi về phía đông trên khu C theo sơ đồ khai quật khảo cổ học tại Thông báo số 190/TB-V PCP ngày 2/10/2007 của Văn phòng Chính phủ cũng ghi nhận “Vị trí Nhà Quốc hội có thể lùi vào trong khu đất (khu C Lô D) một khoảng thích hợp để Nhà Quốc hội không quá gần đường Độc Lập và đường Bắc Sơn...” và diện tích dự kiến xây dựng sẽ là 12.000m<sup>2</sup>. Do đó, đề xuất này ngay lập tức vấp phải nhiều ý kiến phản đối từ giới khoa học và tiếp tục có kiến nghị đổi vị trí xây dựng Nhà Quốc hội. Tuy nhiên, sau đó, vị trí và diện tích của Nhà Quốc hội vẫn được quyết định theo phương án trên và Chính phủ cho phép khai quật khảo cổ học tại khu vực xây dựng Nhà Quốc hội, và trong trường hợp phát hiện ra di tích, di vật, toàn bộ sẽ được trưng bày tại tầng hầm của tòa nhà mới.

Sau khi vị trí và phạm vi công trình Nhà Quốc hội đã được xác định, số phận và tương lai của Hoàng thành Thăng Long mới được có được câu trả lời chính thức bởi những động thái tích cực từ UBND Thành phố Hà Nội và Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch như Quyết định số 3806/QĐ-UBND ngày 25/09/2007 của UBND thành phố Hà Nội về Phê duyệt đề cương chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Thành cổ Hà Nội (tỉ lệ 1/500), Quyết định số 3906/QĐ-UBND ngày 02/10/2007 và Quyết định số 4555/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 về đầu tư chỉnh

tranh sân vườn, đường nội bộ, cây xanh, ánh sáng trong Khu di tích Thành cổ Hà Nội. Đặc biệt, Khu di tích Hoàng thành Thăng Long được công nhận xếp hạng Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 16/2007/QĐ-BVH-TT-DL của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch ngày 28/12/2007.

Và với giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, kiến trúc nghệ thuật của khu di sản Hoàng thành Thăng Long, ngày 12/08/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1272/QĐ-TTg xếp hạng Di tích lịch sử và khảo cổ Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội (quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội) là một trong 10 di tích quốc gia đặc biệt. Những quyết định công nhận cấp quốc gia vào năm 2007, năm 2009 là cơ sở đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của Khu di sản Hoàng thành Thăng Long, cũng như đánh dấu sự thành công cho những nỗ lực tranh đấu của các nhà khoa học trong và ngoài nước cho sự tồn tại của Khu di sản.

Có thể nói, hành trình tồn tại của Khu di tích Hoàng thành Thăng Long là một hành trình đầy gian nan trước những mâu thuẫn trong nhận thức về giá trị và ý nghĩa di sản, trong việc xử lý hài hòa giữa bảo tồn di sản và xây dựng Nhà Quốc hội. Trong hành trình đó, sự nhiệt thành, quyết tâm của các nhà khoa học cùng sự vào cuộc đồng lòng của báo chí, nhân dân cũng như sự lắng nghe, điều chỉnh của các bộ ngành, Đảng và Chính phủ là những yếu tố quyết định để giữ lại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long cho các thế hệ tương lai.

### ***2.2.2. Gian nan con đường trở thành di sản thế giới***

20h30 phút ngày 31/07 giờ Brazil tức là vào 6h30 phút ngày 1/8 theo giờ Việt Nam, tại kỳ họp 34, Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. Tuy nhiên, nhìn lại con đường mà Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội đã trải qua để trở thành di sản văn hóa thế giới cũng không phải là một con đường “trải hoa hồng”.

Đến tháng 9/2008 có thể bắt đầu đề trình hồ sơ và tháng 1/2009 UNESCO tiếp nhận hồ sơ thì ngay từ 2006, khi UBND Thành phố Hà Nội chính thức được Chính phủ giao nhiệm vụ lập hồ sơ đề cử. Liên tục từ 2006 đến 2010, thành phố đã phối

hợp chặt chẽ và nhận được sự tham gia nhiệt tình, tâm huyết của hàng trăm nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực (khảo cổ học, lịch sử, địa chất,...) cũng như sự giúp đỡ của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khảo cổ học để triển khai lập hồ sơ Đề cử di sản. Cùng với việc lập hồ sơ, dưới sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội đã triển khai công tác quy hoạch, bảo vệ di sản thông qua việc phối hợp với các cơ quan liên quan dành diện tích 100ha để di chuyển các cơ quan, đơn vị nằm trong khu vực di sản cũng như triển khai nhiều công việc tuyên truyền, thống nhất quản lý và đến năm 2010 thì phối hợp với Bộ Xây dựng lập quy hoạch bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản.

Khi xây dựng và bảo vệ Hồ sơ đề cử di sản cho Khu di tích Hoàng thành Thăng Long cũng vấp phải rất nhiều khó khăn, đặc biệt là việc lựa chọn các tiêu chí để xây dựng hồ sơ. Các nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước đều công nhận Hoàng thành Thăng Long có giá trị nổi bật toàn cầu, nhưng muốn trở thành Di sản thế giới thì cần chọn những tiêu chí thật “đắt”, tiêu biểu, độc đáo để chứng minh. Thật may mắn, cuối cùng nhóm viết Hồ sơ cũng lựa chọn được những nét độc đáo của HTTL về kiến trúc, khảo cổ và nhất là ý nghĩa lịch sử như một trung tâm quyền lực liên tục của Việt Nam trong vòng 13 thế kỷ.

Tháng 1/2009, bộ hồ sơ đề trình UNESCO công nhận Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long- Hà Nội là Di sản văn hoá thế giới chính thức được Trung tâm bảo tồn Khu di tích Cổ Loa- Thành cổ Hà Nội gửi tới Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO tại Paris (Pháp). Bộ hồ sơ được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, gồm 9 mục, 162 trang, do Giáo sư Phan Huy Lê chịu trách nhiệm chính. Hồ sơ xác định giá trị di sản, mô tả di sản, lý giải việc đăng ký ghi tên, tình trạng bảo tồn và những nhân tố tác động đến di sản, các giải pháp bảo vệ và quản lý di sản; việc giám sát phát huy giá trị di sản, lập hồ sơ tư liệu, thông tin liên hệ của các cơ quan hữu trách và chữ ký đại diện cho các quốc gia thành viên. Kèm theo đó là 8 phụ lục gồm các nội dung: mô tả khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu; Phân tích so sánh giá trị nổi bật toàn cầu của di sản; tình trạng bảo tồn và những nhân tố tác động đến di sản;



mô tả vùng đệm của di sản, các văn bản liên quan đến xếp hạng bảo vệ, các bản sao văn bản pháp lý; bản đồ, bản vẽ di tích và di vật, ảnh di tích và di vật. Tổng số trang của hồ sơ chính và phụ lục là 871 trang. Kèm theo bộ hồ sơ này là một bộ phim dài 45 phút và một slide gồm 84 ảnh giới thiệu về Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội.

Bộ hồ sơ được thực hiện trong 2 năm, được nhiều nhà khoa học đánh giá là công phu, hoàn chỉnh nhất cả về nội dung và hình thức trong số những bộ hồ sơ đã đệ trình lên UNESCO. Bên cạnh đội ngũ hàng chục nhà khoa học hàng đầu Việt Nam, còn có sự tham gia trực tiếp của các thành viên UNESCO ngay từ khi nghiên cứu, xây dựng bộ hồ sơ. Các chuyên gia của chúng ta đã đưa ra những cứ liệu lịch sử, những di vật, hiện vật cụ thể mang tính thuyết phục cao và với con mắt của chuyên môn đã từng giúp nhiều nước thì một số chuyên gia của UNESCO giúp chúng ta trong việc lập hồ sơ cũng đã đánh giá rằng áp dụng những tiêu chí ấy vào Khu di tích là tương đối chính xác, đảm bảo được những cơ sở khoa học, mang tính nổi bật về giá trị lịch sử, văn hoá toàn cầu.

Trong quá trình lập hồ sơ, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố Hà Nội cùng Bộ Ngoại giao còn phải tiến hành công tác vận động trên nhiều phương diện, qua rất nhiều bước, bao gồm hoàn tất và nộp hồ sơ, đón đoàn chuyên gia ICOMOS khảo sát thực tế và thực hiện công tác vận động tại hội nghị của UNESCO.

Theo quy định của Công ước Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972, hồ sơ đề cử di sản thế giới phải trình trước 2 năm. Sau khi trình hồ sơ vào tháng 2, Ban thư ký Ủy ban xem xét có đầy đủ theo quy định không, sau đó chuyển qua ICOMOS vào tháng 3. Trong quá trình này, có rất nhiều hồ sơ không lọt được vào vòng này và có cả những hồ sơ của Việt Nam. ICOMOS thẩm định trên bàn giấy trong 6 tháng, sau đó mới cử người thẩm định thực tế trong tháng 9. Sau đó, chuyên gia quay lại báo cáo hội đồng thẩm định của ICOMOS. Trong thời gian đó thì một chuyên gia thẩm định giấu tên khác sẽ đọc bản giấy của hồ sơ. Sau đó, chuyên gia này và chuyên gia thực địa sẽ cùng thảo luận, trình bày trước một hội

đồng 21 quốc gia. Tám tuần trước khi hội đồng họp, sẽ có thông tin về khuyến nghị của ICOMOS và xếp hạng hồ sơ theo các loại khác nhau.

Khó khăn thứ hai, và là thách thức thật sự xuất hiện sau khi Việt Nam xây dựng, đệ trình hồ sơ lên Trung tâm Di sản thế giới của UNESCO và chỉnh sửa theo yêu cầu. Việt Nam đã đón đoàn chuyên gia vào thăm định trên thực địa đối với Hoàng thành Thăng Long. Các ý kiến thăm dò ban đầu cho thấy hồ sơ viết khá tốt và có vẻ như đoàn chuyên gia cũng đánh giá tương đối khả quan. Tuy nhiên sau đó, Phái đoàn Việt Nam tại UNESCO cho biết Hồ sơ Đề cử di sản của Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội được ICOMOS xếp loại D<sup>10</sup>. Trong đó, lý do mà ICOMOS đưa là: mặc dù di sản có giá trị toàn cầu nhưng vẫn còn một số điểm cần làm rõ, tại sao di sản trông là phế tích thế mà lại công nhận? Hoặc vùng đệm của chúng ta là đường Nguyễn Tri Phương không đủ lớn mà phải mở rộng. Hoặc Trung tâm Hoàng thành là quá nhỏ so với một di sản. Hoặc khái niệm di sản trong thành phố hiện nay phải mở rộng ra cả thành phố. Thêm vào đó, chuyên gia được cử đến khảo sát di sản là chuyên gia kiến trúc, trong khi Hoàng thành mạnh về khảo cổ.

Theo thông lệ, một hồ sơ khi bị ICOMOS đánh giá loại “D”, nếu vận động ráo riết thì cũng chỉ có thể đưa lên loại “R”, nghĩa là không phải làm lại từ đầu mà chỉ phải bổ sung; còn khả năng lên được loại “I” là rất khó khăn, một nhiệm vụ gần như “bất khả thi”. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng cũng như Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm cùng nhiều lãnh đạo khác lúc đó chỉ đạo bằng mọi giá phải vận động thành công cho Hồ sơ Hoàng thành Thăng Long vì nếu không Đại lễ 1000 năm sẽ kém phần ý nghĩa.

Một chiến dịch vận động được đề ra, trong đó tập trung vào hai “mặt trận”: chuyên môn và ngoại giao. Một mặt chuẩn bị lập luận thật kỹ, giải trình các vấn đề mà ICOMOS còn băn khoăn hoặc có cách hiểu chưa đúng với giá trị của Hoàng thành Thăng Long; đồng thời chuẩn bị nội dung Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Di sản thế giới. Mặt khác, Việt Nam tiến hành vận động từ Lãnh đạo Cấp cao đến các

---

<sup>10</sup> ICOMOS có 4 loại khuyến nghị: Loại “I” là ghi danh hồ sơ vào Danh sách di sản; Loại “R” là gửi trả lại hồ sơ để các quốc gia đệ trình bổ sung thông tin và trình lại vào năm sau; Loại “D” là gửi trả lại hồ sơ, cần bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, tiếp tục các công tác nghiên cứu đối với hồ sơ và trình lại sau 3 năm; Loại “N” là loại hồ sơ và không bao giờ xem xét lại.

cấp khác; vận động ráo riết tại Hà Nội, tại Thủ đô 21 nước thành viên Ủy ban Di sản thế giới và tại các Phái đoàn của các nước ở UNESCO, Paris.

Cùng với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND Tp. Hà Nội, Bộ Ngoại giao đã tiến hành một chiến dịch ngoại giao ráo riết, bài bản từ trước khi Hội nghị của Ủy ban diễn ra. Bên cạnh việc chuẩn bị thật tốt hồ sơ, các nhà ngoại giao, nghiên cứu lịch sử - văn hóa - khảo cổ học còn tận dụng những cơ hội dù là nhỏ nhất để tiếp xúc và vận động tất cả các đoàn, giải thích giá trị của Hoàng thành Thăng Long, nêu bật quan hệ tốt đẹp giữa Việt Nam và các nước. Tuy nhiên, Bước vào giai đoạn vận động nước rút cho Hồ sơ Hoàng thành Thăng Long tại Kỳ họp lần thứ 34 của Ủy ban ở Brazil (tháng 6/2010), hành trang đoàn Việt Nam là cam kết ít ỏi của một số nước ủng hộ Hồ sơ, một vài lời hứa sẽ xem xét hồ sơ nhưng đoàn vẫn quyết tâm hoàn thành “sứ mệnh” được giao phó. Và tình hình thực tế tại Hội nghị không thuận lợi như ta vẫn mong đợi. Không khí chung của Hội nghị trở nên căng thẳng và bị chi phối bởi Hồ sơ Đền Preah Vihear của Campuchia được Ủy ban ghi danh là Di sản văn hóa thế giới và phản ứng mạnh mẽ của Thái Lan.

Trước Hội đồng Di sản thế giới gồm 21 nước đại diện, Việt Nam cùng ICOMOS cùng trình bày và bảo vệ quan điểm của riêng mình. Quan điểm của Việt Nam khi đó là xu thế kết hợp giữa thừa nhận các giá trị nhìn thấy như kinh thành Huế hay là Mỹ Sơn với thừa nhận các giá trị không nhìn thấy được. Và với Khu di sản Hoàng thành Thăng Long thì bên cạnh các di tích hiển hiện nhìn thấy được như Đoan Môn, Hậu Lâu, Cửa Bắc, Cột Cờ, Điện Kính Thiên, khu khảo cổ học còn có những giá trị vô hình của trung tâm quyền lực suốt 13 thế kỷ qua. Rất may mắn là quan điểm của Việt Nam phù hợp với xu thế mới của Hội đồng Di sản, nên được nhiều nước lên tiếng ủng hộ. Cuối cùng, Hội đồng đã thông qua Nghị quyết công nhận Di sản thế giới cho Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long (Nghị quyết 34COM8B.22) mà không cần bỏ phiếu, bác bỏ nhận xét của ICOMOS. Và Khu trung tâm Hoàng thành Thăng long trở thành Di sản văn hóa thứ 900 của Thế giới ngay trước thềm Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội với Giá trị nổi bật toàn cầu được ghi nhận là trung tâm quyền lực có chiều dài lịch sử văn hóa liên tục trong

suốt 13 thế kỷ cùng những di tích, di vật phong phú, đang đang phản ánh sự giao lưu văn hóa của Trung Hoa ở phía Bắc và Vương quốc Chăm-pa ở phía Nam.

### **2.3. Thực trạng của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội sau khi được công nhận di sản thế giới**

Mặc dù Khu Thành cổ Hà Nội vẫn được dùng là Tổng hành dinh của Quân đội Việt Nam cho đến năm 2004, nhưng từ năm 1997 thì các công trình như Đoan Môn, Hậu Lâu và Bắc Môn đã được chuyển giao cho Sở Văn hóa - Thông tin Hà Nội. Đến thời điểm năm 2006, khi UBND Thành phố Hà Nội thành lập Trung tâm Bảo tồn khu di tích Cổ Loa - Thành cổ<sup>11</sup> thì các di tích này được chuyển sang Trung tâm này quản lý. Còn khu phía Nam của Hoàng thành và quảng giữa từ Hậu Lâu cho đến Bắc Môn vẫn do Bộ Quốc Phòng quản lý. Riêng khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu thì do là khu vực dự kiến xây dựng Nhà Quốc hội nên về mặt pháp lý từ khi phát lộ năm 2002 cho đến năm 2006 vẫn thuộc quyền quản lý của Bộ Xây dựng.

Sau khi toàn bộ Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long (bao gồm Khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu và Thành cổ Hà Nội) được công nhận là di tích cấp quốc gia vào năm 2007, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã có Chỉ thị số 30/2008/CT-TTg ngày 10/10/2008 yêu cầu Bộ Quốc phòng bàn giao lại toàn bộ khu phía bắc và phía nam Thành cổ cho UBND TP Hà Nội chậm nhất là giữa năm 2009. Và Thủ tướng cũng chỉ đạo Bộ Xây dựng bàn giao quản lý quỹ đất tại 18 Hoàng Diệu cho Hà Nội. Đến tháng 5/2009, Bộ Xây dựng đã bàn giao Khu di tích khảo cổ học tại 18 Hoàng Diệu cho UBND thành phố Hà Nội quản lý, tiếp sau đấy, Bộ Quốc Phòng cũng tiến hành bàn giao phần diện tích từ Cột cờ Hà Nội đến Đoan Môn cho Hà Nội.

Sau khi trở thành di tích quốc gia đặc biệt năm 2009 và đặc biệt sau khi trở thành Di sản thế giới năm 2010, theo quy định, Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long được quản lý bởi một hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Khu Di sản được quản lý nhà nước bởi Cục Di sản văn hóa (thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), quản lý địa phương của UBND Thành phố Hà Nội, trong đó Trung tâm Bảo

---

<sup>11</sup> được thành lập theo Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 01/06/2006 của UBND Thành phố Hà Nội, có chức năng quản lý, bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa khu di tích Thành cổ Hà Nội, sau này được đổi tên thành Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội.

tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội<sup>12</sup> (tiền thân là Trung tâm Bảo tồn Khu di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội) là cơ quan quản lý trực tiếp Khu di sản, trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, mọi hoạt động liên quan đến Khu di sản cũng chịu sự giám sát của Văn phòng UNESCO Hà Nội và Ủy ban UNESCO Việt Nam.

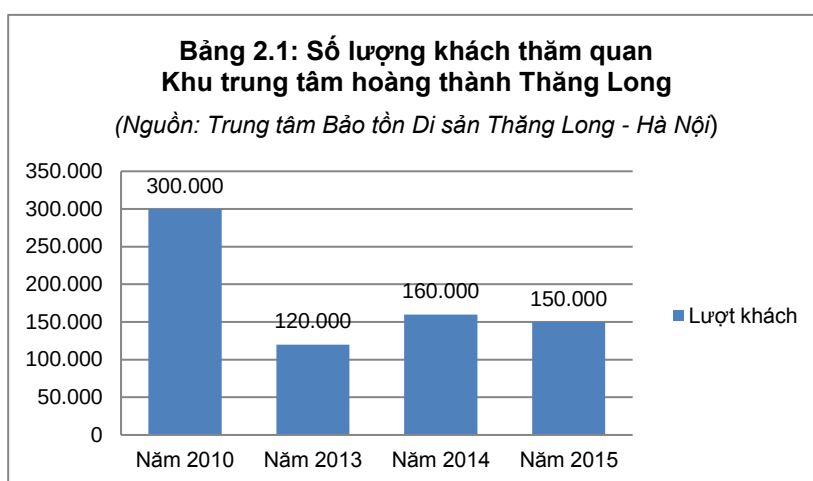
Đồng thời, với giá trị đặc biệt của mình, bên cạnh việc được bảo vệ bởi một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa của nhà nước có liên quan như Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật Di sản văn hóa sửa đổi và bổ sung năm 2010; Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/09/2010 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Luật Xây dựng năm 2003..., Khu di sản Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội, từ năm 1989 cho tới nay, còn được bảo vệ bởi rất nhiều Quyết định, Nghị quyết của nhà nước cũng như quốc tế nhằm công nhận các giá trị cũng như tăng cường quản lý bảo vệ cho những đặc điểm riêng có của Khu di sản. (Xem Phụ lục 2.14)

Ngay sau khi trở thành Di sản Thế giới, khu di sản đã gấp rút triển khai một đợt chỉnh trang lớn nhằm tạo dựng diện mạo khang trang, sạch đẹp thông suốt từ Đoan Môn đến Hậu Lâu để đón khách tham quan. Khu khảo cổ học được thành phố đầu tư kinh phí để xây dựng hệ thống cầu dẫn và chính thức bắt đầu mở cửa từ tháng 10/2010 trong dịp Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long. Thời điểm đó, Khu di sản Hoàng thành Thăng Long đã đón một lượng khách rất lớn là 300.000 lượt khách/tháng, mỗi ngày có hàng vạn lượt khách thăm di sản [76, tr.192] và nhiều nhà quản lý dự báo trong các năm tiếp theo, lượng khách tới Khu di sản sẽ tiếp tục tăng với khoảng 1,5 triệu lượt khách/năm [38, tr.117]. Và theo như tính toán của các chuyên gia Pháp trong Kế hoạch quản lý di sản năm 2008 thì với diện tích hơn 18.3 ha, quần thể này có đủ khả năng đón tiếp một lượng khách du lịch lên tới gần 2,4 triệu người/năm. Cụ thể, khu khảo cổ 18 Hoàng Diệu có thể đón 1500 khách/ngày trong khi khu thành cổ đón 5000 du khách/ngày. [25]

---

<sup>12</sup> Trung tâm Bảo tồn Khu di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội được đổi tên thành Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long – Hà Nội (theo Quyết định số 5668/QĐ-UBND ngày 06/12/2011) với chức năng quản lý, bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa khu di tích Cổ Loa và khu di sản Hoàng thành Thăng Long.

Tuy nhiên, theo thống kê của Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long Hà Nội thì lượng khách đến Khu Di sản chỉ bằng khoảng 1/10 so với dự báo. Trong ba tháng cuối năm 2012 có 44.829 lượt khách thăm quan di sản, Trong năm 2013 và 2014, các con số này là 120.000 và 160.000 lượt người [76, tr.192] Còn ở thời điểm tháng 11/2015, theo một thống kê chưa đầy đủ thì có khoảng 150.000 lượt người đã tới HTTL trong năm 2015 [25]. Trong đó, khách trong nước chiếm 80%, chủ yếu là người cao tuổi, sinh viên. Còn khách quốc tế chỉ chiếm 20% và chủ yếu là khách Nhật Bản. Lượng khách đến khu di sản thường tăng đột biến vào những tháng cuối năm do nhu cầu tham quan thưởng

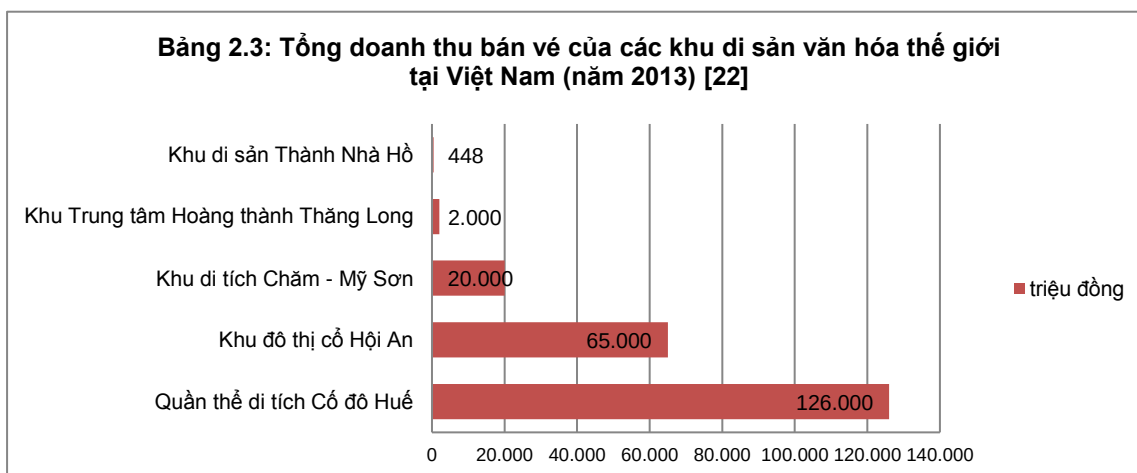
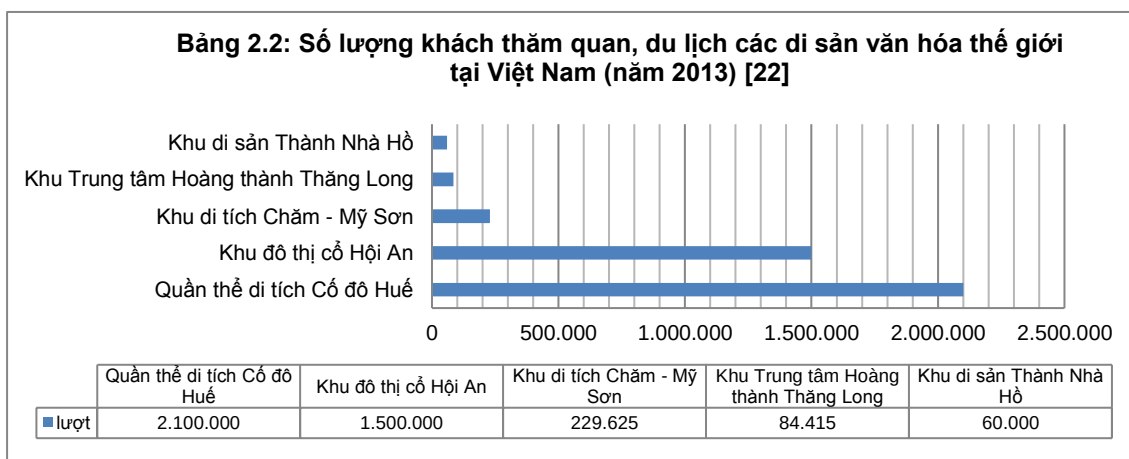


ngoại và chụp ảnh tại khu di sản của giới trẻ và học sinh, sinh viên, lượng khách nước ngoài đến theo tour cũng tăng đáng kể, đặc biệt là khách Nhật Bản. Tuy nhiên vào những thời điểm khác trong năm, khu di sản chưa thực sự thu hút được sự quan tâm của khách tham quan.

Nếu đem so sánh lượng khách thăm quan cùng con số doanh thu của Khu di tích Hoàng thành Thăng Long (2010) với các di sản văn hóa thế giới khác của Việt Nam như Khu di tích Cố đô Huế (1993), Khu di tích Chăm - Mỹ Sơn (1999), Khu đô thị cổ Hội An (1999), Thành nhà Hồ (2011) cũng có thể thấy đây là những con số còn rất hạn chế so với tiềm năng của khu di tích. (Xem Bảng 2.2 - 2.3)

Với vị trí trung tâm của Thủ đô, thuận tiện cho việc kết nối các điểm di tích nổi tiếng khác như Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Khu di tích Phủ Chủ tịch, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Văn Miếu Quốc Tử Giám, phố cổ Hà Nội, làng cổ Đông Ngạc... và việc quảng bá những giá trị của khu Hoàng thành Thăng Long cũng đã được triển khai thông qua nhiều phương tiện truyền thông đại chúng (Phụ lục 2.19) thì Hoàng

thành Thăng Long hoàn toàn có thể trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách. Tuy nhiên, theo một khảo sát thì 66,3% thăm duy nhất 1 lần và 20,4% chưa đến thăm lần nào [76, tr.375] và rất nhiều người khi đến Hoàng thành Thăng Long, đặc biệt là khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu đều thấy thất vọng.



Trên thực tế, rất nhiều du khách cho rằng, đến thăm Trung tâm Hoàng thành Thăng Long giống như đi thăm một bảo tàng, mà điều này thì cần có kiến thức sâu rộng, trong khi hầu hết khách du lịch không có đủ thời gian để tham quan hết, càng không có đủ kiến thức sâu rộng để “thẩm thấu” hết những giá trị “vĩ mô” này, mà thường chỉ muốn tiếp cận với những hiện vật sống động, bắt mắt. GS. Lê Văn Lan nhận xét: “Khách trong nước đến với Trung tâm Hoàng thành hiện nay chủ yếu là giới trẻ và mục đích chụp ảnh với cổng Đoan Môn cổ kính, chứ thực sự họ cũng không có nhu cầu tìm hiểu sâu về giá trị lịch sử. Còn những khách từ các vùng miền trong cả nước đến tham quan Trung tâm Hoàng thành mà tôi có dịp tiếp xúc thì bày

tỏ sự thất vọng. Lý do là nhắc đến Hoàng thành, họ cứ nghĩ đó là những lâu đài thành quách cổ kính như kinh thành Huế, nhưng thực ra toàn thấy nhà “Tây”. Với khách nước ngoài, họ lại ấn tượng nhất là khu hầm tránh bom D67 bởi được giới thiệu đây là nơi... tránh được bom nguyên tử, trong khi đó những giá trị văn hóa tầng tầng lớp lớp của khu di sản lại ít được khách nhớ đến do thuyết minh thiếu sinh động” [49]. Cùng chung quan điểm, KTS Fanscoi Milou (Công ty Studio Milou Singapore) chia sẻ, từ quan sát cá nhân, ông cảm nhận được nhiều người đến với Khu di tích số 18 Hoàng Diệu “không hiểu gì về di tích này, họ chỉ thấy một bãi khảo cổ lớn nhón những hố khai quật và một số pa-nô đặt tạm ghi thông tin chú giải về khu di tích” [7].

Các doanh nghiệp lữ hành cũng thừa nhận, các giá trị khảo cổ học, bề dày lịch sử qua hàng nghìn năm của Khu trung tâm Hoàng thành nếu không có sự giới thiệu, tìm hiểu thấu đáo sẽ chỉ thấy sự khô cứng, thiếu hấp dẫn [49]. Trong khi đó, theo quan sát, phần lớn khách lẻ đến thăm quan Khu di sản sẽ không có hướng dẫn thăm quan, hệ thống chỉ dẫn lại rất hạn chế, không đầy đủ nên rất khó thăm quan, thậm chí là bỏ sót các điểm tham quan. Và trên thực tế, do sự chia cắt bởi chính đường Hoàng Diệu mà rất nhiều người không hề biết đến sự tồn tại của khu khảo cổ học trong khu di sản. Bên cạnh đó, hiện nay chưa có sự kết nối toàn bộ tuyến thăm quan để phục vụ du khách, cơ sở hạ tầng nghèo nàn hầu như không có trạm thông tin, quầy hướng dẫn hay địa điểm nghỉ ngơi, giải trí, không gian di sản lộn xộn, thiếu tính liên kết với đủ loại cây cảnh, tranh ảnh. Thêm nữa, cảm nhận chung khi đến thăm quan di sản là đội ngũ cán bộ - nhân viên thiếu tính chuyên nghiệp và sự nhiệt tình. Nhân viên bán vé ngoài việc đưa vé, đưa tờ rơi giới thiệu cũng không có sự giải thích, hay hướng dẫn lộ trình thăm quan; thậm chí các cán bộ trong các khu trưng bày chỉ làm việc riêng và cũng không hề quan tâm đến khách thăm quan.

Mặc dù, trong những năm gần đây, Khu di sản đã cố gắng tổ chức nhiều hoạt động như Lễ hội Xuân, triển lãm hoa cây cảnh, trưng bày hiện vật cổ quý, thậm chí là Hội chợ sách, Lễ hội Hoa Anh Đào, Lễ hội âm nhạc Gió mùa nhằm thu hút khách đến với Hoàng thành Thăng Long, đặc biệt là các bạn trẻ, nhưng phần lớn khách



đến cũng chỉ để đến chụp ảnh, tham gia sự kiện, chứ ít người có nhu cầu đi tham quan, tìm hiểu các di tích hay nội dung trưng bày để biết được giá trị văn hóa - lịch sử của khu di tích. (Xem Phụ lục 2.16, 2.17) Thêm nữa, hầu hết các hoạt động sự kiện này cũng được tổ chức trong khu vực Thành cổ Hà Nội tại khu vực công Đoàn Môn là chính nên số lượng khách đến thăm quan khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu không hề tăng lên và những giá trị khảo cổ học của khu di tích cũng không được nhiều người biết đến.

Ngoài ra, do những tác động của môi trường tự nhiên - xã hội, các di tích của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long đều có dấu hiệu xuống cấp. Các dấu tích kiến trúc và bề mặt di tích đều phải đối mặt với rêu mốc, muối hóa, nứt nẻ, sụt lún... (Xem Phụ lục 3.4). Mặc dù, đã có rất nhiều chương trình/dự án về bảo tồn cũng như sự tham gia của các chuyên gia bảo tồn Nhật Bản, Bỉ, Pháp, UNESCO về nghiên cứu, tư vấn bảo tồn cho các di tích của Khu Di sản nhưng các công tác bảo tồn của Khu Di sản mới chỉ ở giai đoạn ban đầu như thu thập, phân tích các dữ liệu di tích (đo độ nứt nẻ đất, đo nhiệt độ, bức xạ, mực nước ngầm...), thử nghiệm lấp cát bảo tồn, phân tích các tầng đất, thành phần hóa học... Cho đến hiện nay, việc bảo tồn Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, đặc biệt là các hố khai quật khảo cổ vẫn là một bài toán chưa có lời giải bởi Việt Nam không có kinh nghiệm lẫn nhân lực làm bảo tồn di tích khảo cổ, đặc biệt với một diện tích lớn chưa từng có như Khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu thì lại càng cực kỳ khó khăn. Do đó, các công việc như làm mái che tại các hố khai quật hay địa điểm bảo quản các di vật cũng chỉ là các biện pháp “khắc phục tại chỗ”, phương pháp bảo quản mang tính sơ bộ, tình thế, tạm thời chứ chưa lập được một chiến dịch xử lý khoa học lâu dài. Bên cạnh đó, khối lượng lớn di vật khảo cổ học được tìm thấy, gồm nhiều loại hình khác nhau như vật liệu kiến trúc, gốm sứ, kim loại, xương động vật, vỏ nhuyễn thể... đòi hỏi sự đầu tư nghiên cứu, phân loại, bảo quản phức tạp, chi phí lớn, cũng đang chịu chung số phận như di tích khảo cổ học khi đang bảo quản tạm thời trong nhà kho, thậm chí phơi lộ thiên ngoài trời đang có dấu hiệu rêu mốc bề mặt và nứt vỡ vụn.

Nguồn nhân lực chủ yếu của Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội (đơn vị quản lý trực tiếp Khu Di sản) đều không có chuyên môn sâu về bảo tồn di tích - di vật, phần lớn có nền tảng đào tạo từ ngành bảo tồn - bảo tàng, quản lý văn hóa, một phần từ ngành lịch sử và cũng rất hiếm người được đào tạo từ chuyên ngành khảo cổ học. Trong khi đó, với khối lượng di tích - di vật khảo cổ học của Khu di sản thì việc cần có kiến thức chuyên môn tổng hợp cả về khảo cổ học lẫn bảo tồn, bảo quản là vô cùng quan trọng. Mặc dù, các chương trình/dự án tài trợ được thực hiện sau này cũng đều đề xuất mục tiêu đào tạo đội ngũ nhân lực cho công tác bảo tồn di sản. Tuy nhiên, lực lượng cán bộ được đào tạo về bảo tồn - bảo quản di tích, di vật theo các chương trình/dự án chủ yếu xuất thân từ khối ngành xã hội nên trình độ ngoại ngữ tương đối thấp nên việc học tập rất phụ thuộc vào phiên dịch viên, cá biệt có trường hợp cán bộ được gửi đi nước ngoài đào tạo còn không giao tiếp nổi với chuyên gia nước ngoài. Các tài liệu về chuyên ngành bảo tồn di tích cũng chủ yếu là tài liệu nước ngoài nên việc tiếp thu được kiến thức cũng gặp nhiều trở ngại. Thêm vào đó, kiến thức bảo tồn di tích - di vật phần nhiều là các kiến thức tự nhiên - kỹ thuật (sử dụng máy móc, thiết bị - phân tích hóa học, sinh học....) trong khi cán bộ của ta đều từ khối ngành xã hội. Nhìn chung, việc tiếp thu các kiến thức của các cán bộ Việt Nam được đánh giá là khá yếu và hạn chế. Cho dù vậy, nhưng ít nhất phần nào họ cũng là những người được đào tạo bài bản, tiếp thu những kiến thức tiên tiến về bảo tồn từ các chuyên gia thế giới. Nhưng cho đến hiện nay, nhiều cán bộ được đào tạo này cũng không còn trực tiếp thực hiện công tác bảo tồn tại khu di tích nữa. Trong khi đó, nguồn cán bộ tương lai cho khu di sản cũng là một bài toán đau đầu. Bởi cho đến hiện nay thì chưa có một cơ sở nào đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực này, ngay cả Khoa Di sản văn hóa (tiền thân là Khoa Bảo tồn - Bảo tàng) - Đại học Văn hóa Hà Nội thì những kiến thức bảo tồn được truyền đạt mới chỉ mang tính lý thuyết, chưa có các hoạt động mang tính thực tế, Bộ môn Khảo cổ học (Khoa Lịch sử - Trường ĐH KHXH&NV Hà Nội) cũng không dạy chuyên sâu về bảo tồn di sản khảo cổ học, đặc biệt là về bảo tồn di tích khảo cổ học.

Khi đề cử Di sản Thế giới cho Hoàng thành Thăng Long, UNESCO và ICOMOS cũng đã từng cảnh báo về vấn đề xây dựng Nhà Quốc hội có thể gây tác động xấu đến di sản và phá vỡ cảnh quan chung. Để giải quyết vấn đề này, Thủ tướng Chính phủ đã phải ký văn bản số 5129/VPCP-QHQT ngày 23/07/2010 cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc quản lý Khu di sản là “Bảo đảm xây dựng Nhà Quốc hội như phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, giữ gìn sự hài hòa với di sản cũng như các di tích lịch sử văn hóa trong Khu trung tâm chính trị Ba Đình và trong khi thi công xây dựng Nhà Quốc hội không gây tác động ảnh hưởng đến sự an toàn của di sản” [39, tr.15]. Tuy nhiên, trên thực tế thì lại không được như mong muốn của cam kết này. Năm 2011, việc thi công đào đất xung quanh tường chắn của tầng hầm Nhà Quốc hội cũng đã làm sụt lún, gây đổ bức tường gạch bảo vệ khu phía bắc của di tích Hoàng thành Thăng Long. Việc đào máy và khoan hệ neo xuyên sang lòng đất của khu di tích tại khu vực phía bắc và đông bắc cũng đã làm nứt vỡ kết cấu các tầng đất và làm nước bùn hợp chất có polymer tràn vào trong lòng hồ khai quật đang được bảo tồn. Tại khu vực phía Đông Bắc, đơn vị thi công đã dùng máy xúc, khoét sâu, đào phá các tầng đất thuộc chỉ giới bảo tồn và vượt qua chỉ giới bảo tồn di tích về phía đông khoảng 4m. Sau khi sự việc này lắng xuống một thời gian thì đến năm 2014, câu chuyện tranh chấp giữa bảo tồn di sản Hoàng thành Thăng Long và việc xây dựng Nhà Quốc hội lại một lần nữa bùng nổ với hàng loạt bài báo, hình ảnh của công tác thi công xâm hại đến di tích (những hố khai quật ngập nước, nhà vệ sinh đặt trong khu di sản, vật liệu xây dựng rơi xuống hố khai quật....). Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hội Di sản văn hóa Việt Nam, Hội Khảo cổ học Việt Nam cùng đứng tên Kiến nghị khẩn cấp gửi Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan hữu quan về việc công trường Nhà Quốc hội đang có những xâm phạm nghiêm trọng đến Di sản Thế giới. Trung tâm Di sản thế giới UNESCO cũng gửi yêu cầu giải trình chi tiết về tình trạng xâm hại ở Hoàng thành Thăng Long. Nguyên nhân của sự tranh chấp này là do sự thiếu thống nhất trong công tác phối hợp, quản lý giữa đơn vị xây dựng và đơn vị bảo tồn, dẫn tới những sự cố đáng tiếc trong quá trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng đến di tích. Tuy

nhiên, vấn đề này cũng bộc lộ nhận thức của công nhân hay ban quản lý xây dựng về loại hình di sản khảo cổ đơn cử như khu di tích 18 Hoàng Diệu còn hạn chế, hay nói cách khác là thiếu sự quan tâm thỏa đáng.

Mặc dù, khu di tích khảo cổ học đã được thống nhất quy hoạch thành công viên văn hóa - lịch sử nhưng xây dựng như thế nào, giữ điểm nào, lấp điểm nào đều có rất nhiều ý kiến tranh luận. Thậm chí sau khi đã có Quyết định phê duyệt tổng mặt bằng cho Khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu của Thủ tướng chính phủ năm 2012 thì đến năm 2014, cuộc thi tuyển Phương án thiết kế bảo tồn cho Khu vực này mới chính thức được tổ chức. Và ngay trong bản thân các phương án thiết kế được đưa ra thì các quan điểm bảo tồn của các dự án cũng rất khác nhau, nhiều phương án thể hiện sự hạn chế hiểu biết về bảo tồn di sản khảo cổ học của các tác giả. Tuy nhiên, trong 06 phương án được lựa chọn trao giải cũng không có phương án nào mang tính ưu việt tuyệt đối để áp dụng ngay cho Khu di tích 18 Hoàng Diệu và cho đến hiện nay thì vẫn chưa có công bố chính thức về phương án nào được lựa chọn để tiến hành thực hiện “giấc mơ lớn” Công viên khảo cổ - văn hóa - lịch sử Hoàng thành Thăng Long.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Hoàng thành Thăng Long là Khu di sản đặc biệt quan trọng của Thủ đô Hà Nội và cả nước, có giá trị nổi bật toàn cầu với bề dày lịch sử 1.300 năm và sự giao thoa các giá trị văn hóa suốt hàng nghìn năm lịch sử. Di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu và Trục chính tâm Hoàng thành Thăng Long tạo thành một quần thể di sản thống nhất, là bộ phận quan trọng nhất của Kinh thành Thăng Long - Kinh đô của quốc gia Đại Việt từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 18. Trải qua thời gian, những lầu son gác tía không còn nữa, nhưng những di tích trên mặt đất và dấu tích còn nằm sâu trong lòng đất đã chứa đựng những giá trị văn hóa vô giá, minh chứng cho sự phát triển liên tục của kinh đô Thăng Long và lịch sử dựng nước, giữ nước hào hùng của dân tộc Việt Nam.

Với những giá trị đặc biệt về văn hóa, lịch sử, khảo cổ, khoa học, Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt vào năm 2009 và chính thức trở thành Di sản văn hóa thế giới vào năm 2010. Khu Di sản cũng được kỳ vọng về những giá trị kinh tế - xã hội rất lớn, góp phần phát triển nguồn lực kinh tế, du lịch của Thủ đô. Nhưng tuy nhiên, sau hơn 10 năm phát lộ (từ tháng 12/2002 đến nay), vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị của di tích Hoàng thành Thăng Long trong vòng xoáy của phát triển đô thị, trước sự tàn phá của thời gian, môi trường và khí hậu vẫn luôn là câu hỏi lớn với các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, phóng viên báo chí và công chúng. Câu hỏi về sự tồn tại của các di tích khảo cổ học cùng với hàng triệu “hiện vật vô giá” tồn tại hàng thế kỷ trong lòng đất đã, đang và sẽ tồn tại như thế nào trong bối cảnh hôm nay luôn nóng hổi, mang tính thời sự và gây nhiều tranh luận bởi nhiều ý kiến trái chiều, không đồng nhất. Bởi bên cạnh niềm tự hào là những nỗi lo đan xen bởi trên thực tế vẫn còn nhiều vấn đề bảo tồn phát huy giá trị khu di tích vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức.

### **Chương 3**

## **DI SẢN KHẢO CỔ HỌC VIỆT NAM & MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI**

Cho đến hiện nay, Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu là khu duy nhất sau khai quật khảo cổ học được giữ lại để bảo tồn tại Hà Nội. Và sự tồn tại của Khu khảo cổ học này là sự tổng hợp của nhiều yếu tố may mắn từ vị trí phát hiện đến thời gian xuất lộ, nhưng chẳng đường để tìm được câu trả lời cho sự tồn tại của Khu di sản này trong đời sống xã hội như thế nào vẫn còn nằm ở phía trước.

Từ trường hợp cụ thể của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long, một di sản khảo cổ học nằm trong lòng Thủ đô Hà Nội có thể thấy được rằng di sản khảo cổ học Việt Nam, đặc biệt những di sản khảo cổ học trong lòng đô thị đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức. Đó là những tranh chấp giữa việc bảo tồn di sản và phát triển đô thị, những thiếu hụt từ góc độ chính sách, những quan điểm khác nhau trong bảo tồn và đặc biệt là di sản khảo cổ học đang chưa tìm được chỗ đứng, chưa nhận được sự quan tâm trong đời sống đương đại.

### **3.1. Tranh chấp giữa bảo tồn và phát triển**

Ngay từ khi hình thành, Khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long đã đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức giữa bài toán “tồn tại hay không tồn tại” và “tồn tại như thế nào” trong khu vực trung tâm Ba Đình. Mục đích đầu tiên của cuộc khai quật tại khu vực xây dựng Nhà Quốc hội cũng giống như bao cuộc khai quật khảo cổ học khác là “giải phóng mặt bằng” cho xây dựng chứ không phải là “nghiên cứu khảo cổ học” nên việc giữ lại khu di tích hay nhường bước cho xây dựng Nhà Quốc hội đã là câu chuyện tranh luận tốn kém nhiều giấy mực của báo chí lẫn các cuộc hội thảo liên quan.

Mặc dù những giá trị của di tích là không thể phủ nhận, các cơ quan quản lý cũng không có ý kiến đối lập với giới khoa học về mặt đánh giá nhưng chủ trương bảo tồn khu di tích như thế nào lại không rõ ràng. Sự dè dặt trong việc quyết định xây dựng hay không xây dựng Nhà Quốc hội trong khu vực 18 Hoàng Diệu

cũng đủ cho thấy sự khó khăn trong việc lựa chọn bảo tồn hay phát triển của chính những người lãnh đạo đất nước cho khu vực này.

Có thể nói, sự tồn tại của Khu khảo cổ Hoàng thành Thăng Long trong lòng thủ đô Hà Nội là một sự may mắn tổng hợp của nhiều yếu tố. Đầu tiên phải kể đến là sự ra đời của Luật di sản văn hóa vào năm 2001 và chính thức có hiệu lực vào năm 2002 nên công tác khai quật khảo cổ học tại khu vực dự kiến xây dựng Nhà Quốc hội mới có thể diễn ra thuận lợi như vậy. Ngoài ra, về vị trí, khu vực khai quật khảo cổ học là diện tích đất thuộc quản lý của Nhà nước, không có yếu tố tư nhân (như nhà ở, đất tư nhân) như trường hợp xây dựng Trảng Tiền Plaza hay Vincom 2 (khu vực Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo) nên không vấp phải sức ép về đền bù, tranh chấp về quyền sở hữu trong trường hợp giữ lại bảo tồn. Khu vực cũng nằm trong Khu trung tâm chính trị Ba Đình, phần lớn là các cơ quan làm việc của các Bộ, ban ngành, mật độ dân cư thấp nên cũng không chịu những sức ép xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu dân sinh như trường hợp của Đan Xã Tắc - Ô Chợ Dừa hay khu vực Văn Cao - Hoàng Hoa Thám. Thời điểm năm 2002 - 2004 cũng là thời điểm Hà Nội đang sôi sục các hoạt động chuẩn bị cho Đại lễ 1000 năm Thăng Long thì việc phát hiện ra dấu tích của thành Thăng Long trong lịch sử tại khu vực Ba Đình theo một lẽ tất nhiên trở thành sự kiện được quan tâm bởi các nhà quản lý, tổ chức và quần chúng nhân dân và việc giữ lại khu di tích đặc biệt này nhận được sự đồng thuận rất cao.

Tuy nhiên, trên thực tế, không hẳn di tích khảo cổ học nào cũng may mắn có đủ “thiên thời - địa lợi - nhân hòa” như Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, đơn cử như trường hợp của Đan Xã Tắc - Ô Chợ Dừa, Đan Nam Giao - Mai Hắc Đế.

Năm 2007, một bộ phận di tích Đan Nam Giao cùng các di vật từ thế kỷ XI-XII ngược về thế kỷ VII được phát lộ tại địa điểm 114 Mai Hắc Đế, Hà Nội. Người ta bàn tới việc bảo tồn, tư liệu hoá các hiện vật đưa vào bảo tàng và xây dựng một nhà bia để ghi nhận dấu tích này được coi là “phục vụ cho việc phát huy giá trị di tích Đan Nam Giao trong sự kết hợp hài hoà với yêu cầu xây dựng phát triển Thủ đô văn minh, hiện đại” [61]. Sau ba năm (2010), nơi đây đã mọc lên một toà nhà 25 tầng nổi

và ba tầng chìm trên mảnh đất thiêng vào bậc nhất trong lịch sử nghi lễ người Việt thời phong kiến, mà không thấy bóng dáng một nhà bia, đến một tấm biển để ghi nhớ địa điểm này từng là đàn Nam Giao. Có lẽ “may mắn” hơn địa điểm trên, di tích khảo cổ học Đàn Xã Tắc được phát hiện khi xây dựng nút giao cắt Ô Chợ Dừa - Xã Đàn. Di tích sau khi xuất lộ năm 2007 được vận động xếp hạng Di tích quốc gia và được lấp cát “để dành” cho thế hệ mai sau; trên đó là một đảo giao thông được đánh dấu bởi hòn non bộ, nếu nhìn kỹ từ hướng đông sẽ thấy vền vền năm dòng chữ nhỏ: “Di tích khảo cổ học Đàn Xã Tắc xếp hạng quốc gia...” và nhường chỗ cho việc xây dựng hai làn đường hai bên. Nhưng rồi đến năm 2013, cuộc tranh luận giữa bảo tồn và xây dựng cầu vượt tại đàn Xã Tắc lại một lần nữa bùng lên mạnh mẽ giữa những nhà khoa học và những nhà xây dựng. Nếu các nhà khoa học như TS. Nguyễn Hồng Kiên, PGS.TS. Tống Trung Tín, TS. Dương Trung Quốc... phản đối xây cầu vượt vì việc xây dựng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến di tích bên dưới, thậm chí là “đi trên đầu tổ tiên”, là “vi phạm Luật di sản” (vì di tích đã được xếp hạng) thì các nhà xây dựng (Hiệp hội vận tải Hà Nội) lại đưa ra lý do quy hoạch đã được duyệt và nhu cầu xây dựng cây cầu vượt là đáp ứng nguyện vọng chính đáng với nhu cầu dân sinh. Sự tranh cãi giữa việc bảo tồn di sản và nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng này thời điểm đó tồn không ít giấy mực của báo chí, không ít cuộc thảo luận giữa hai phe được đưa ra. Ngay cả người dân cũng chia làm hai chiều hướng, một chiều ủng hộ việc gìn giữ di tích, một bên phủ nhận giá trị di tích, đòi hỏi xây cầu vượt giải quyết ách tắc.

PGS.TS. Bùi Minh Trí chia sẻ “Trong nghề khảo cổ học của chúng tôi có một câu, giữa các nhà nghiên cứu khoa học, với những người xây dựng, luôn luôn, cả thế giới, đều mâu thuẫn nhau. Bởi vì các nhà khoa học luôn luôn gìn giữ bảo tồn tối đa tất cả những di sản hoặc những gì có giá trị về văn hóa. Còn những nhà xây dựng, nhiệm vụ của họ là xây dựng. Mà cái đấy là không chỉ là mâu thuẫn của một nước, mà là mâu thuẫn mang tính toàn cầu.”[27] KTS. Hoàng Đạo Kính cho rằng “Trong một cuộc giằng co mà thắng lợi bao giờ cũng giành về phía phát triển. Thế yếu thuộc về di sản, bao giờ cũng thế, dù vẫn minh mạy đi chẳng nữa vẫn phải hy sinh. Nhưng cần phải tính toán cho kỹ là cái gì miễn cưỡng phải hy sinh? Cái gì phải



giữ lại cho được? Còn nếu giữ lại hết, bất cứ thứ phế tích nào cũng giữ thì có lẽ Hà Nội sẽ phát triển về chỗ khác hoặc hết phát triển [26].”

Nếu tình hình xâm phạm di tích ở Thủ đô đang gây bức xúc dư luận thì tại các địa phương, tình hình còn phức tạp hơn nhiều. Cách đây nhiều năm, nhóm chuyên gia khảo cổ của Viện Khảo cổ học xuống Hải Phòng để khảo sát khu mộ thuyền Thủy Sơn. Khi biết rằng khu di tích giá trị này nằm trong hướng quy hoạch Quốc lộ 10, các chuyên gia đã khuyến cáo địa phương - để rồi khi 3 năm sau quay lại thì... đường lớn đã hoàn thành, còn khu mộ thuyền thì mất đi hoàn toàn. Có rất nhiều trường hợp, di tích khảo cổ phát lộ trong quá trình xây dựng hoặc quy hoạch đường xá, nhưng khi các chuyên gia khảo cổ tới thì không còn gì. Theo thống kê của Viện khảo cổ cho thấy 80, 90% các di tích liên quan tới thời đại kim khí trên toàn quốc đã bị xóa sổ hoàn toàn vì không được quy hoạch bảo vệ. Trong đó, có những di tích quan trọng như khu di chỉ khảo cổ Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ, Đông Sơn, Thanh Hoá hay mộ táng Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hay như trường hợp của di tích Cồn Diệp (Nghệ An) trở thành nơi họp chợ, khu tập kết phế thải, nơi trồng rau màu.

Trên đây chỉ là những ví dụ điển hình cho sự mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển mà những di tích khảo cổ học đang phải đối mặt hàng ngày trong quá trình đô thị hóa, trong quá trình phát triển của kinh tế - xã hội ngày nay. Mặc dù, đã có Luật di sản văn hóa, các nhà khoa học đều rất cố gắng đấu tranh để giữ lại các di tích nhưng “các nhà khoa học cứ nói mỗi mồm, các cơ quan chức năng có quyền thì họ vẫn quyết” (PGS.TS. Đặng Văn Bài) [87] và dường như “sự thắng thế của những ưu tiên cho sự phát triển kinh tế, thương mại” [52], TS. Nguyễn Thế Hùng, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa thừa nhận. Như trường hợp một phần di tích Hoàng thành Thăng Long tại nút giao thông Văn Cao - Hoàng Hoa Thám năm 2010, khi di tích được phát lộ, các nhà quản lý, thi công dự án vấp phải những “yêu cầu khó” về việc phải ngừng thi công và di chuyển con đường sang vị trí khác từ phía các nhà khảo cổ, lịch sử, văn hóa. Sau rất nhiều cuộc tranh luận nảy lửa tốn giấy mực cũng đã diễn ra, nhưng cuối cùng vì mục đích dân sinh, tuyến đường vẫn tiếp tục thực hiện.

### **3.2. Những vấn đề của chính sách đối với di sản khảo cổ học**

Nguyên nhân dẫn đến sự mâu thuẫn giữa công tác khảo cổ học và công tác xây dựng hay giữa bảo tồn di sản khảo cổ học với phát triển xây dựng trên thực tế bắt nguồn chính từ những chính sách của nhà nước đối với di sản khảo cổ học.

Mặc dù, năm 2001, Luật di sản văn hóa đã ra đời quy định nhưng việc áp dụng vào đời sống vẫn còn nhiều bất cập. Ngoài các dự án xây dựng Nhà nước thì không có chủ đầu tư nào tự giác tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý và chuyên môn tác nghiệp khảo cổ học cả. Trong đó, có trường hợp chủ đầu tư hoàn toàn không biết gì, có trường hợp chủ đầu tư biết nhưng cố ý không thực hiện một cách nghiêm chỉnh quy định của Luật Di sản văn hóa bởi “Đường như các chủ đầu tư, các nhà xây dựng... ghét khảo cổ, bởi họ sợ các nhà khảo cổ đến phát hiện các di chỉ thì công trình của họ phải dừng lại” (GS. Nguyễn Lâm Cường) [52] hay như PGS.TS. Tống Trung Tín thì “sau vụ Hoàng Thành Thăng Long tôi đã nghe nhiều nhà xây dựng nói bên ngoài nhưng rất thật rằng nếu đào thấy có di tích di vật thì mang máy xúc đổ khăn trương (bất chấp đó là di sản của tổ tiên) thì mới xây dựng được. Nếu để máy ông khảo cổ đục vào thì rách việc lắm có khi không làm được đâu.” [46]

Điều này dẫn đến nhiều di tích, di vật khảo cổ học bị phá hủy do vô tình hoặc cố ý trong quá trình xây dựng và khai quật khảo cổ học lại trở thành “khai quật chữa cháy, giải phóng mặt bằng”. Có thể kể ra ở đây như trường hợp của đoạn tường thành thời Lê ở khu vực Văn Cao - Hoàng Hoa Thám. Mặc dù đã có thông tin từ đầu năm 2010 về việc phát hiện dấu vết di tích Hoàng thành ở đoạn giao giữa Văn Cao, Hoàng Hoa Thám nhưng sau 4 tháng vẫn không có một động thái nào từ phía các cơ quan chức năng của Hà Nội như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội. Vì thế, các đơn vị thi công cho dù thấy các di tích, di vật vẫn tiếp tục phá và kết quả là một đoạn tường thành của Hoàng thành Thăng Long xưa bị san phẳng. Và các nhà khảo cổ học lại vào cuộc theo đúng kiểu “chữa cháy” vớt vát lại chút di tích, di vật còn sót lại. [2]

Bên cạnh đó, theo PGS.TS. Tổng Trung Tín thì Luật di sản năm 2001 vẫn còn những “khoảng trống” dẫn đến nhiều trường hợp các chủ đầu tư đem chính Luật ra “bắt lý” hoặc “phản biện” khiến cho việc làm các thủ tục thăm dò, khai quật nhiều khi vô cùng mệt mỏi. “Ví dụ có một khu đất khoảng 1000 mét vuông có di tích và di vật. Quy định thấy di tích, di vật và tầng văn hoá rồi thì phải xây dựng dự án để cứu vớt lấy toàn bộ di tích, di vật đó đi. Nhưng chủ đầu tư thường thắc mắc là tại sao đào nhiều thế, chỉ là mấy cái mảnh sành thì có giá trị gì, mảnh sành này ở đâu mà chẳng gặp? Và họ chỉ muốn đào ít thôi, 100 mét vuông hoặc cùng lắm là 200 mét vuông. Chỗ còn lại phải để chủ đầu tư đem máy đào ở phía trước, khảo cổ theo sau mà nhặt lấy mảnh đem về mà nghiên cứu. Thử hỏi nếu làm thế thì còn gì là khảo cổ học nữa? Và khi tranh luận, đưa Luật ra đối chiếu thì quả là không có quy định cụ thể nào cho việc khai quật tổng thể cả. Khi đó lại phải nhờ có sự can thiệp của các cơ quan có thẩm quyền và công luận thì mới khai quật được. Địa điểm Tràng Tiền Plaza năm 2000 rộng nhiều nghìn mét và là một di tích quý để nghiên cứu khu vực Đông Nam Thăng Long. Nhưng chủ đầu tư chỉ cho khai quật 200 mét vuông, diện tích còn lại, họ đã đào xúc vứt đi vĩnh viễn toàn bộ di sản ở đây.” Đặc biệt, về việc vận dụng điều 37 của Luật về việc khai quật khảo cổ học vào thực tế cũng hết sức vất vả vì các đơn vị thi công coi khảo cổ học như “kỳ đà cản mũi” luôn làm chậm tiến độ thi công [46].

Mặc dù đến năm 2009, Luật di sản văn hóa đã được sửa đổi, trong đó điều 37 đã được sửa đổi cụ thể hơn, rõ ràng hơn như: “2. Chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng công trình ở địa điểm thuộc quy hoạch khảo cổ có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch tiến hành thăm dò, khai quật khảo cổ trước khi triển khai dự án và thực hiện việc giám sát quá trình cải tạo, xây dựng công trình đó. 3. Trong quá trình cải tạo, xây dựng công trình mà thấy có khả năng có di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia hoặc phát hiện được di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thì chủ dự án phải tạm ngừng thi công và thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch. Khi nhận được thông báo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể

thao và du lịch phải có biện pháp xử lý kịp thời để bảo đảm tiến độ xây dựng. Trường hợp xét thấy cần đình chỉ xây dựng công trình tại địa điểm đó để bảo vệ di tích thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch phải báo cáo lên cơ quan cấp trên có thẩm quyền quyết định.”. Đồng thời, bổ sung thêm yêu cầu “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc lập quy hoạch khảo cổ ở địa phương; phê duyệt và công bố quy hoạch sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.” nhằm tránh sự mâu thuẫn phát sinh. Nhưng cho đến hiện nay, “quy hoạch khảo cổ hiện nay vẫn chỉ là con số 0 tròn trĩnh. Tại sao việc quy hoạch khảo cổ cứ phải nhắc đi nhắc lại bởi nó không có sự chuyển động. Năm ngoái chúng tôi có đề cập đến tỉnh Khánh Hoà là địa phương đầu tiên thực hiện luật di sản khi cho xây dựng quy hoạch khảo cổ trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên khi làm xong vẫn không thấy một hồi âm gì cả, có khi lại rơi vào tình trạng làm xong bỏ đó.” (PGS.TS. Tống Trung Tín) [51]

Cũng chính vì thiếu quy hoạch khảo cổ, những vấn đề mâu thuẫn trong quá trình phát hiện và gìn giữ di sản khảo cổ học vẫn nằm trên bàn cân bảo tồn hay phát triển, đơn cử như ở nút giao thông Văn Cao - Hoàng Hoa Thám (2010) hay trường hợp tranh cãi xây cầu vượt ở khu vực Đàn Xã Tắc. Ông Trương Minh Tiến, Phó Giám đốc Sở VH,TT&DL Hà Nội chia sẻ “Các điểm khảo cổ đã có tư liệu để xác định vị trí tuy nhiên có rất nhiều công trình tư nhân cũng như của thành phố quy hoạch chồng lấn lên. Đó là do quy hoạch của chúng ta chưa đồng bộ, quy hoạch khảo cổ đáng lẽ phải đi trước quy hoạch đô thị nhưng hiện nay việc triển khai còn quá chậm khiến xảy ra tình trạng quy hoạch đô thị không căn cứ trên quy hoạch khảo cổ. Rất nhiều công trình đào lên mới biết là có di chỉ khảo cổ. Theo luật thì phải dừng lại để khảo sát khiến cho công tác quản lý gặp nhiều lúng túng” [48]

Bên cạnh đó, nhiều nhà khoa học cũng tin rằng việc đấu tranh cho di tích được xếp hạng di tích thì di tích sẽ được bảo vệ [28]. Nhưng tuy nhiên, trên thực tế, đâu cứ phải xếp hạng Di tích là được bảo vệ. Luật Di sản văn hoá, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hoá và Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định rõ việc khoanh vùng bảo vệ và cấm mốc giới cho di tích.

Nhưng đến nay, việc cấm mốc giới cho di tích chưa được thực hiện đầy đủ, đồng bộ và còn rất chậm, dẫn đến một thực trạng di tích cho dù được xếp hạng vẫn bị xâm hại và có nguy cơ bị huỷ hoại (ví dụ như trường hợp di tích thành nhà Hồ, thành Luy Lâu...). Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hoá tại các đô thị lớn như: Hà Nội, Thừa Thiên Huế, thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác diễn ra quá nhanh, vì thế đất đai trở thành tài sản có giá trị vô cùng lớn, trở thành một món hàng hoá có giá trị lợi nhuận rất cao, cộng với tình trạng buông lỏng quản lý nên việc đất đai di tích bị lấn chiếm, di tích ngày càng bị thu hẹp trở thành một hiện tượng phổ biến như di chỉ khảo cổ Đồng Đậu - Vĩnh Phúc bị người dân xâm chiếm làm đất vườn [86], di chỉ khảo cổ Cồn Diệp - Nghệ An bị biến thành nơi họp chợ, đổ phế thải [54].

Thêm nữa, có một bất hợp lý tồn tại từ nhiều năm nay, nhưng vẫn chưa được giải quyết, đó là sự mâu thuẫn giữa một số quy định của Luật Di sản văn hóa với một số quy định pháp luật khác. Đơn cử như trường hợp di sản Thành nhà Hồ, theo Luật Di sản Văn hóa và Quy chế quản lý bảo vệ của di sản Thành nhà Hồ, thì khu vực 1 của di sản này là vùng bất khả xâm phạm, tuy nhiên trong khu vực di sản vẫn có dân sinh sống mà các hoạt động dân sinh lại dựa trên các quy định của Luật Đất đai và Luật Xây dựng. Các hộ dân tại khu vực của di tích có “sổ đỏ”, thì họ có quyền sử dụng đất đai và xây dựng nhà ở (dưới ba tầng) không cần phải xin giấy phép. Điều này dẫn đến sự chồng chéo, thiếu thống nhất khiến cho hoạt động quản lý và bảo tồn di sản Thành nhà Hồ vẫn trong vòng luẩn quẩn. Cục Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cảnh báo, việc người dân địa phương canh tác nông nghiệp trong khu vực bảo vệ đặc biệt đã làm bật lộ các kiến trúc dưới đất, ảnh hưởng nghiêm trọng tới di sản. Còn theo Ban quản lý di sản Thành nhà Hồ, họ không có đủ quyền hạn để xử lý các vi phạm như vậy. Hậu quả, di sản Thành nhà Hồ vẫn tiếp tục bị xâm phạm trong sự bất lực của chính quyền sở tại cũng như các cơ quan chức năng.

### **3.3. Sự yếu thế của di sản khảo cổ học trong hệ thống di sản văn hóa vật thể**

Xét trong hệ thống di sản văn hóa vật thể, có lẽ di sản khảo cổ học là loại hình tương đối “yếu thế”. Sự yếu thế này thể hiện trước hết số lượng di tích khảo cổ học được xếp hạng di tích quốc gia còn khiêm tốn, tính đến năm 2010, mới có 76/3056 di tích cấp quốc gia [33].

Di sản khảo cổ chủ yếu mang tính khoa học chuyên ngành, nên các loại hình di tích, di vật khảo cổ học ở Việt Nam thường nhận được ít sự quan tâm của cộng đồng so với các loại hình di sản khác. Một số di tích sau khi khai quật đã mất đi tầng văn hóa, hiện vật được đưa về bảo tàng, hồ khai quật được lấp lại hoặc chỉ còn lại những phế tích, luôn bị xuống cấp nên không hấp dẫn cộng đồng nếu không có sự nghiên cứu, giải thích, tuyên truyền của chuyên môn. Do đó, nhận thức của cộng đồng về giá trị của di tích khảo cổ học còn rất hạn chế. Ngay như tại thủ đô Hà Nội, với dân trí thuộc mặt bằng cao nhất cả nước, GS. Phan Huy Lê cũng bày tỏ băn khoăn về việc nhận thức về di sản của cộng đồng chưa đầy đủ “Tôi thấy trong quan điểm nhận thức về di sản vật thể của Thăng Long Hà Nội chúng ta trước đây chỉ chú ý đến những thứ trên mặt đất: đình, đền, chùa.... trong khi đó đều là những di tích trùng tu về sau này, có rất hiếm những thứ từ thời xưa. Ngược lại, khảo cổ học ít được quan tâm.”[2]

Việc phát huy giá trị các di tích khảo cổ khó khăn hơn nhiều so với các di tích liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo hoặc di tích lịch sử lưu niệm danh nhân, sự kiện. Bởi, các di tích tín ngưỡng, tôn giáo hàng năm còn có các hoạt động lễ hội; những nơi linh thiêng còn thu hút sự quan tâm của cộng đồng thông qua các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng. Các di tích lưu niệm danh nhân, sự kiện còn có các hoạt động thường niên, thường kỳ. Còn các di tích khảo cổ học với đặc thù của mình, không có các hoạt động thường niên như vậy, lại luôn trong tình trạng bị xuống cấp do ảnh hưởng của môi trường bên ngoài, không có các hoạt động tuyên truyền, quảng bá thường xuyên nên sự hấp dẫn của di tích là rất thấp, gần như bằng không. Kèm theo đó, chi phí cho công tác bảo vệ, bảo quản di tích khảo cổ lại tốn kém vì đòi hỏi đặc thù chuyên môn cao, trong khi đó, nguồn thu từ di tích khảo cổ lại rất ít,

thậm chí không có. Không sinh lời trực tiếp trở thành nguyên nhân khiến cho sự quan tâm, lòng nhiệt thành đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ thua kém hẳn so với các loại hình di sản văn hóa khác trên đất nước ta hiện nay. *“Bây giờ cái gì cũng tiền, những cái gì dễ nhìn nhận, dễ thu về lợi nhuận thì các tỉnh sẽ đầu tư và quan tâm. Ví dụ như Thanh Hóa, khu di tích Lam Kinh, cả tỉnh ai cũng muốn ôm vì nó là con gà đẻ trứng vàng. Chứ những di tích khảo cổ thì khác, di tích quốc gia hẳn hoi như Đông Sơn (phường Hàm Rồng, Thanh Hóa) được đầu tư hay quan tâm rất nhỏ giọt, đề án nghiên cứu sửa lên sửa xuống cả chục năm mà có làm được gì đâu. Hay như di tích Đồng Đậu (Vĩnh Phúc) xây dựng quy hoạch từ 2000, đến nay vẫn hoang phế.”*<sup>13</sup>

Bên cạnh đó, một số di tích còn bị xâm hại bởi nạn đào bới, săn lùng cổ vật (di chỉ gồm Chu Đậu...), nhiều di vật khảo cổ bị rao bán, trôi nổi trên thị trường. Đơn cử như trường hợp của Bảo tàng Lịch sử quốc gia Việt Nam, trong 10 năm vừa qua đã nhập kho 23 chiếc trống đồng do hải quan bắt giữ, hay những cánh đồng phát hiện hàng trăm chiếc trống đồng Đông Sơn nhưng khi các trung tâm bảo tồn nghiên cứu thu thập về thì chẳng còn được bao nhiêu.

### **3.4. Sức sống của di sản khảo cổ học trong đời sống cộng đồng**

Không thể phủ nhận, các cuộc khai quật khảo cổ đã cung cấp cho giới chuyên môn thêm nhiều tư liệu, bằng chứng để hoàn thiện những công trình khoa học của mình. Những người làm bảo tàng cũng có thêm hiện vật để có nhiều hơn trưng bày chuyên đề ngày càng hấp dẫn. Nhưng dường như những giá trị, ý nghĩa của di sản khảo cổ vẫn đang đi bên lề của cuộc sống đương đại.

Trong Hiến chương về bảo vệ và quản lý di sản khảo cổ học của Ủy ban Quốc tế Quản lý Di sản Khảo cổ học (ICAHM) khẳng định: “Việc giới thiệu di sản khảo cổ học ra quảng đại công chúng là một phương pháp thiết yếu để nâng cao hiểu biết về nguồn gốc và phát triển của các xã hội hiện đại. Đồng thời đó là nhận thức về nhu cầu phải bảo vệ di sản đó”. [24, tr.62]. Và theo các chuyên gia nhiều kinh nghiệm bảo tồn đến từ Bỉ (Jean Plumier và J.M.Leotard) thì “Nếu chúng ta

---

<sup>13</sup> Nam, Viện Khảo cổ học (PVS ngày 27/7/2016)

muốn gìn giữ di chỉ khảo cổ, cần tìm một cuộc sống mới và chức năng cho di sản: bảo tàng chỉ là một cách, không phải là tốt nhất. Bảo tồn phải ăn nhập với cuộc sống đương đại”. [47] Tuy nhiên, có thể thấy việc tìm chỗ đứng của di sản khảo cổ học trong đời sống đương đại hiện nay là điều không dễ dàng.

Bởi trên thực tế, ngành khảo cổ học là một ngành xa lạ với số đông quần chúng. Theo khảo sát nhỏ của tác giả, phần lớn người được hỏi đều tự đánh giá mức độ hiểu biết của mình đối với ngành khảo cổ học ở mức “Rất ít” và “Hạn chế” và không ít ý kiến cho rằng hoạt động chính của khảo cổ học là “đào mộ”, “đào cổ vật”. Điều này cho thấy nhận thức của cộng đồng về chuyên ngành khảo cổ học tại Việt Nam tương đối mơ hồ. Một phóng viên VOV cho biết “*Người dân không nhiều người quan tâm đến khảo cổ học, chủ yếu là tầng lớp trí thức họ mới biết, chứ người dân thường chắc phải đến khi đến được 18 Hoàng Diệu mới biết đến di sản khảo cổ học là gì*”<sup>14</sup>. Bên cạnh đó, lịch sử đang thất thế trong cuộc sống đương đại, trước những quan niệm thực dụng của xã hội hiện đại. Trong khi đó, di sản khảo cổ học phần lớn là các di tích, di vật có bề dày lịch sử. Do đó, việc hiểu được các giá trị, các thông điệp từ di sản khảo cổ học không phải là một điều dễ dàng. Theo chị T.H thì “*Mọi người thường có xu hướng đến với khu khảo cổ học một lần cho biết, chủ yếu vì tò mò chứ khảo cổ học là một ngành khó, đặc thù nên hiểu được cũng rất là khó*”<sup>15</sup>. Thêm vào đó, di tích khảo cổ chỉ còn là dạng phế tích luôn trong tình trạng bị tàn phá bởi thời tiết, môi trường bên ngoài, đơn cử như di chỉ Đồng Đậu có mọc um tùm, hay thậm chí như di tích 18 Hoàng Diệu mặc dù được quan tâm bảo tồn nhưng màu sắc của di tích cũng đã xuống cấp trông thấy, nhiều di vật không còn nguyên vẹn, cũng không có màu sắc, họa tiết đặc sắc thật sự rất khó hấp dẫn người xem.

Nhìn từ ví dụ của Hoàng thành Thăng Long có thể thấy rõ điều này. Mặc dù số lượng khách đến thăm quan Hoàng thành Thăng Long trong những năm vừa qua không phải là ít nhưng số lượng người đi thăm khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu lại rất ít. Theo nhiều chia sẻ của những người từng đến thăm quan khu di tích, đa phần

---

<sup>14</sup> PVS ngày 14/07/2016

<sup>15</sup> Nữ, Cán bộ, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam (PVS ngày 21/07/2016)



đều cảm thấy không hiểu di sản. “Tôi thích khảo cổ học, nhìn thấy những di tích còn sót lại thật đáng khâm phục những thế hệ đi trước, nhưng ngoài xem thì chưa thể nắm bắt, hiểu rõ về những di vật, kiến trúc mình đang xem”<sup>16</sup>; “Tôi mong ai đến đây cũng được nghe hướng dẫn vì không phải ai nhìn cũng hiểu.”<sup>17</sup> “Hôm nay lần đầu tiên đến Hoàng thành, cảm giác rất lạ. Mới nhìn qua khu khảo cổ thấy toàn gạch là gạch, có tin nản lòng. Nhưng nghe thuyết trình thấy bất ngờ, không tưởng tượng khu này trước kia lại hoành tráng như thế, lại còn có ý nghĩa to lớn nữa. Thấy thích thích, cũng tự hào, không uống công đến đây xem tận mắt. Bây giờ mới hiểu sao nó lại được UNESCO công nhận.”<sup>18</sup>

Giá trị nổi bật toàn cầu của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long được chứng minh rõ nét bởi tính nguyên vẹn và xác thực mà chính những di sản khảo cổ học tìm thấy tại khu 18 Hoàng Diệu nhưng KTS Fanscoi Milou (Công ty Studio Milou Singapore) chia sẻ, từ quan sát cá nhân, ông cảm nhận được nhiều người đến với Khu di tích số 18 Hoàng Diệu “không hiểu gì về di tích này, họ chỉ thấy một bãi khảo cổ lớn nhón những hố khai quật và một số pa-nô đặt tạm ghi thông tin chú giải về khu di tích” hay theo như một bạn sinh viên, khoa Đông Phương học với kinh nghiệm từng làm tình nguyện viên tại Hoàng thành Thăng Long, cũng thấy rằng khu khảo cổ học này chưa thu hút và hấp dẫn du khách: “Hoàng cung xưa thực sự rất rộng lớn và nguy nga nhưng trên thực tế diện tích mà ta khai quật mở rộng được ở khu qui hoạch này diện tích hiện nay thì chưa thể nào cho khách tham quan thấy được độ rộng lớn và tráng lệ xưa được. Các cổ vật, hiện vật còn sót lại chỉ đơn giản là vài mảnh vỡ được ghép, chấp vá và tái tạo lại, rất ít hiện vật nguyên nên để cho khách tham quan và mọi người hình dung ra được cuộc sống cung đình xưa là rất khó. Bên cạnh đó, trong khu 18 Hoàng Diệu hiện nay cũng còn lại một số vết tích và nền được cho là những tầng lớp văn hóa đánh dấu từng thời đại như những giếng nước cổ qua các đời vua, các trụ được cho là kiến trúc tiêu biểu – chống đỡ chính cho cả cung đình xưa, những viên đá lát,

---

<sup>16</sup> Nam, Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội (PVS ngày 26/12/2015)

<sup>17</sup> Nữ, Kim Thành, Hải Dương (PVS ngày 06/01/2016)

<sup>18</sup> Nữ, Hà Nam (PVS ngày 25/02/2016)

con kênh và thuyền vua ngự để đi ra sông Tô Lịch thưởng ngoạn.... Dựa trên kiến thức và các nhà khảo cổ, lịch sử miêu tả lại là vậy, nhưng thực tế đến 18 Hoàng Diệu du khách chỉ thấy một khu được chia ra làm nhiều ô, chỉ có những chiếc giếng là còn rõ và dễ hình dung và nhìn thấy tận mắt, còn với những viên đá, con kênh nhỏ, trụ hoa sen...chỉ còn lại là vết tích nhỏ, khó nhận thấy và để cho họ phải tưởng tượng đó là nơi vua đi thuyền ngự ra sông Tô Lịch, hay kia là những trụ chính để chống đỡ toàn bộ cung điện xưa thì quả là khó.” Cùng chung quan điểm một cán bộ Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam cũng chia sẻ “Chị thấy hiện vật thì đẹp, nhưng khách Việt mà không phải làm nghề khảo cổ hay bảo tàng thì có lẽ chả hiểu gì. Xem xong cũng chả có suy nghĩ gì đâu, xem xong rồi quên. Đến chị là người thích xem bảo tàng mà còn chả ấn tượng gì. Đại bộ phận dân chúng xem vì tò mò, nhưng chả hiểu gì, thấy đẹp thì thích thích một lúc. Còn chả ai hiểu ý nghĩa lịch sử của hiện vật hay công trình khảo cổ đâu. Để thu hút người xem cần có nhiều cái tương tác, trải nghiệm và nền trình độ dân trí cao cao tỹ.”<sup>19</sup>

Có thể thấy, sự tò mò của công chúng đối với di sản khảo cổ học phần lớn đến từ chính sự mơ hồ của hiểu biết về khảo cổ học, được xây dựng, vun đắp từ chính những bài báo viết về di tích, di vật và đôi khi cả từ phim ảnh và sách truyện. Chúng khiến cho những di sản khảo cổ học trở thành những di sản bí ẩn và mới lạ trong mắt công chúng. Vì vậy, thời gian đầu, công chúng thường có tâm lý háo hức, tò mò, mong muốn tìm hiểu khám phá xem di tích có gì. Thậm chí nhiều người có suy nghĩ rằng các di tích khảo cổ học rất nhiều vàng bạc châu báu như các bộ phim Hollywood. Nhìn lại, thời điểm Đại lễ 1000 năm khi khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu mới mở cửa, hàng ngày có hàng nghìn lượt khách thăm quan Khu khảo cổ học Hoàng thành Thăng Long. Trong đó, nhiều người háo hức thăm quan với suy nghĩ “bên trong Hoàng thành Thăng Long hoàng tránh và thú vị như mấy công trình kiến trúc của Trung Quốc”, và “có nhiều hiện vật vàng bạc châu báu lắm” nhưng rồi sau khi xem chỉ thấy thì “thấy bình thường” thậm chí “kết lại hay có câu đùa kiểu: gạch

---

<sup>19</sup> Nữ, Cán bộ, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam (PVS ngày 24/07/2016)

*ngôi, bát đĩa này ở nhà cô, chú đây*”<sup>20</sup>. Vì vậy, nhiều người chỉ đến với di tích khảo cổ học một lần cho biết và vì “*thấy chẳng có gì*”<sup>21</sup> nên hầu như người dân bình thường không mấy ai quay trở lại thăm quan. Theo Báo cáo của Dự án UNESCO/JFIT “Bảo tồn Khu di sản văn hóa Hoàng thành Thăng Long” thì phần lớn số người được hỏi đã từng một lần đến thăm Thăng Long (66.25%). Đáng chú ý, 20,5% mẫu điều tra chưa từng đến di sản, chủ yếu vì lý do không có thời gian, và quan trọng hơn do thiếu thông tin về di sản. Mặc dù 70% số người được hỏi cho biết họ sẽ quay lại thăm Hoàng thành, nhưng phần lớn là vì mục đích nghiên cứu và công tác [79].

Bên cạnh đó, trong một xã hội hiện đại, có quá nhiều thứ chi phối về thời gian và tiền bạc như hiện nay thì cũng có nhiều người không hề quan tâm, hứng thú với lĩnh vực khảo cổ học. Điều này cũng khiến nhiều người chưa từng bước đến với Hoàng thành Thăng Long như chị B.H<sup>22</sup> “*Chị đi thăm Hoàng thành Thăng Long 2 lần rồi nhưng chưa bao giờ sang khu khảo cổ học. Bởi bình thường thì không quan tâm lắm đến mảng khảo cổ học, với lại xem trên truyền hình với báo chí rồi nên nghĩ là đủ nên mãi cho đến bây giờ vẫn chưa đi thăm lần nào.*”, chị H.Y<sup>23</sup> “*Mình từng chụp ảnh cưới tại Hoàng thành Thăng Long, nhưng cho đến bây giờ thì mình cũng chẳng nhớ gì nhiều về nó vì hôm đó chỉ mãi chụp ảnh thôi. Mặc dù làm báo, nhưng mình ít quan tâm đến mảng di sản này lắm nên cũng chưa sắp xếp thời gian thăm quan di tích này.*” Một giảng viên Học viện Hành chính cũng chia sẻ “*Giảng viên trường anh (Học viện Hành chính) chưa ai đi Hoàng thành Thăng Long cả. Những giảng viên Ngoại thương, Kinh tế quốc dân mà anh quen cũng ít đi xem lắm, phần vì công việc không liên quan, phần vì còn bận rộn đi làm, chăm sóc gia đình, đàn đúm bạn bè thì làm gì có thời gian mà đi tham quan Hoàng thành.*”<sup>24</sup>

Thời điểm trước khi trở thành Di sản thế giới, mục đích giữ lại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, đặc biệt Khu khảo cổ học Hoàng Diệu, trước đây đều

<sup>20</sup> Cán bộ Dự án Chính lý 18 Hoàng Diệu, từng tham gia phục vụ Đại lễ 1000 năm Thăng Long (PVS ngày 27/07/2016)

<sup>21</sup> Sinh viên, Học viện Hành chính (PVS ngày 13/07/2016)

<sup>22</sup> Nữ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (PVS ngày 22/07/2016)

<sup>23</sup> Nữ, Phóng viên, Báo Phụ nữ Việt Nam (PVS ngày 22/07/2016)

<sup>24</sup> Nam, Giảng viên, Học viện Hành chính (PVS ngày 13/07/2016)

được các nhà khoa học, quản lý nhấn mạnh là để dành cho thế hệ mai sau. Nhưng phần lớn giới trẻ hiện nay đến với Khu Di sản Hoàng thành Thăng Long chủ yếu để chụp ảnh với các di tích cổ kính Đuan Môn, Bắc Môn, Cột Cờ Hà Nội và tham gia các sự kiện (như Lễ hội Hoa Anh đào, Moonsoon - Lễ hội âm nhạc Gió mùa, Hội sách, các chương trình biểu diễn nghệ thuật...), chứ ít người tham quan, tìm hiểu giá trị của di tích. “Em có tham dự Lễ hội Hoa Anh Đào, cũng thường đưa tin về các sự kiện của Hoàng thành Thăng Long, nhưng em thấy các bạn trẻ đến Hoàng thành Thăng Long cũng chỉ để tham gia sự kiện, chụp ảnh xong là về, chứ ít bạn muốn tìm hiểu sâu về giá trị di tích lắm.”<sup>25</sup>

Đặt trong bối cảnh tầm quan trọng của Hoàng thành Thăng Long, điều này cho thấy di sản vẫn chưa thu hút được đông đảo khách tham quan, bằng chứng là tần suất khách đến thăm hơn một lần còn thấp và chất lượng thông tin thuyết minh di sản dành cho công chúng còn hạn chế. Nhưng bản thân những người đang làm công tác quản lý di sản lại có nhiều người có thái độ tương đối dửng dưng. “Những người tâm huyết với nghề (chủ yếu là mấy cô chú cao tuổi) cũng khá lo lắng trước sự kém hiểu biết và trân trọng những giá trị lịch sử trong suy nghĩ của lớp trẻ, còn đại đa phần các cán bộ trẻ thì cũng dửng dưng. Họ cũng chỉ thuyết minh theo kịch bản có sẵn, ai hiểu biết hơn thì nói sâu hơn và gần như nói theo thói quen. Tức là có khách thì nói còn chẳng quan tâm người ta có nghe hay không”.<sup>26</sup>

Nếu Hoàng thành Thăng Long hiện nay vẫn còn nguyên vẹn và ít nhiều vẫn còn người tham quan thì di tích đàn Xã Tắc, đàn Nam Giao sau khi giải phóng mặt bằng phục vụ dân sinh nhanh chóng bị lãng quên. Bà Hoàng Thị Thoa, bán nước vỉa hè gần vườn hoa đàn Xã Tắc khi được hỏi rất ngạc nhiên khi biết cột đá đặt giữa vườn hoa mini chính là di tích đàn Xã Tắc “Cái vòng xuyên kia ấy à? Chả trách lâu lâu lại thấy có người ra đó thắp hương, tôi cũng không để ý đến lắm nên không rõ”.

Có một thực trạng đáng buồn là có rất nhiều di tích khảo cổ học được tìm thấy, phát hiện rồi quên lãng, sự quên lãng của các nhà quản lý, của các nhà khảo cổ học và của chính những người dân. Nguyên nhân được đưa ra có nhiều như di sản

<sup>25</sup> Nữ, Phóng viên VOV (PVS ngày 13/07/2016)

<sup>26</sup> Nữ, Cán bộ Dự án Chính lý 18 Hoàng Diệu (PVS ngày 27/07/2016)

khảo cổ học mang tính chuyên ngành, chỉ là phế tích nên ít được quan tâm, không có hoạt động thường niên, nhưng cũng có một nguyên nhân chính là từ cơ chế chính sách của nhà nước. Các đơn vị khảo cổ học chủ yếu tập trung cho công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành nên hoạt động khai quật thường lấy tư liệu về địa tầng và tìm kiếm di vật, sau khai quật, các di vật được lấy đi, hiện trường chỉ còn lại một hố đất trống. Chuyện quản lý sau đó thì thuộc các cấp chính quyền địa phương và người dân, không còn có trách nhiệm của các đơn vị khảo cổ học nữa. Trong khi đó, việc thăng hạng quá nhanh, quá nhiều di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia dẫn đến số lượng di tích tăng lên một cách chóng mặt, nguồn ngân sách và sự quan tâm của địa phương hay trung ương lại có hạn nên trong cuộc chạy đua giành “suất đầu tư” này, di sản khảo cổ học không thể nào là “đối thủ” với các di tích lịch sử - tâm linh hay danh lam thắng cảnh địa phương. Bởi địa phương nào cũng muốn đầu tư có lợi nên *“những gì dễ nhìn, dễ thu về lợi nhuận thì được ưa thích hơn”*<sup>27</sup>. Vì thế mà không ít di tích khảo cổ học được xếp hạng cấp quốc gia bị chính quyền bỏ quên và không được sự quan tâm đúng mức ví dụ như di chỉ Đồng Đậu, di chỉ Cồn Diệp, di chỉ Giồng Cá Vồng.

Với đặc điểm là những phế tích, lại không được chăm chút, bảo quản, đầu tư, di sản khảo cổ học vốn yếu thế lại càng yếu thế hơn trong việc thu hút sự quan tâm của cộng đồng, thậm chí là từ những người dân xung quanh. Hiểu biết hạn chế, lại trong thời buổi “tắc đất tắc vàng”, “tiền bạc lên ngôi”, nhiều di tích được trưng dụng thành những “giá trị” dễ thu lợi cho người dân như thành chợ, thành nơi tập kết phế liệu<sup>28</sup>, đất canh tác, các di vật khảo cổ học tìm được thì người dân đem bán thu lời. Nhưng đơn vị quản lý vẫn đứng đưng như không, Trưởng ban quản lý di tích tỉnh Vĩnh Phúc, bà Nguyễn Thị Diện từng trả lời phỏng vấn báo chí rằng: “Tuồng bảo vệ đồ, biển tên trên cổng bị bong tróc, lau lách bụi rậm mọc đầy, người dân canh tác trên mảnh đất di tích,...nhưng những cái đó chẳng hề ảnh hưởng đến dưới lòng đất hiện vẫn còn các hiện vật, di chỉ khảo cổ. Có chăng là mất mỹ quan, chứ toàn bộ khu di chỉ vẫn không hề bị xâm hại(!). Và lại, cả tỉnh Vĩnh Phúc có mấy chục di tích

<sup>27</sup> Nam, Cán bộ, Viện Khảo cổ học (PVS ngày 27/07/2016)

<sup>28</sup> như trường hợp di chỉ Cồn Diệp (Nghệ An)

cấp quốc gia chúng tôi phải quản lý, chứ đâu chỉ có riêng di tích quốc gia Đồng Đậu.”[86]

Bên cạnh đó, việc tìm thấy di tích/di vật khảo cổ học nếu với các nhà khảo cổ học, sử học là niềm vui sướng thì đối với nhiều người thì chúng chẳng hề được thích thú. Đối với nhiều người dân, chúng trở thành những phiền phức ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của họ như trường hợp của chủ một cửa hàng đồ gỗ nội thất gần khu vực đường Văn Cao - Hồ Tây bức xúc *“Tôi chả biết tường thành hay gì, chỉ thấy có một đoạn mà gần 2 năm nay vẫn chưa xong, làm cuộc sống của chúng tôi đảo lộn. Trước nhà thì ngổn ngang công trường. Đến đường đi cũng khó, mưa lầy, nắng bụi.... thử hỏi còn bán hàng được cho ai. Nhà tôi bị mất nguyên hai cái Tết rồi”*<sup>29</sup> hay như một bạn sống ở Đông Tác, Đống Đa<sup>30</sup> bức bối khi nói về việc kéo dài thi công Đàn Xã Tắc ở nút thắt Ô Chợ Dừa: *“Đàn xã tắc hay đàn ách tắc? Máy cái mảnh bát vỡ cũng thành khảo cổ? Khảo cổ với chả khảo cánh, lại còn đề Bưởi nữa chứ. Sẽ còn rất nhiều công trình xây dựng được khởi công và cũng sẽ rất nhiều mảnh bát đĩa cho các vị ngâm. Các vị hãy để cho dân đỡ khổ vì ách tắc đi đã”*. Còn hiển nhiên giới xây dựng thì chẳng ưa gì giới khảo cổ học, cũng chẳng thích thú gì khi tìm thấy di tích, di vật bởi nếu tìm được có nghĩa là sẽ chậm thi công và chi phí khai quật khảo cổ học này (nhiều trường hợp theo luật) cũng sẽ phải chi trả.

Chính vì nhận thức hạn chế của cộng đồng về ngành khảo cổ học mà nguồn nhân lực cho ngành này càng ngày càng ít. Theo như Bộ môn Khảo cổ học của Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội thì tỉ lệ sinh viên lựa chọn ngành này trên tổng số sinh viên của khoa chỉ từ 3-5% và số lượng tốt nghiệp từ năm 2010 đến năm 2016 cũng chỉ là 34 người (Phụ lục 3.3). Thầy giáo Nguyễn Xuân Mạnh - Giảng viên Bộ môn khảo cổ học Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội băn khoăn: *“Điều đáng buồn đối với những người trong nghề là số lượng sinh viên theo ngành khảo cổ ngày một ít đi, có năm chỉ có một vài em đăng ký theo học ngành này. Không đủ sinh viên để mở lớp, nhiều lần chúng tôi phải nói*

---

<sup>29</sup> PVS ngày 14/07/2016

<sup>30</sup> PVS ngày 27/07/2016

các em chuyển ngành hoặc bảo lưu điểm chờ năm sau đủ lớp mới học tiếp. Học khảo cổ rồi nhưng theo nghề cũng chẳng được bao nhiêu vì nghề này quá vất vả, thu nhập lại không cao.” [9]

Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận những phát hiện của khảo cổ học tại Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long trong những năm qua đã mang lại ít nhiều sự quan tâm của công chúng đối với loại hình di sản khảo cổ học. Trong cuốn sổ ghi cảm tưởng của những người dân đến thăm quan khu di tích, không ít người đã bộc lộ sự cảm kích trước những vất vả của cán bộ, công nhân trên công trường khảo cổ học. Sau Hoàng thành Thăng Long, nhiều di sản khảo cổ học đã được quan tâm hơn và được xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt như Thành nhà Hồ, Ốc Eo - Ba Thê, Gò Tháp, Cát Tiên, Hang Con Moong... (Phụ lục 3.5). Và trên thực tế, Việt Nam đang manh nha hình thành loại hình Khảo cổ học cộng đồng, trong đó, các nhà khảo cổ và quản lý cùng nhau tuyên truyền để bà con địa phương biết được giá trị của di tích, hiểu và tự hào về di sản, từ đó, không chỉ giúp đỡ công tác nghiên cứu, điều tra di tích mà chính bà con còn trở thành chủ thể tham gia bảo vệ chính các di sản khảo cổ học (trường hợp Bảo tàng Kim Lan, di tích Bản Chiềng). Nhưng để có thể có được điều đó thì địa phương phải *“tạo cho người dân được hưởng lợi từ chính di tích, chỉ có lợi từ di tích thì người dân mới quan tâm đến di tích, bảo vệ di tích”*<sup>31</sup>.

### **3.5. Những khó khăn trong việc bảo tồn di sản khảo cổ học**

Thực trạng chung của nguồn nhân lực trong hoạt động bảo tồn di tích của Việt Nam là thiếu và yếu trầm trọng. Trong đó, bảo tồn di tích là chuyên ngành hẹp có tính đặc thù cao, người làm bảo tồn phải có kiến thức chuyên sâu và tận tâm với nghề. Nhưng cho đến nay, Việt Nam chưa hề có cơ sở nào đào tạo cơ bản về lĩnh vực này. Phần lớn nguồn nhân lực cũng không được đào tạo chuyên sâu về bảo tồn mà đào tạo từ nhiều chuyên ngành khác nhau: sử học, khảo cổ học, kiến trúc.... Theo GS.TSKH Lưu Trần Tiêu, Chủ tịch Hội Di sản Văn hóa Việt Nam thì chính những điều này tạo ra “hệ quả là có biểu hiện nhận thức khác nhau về những nguyên tắc, quan điểm bảo tồn di tích”. Thậm chí, dẫn đến lúng túng trong việc xử

---

<sup>31</sup> Nam, Cán bộ, Viện Khảo cổ học (PVS ngày 27/07/2016)

lý những vấn đề bảo tồn di tích, làm ảnh hưởng đến chất lượng bảo tồn, tôn tạo di tích, thậm chí sai lệch, biến dạng yếu tố nguyên gốc của di tích.

Trong khi đó, việc bảo tồn di tích trên mặt đất đã khó, bảo tồn di tích khảo cổ học còn khó khăn hơn. Bởi các di tích này thường nằm sâu dưới lòng đất, sau khi khai quật bị lộ thiên, các di tích bị tác động trực tiếp của môi trường bên ngoài (thời tiết, độ ẩm, ô nhiễm, khói bụi...) nên thường bị khô, nẻ vào mùa khô, đến mùa mưa lại bị thấm nước, xuất hiện nhiều hiện tượng biến màu, rêu mốc, muối hóa... ảnh hưởng đến sự bền vững của di tích. Hiện nay, di tích khảo cổ học ở Việt Nam được bảo tồn dưới 3 hình thức chính: (1) Bảo tồn tại chỗ với tư cách một bảo tàng ngoài trời toàn bộ hay từng bộ phận đơn lẻ (ví dụ như trường hợp của Hoàng thành Thăng Long); (2) Sau khi nghiên cứu, xây dựng hồ sơ khoa học chi tiết về di tích và các sưu tập hiện vật đưa về bảo quản trong kho bảo tàng hoặc tổ chức trưng bày giới thiệu cho công chúng, giải phóng mặt bằng cho việc thi công các công trình xây dựng. Tại địa điểm khảo cổ sẽ dựng bia, biển hoặc đài kỷ niệm ghi dấu lịch sử. (ví dụ như trường hợp đàn Xã Tắc); (3) Bảo tồn tại chỗ một số điểm tiêu biểu, phần còn lại sau khi nghiên cứu xây dựng hồ sơ tư liệu, bảo quản về mặt kỹ thuật sẽ lấp cát để bảo vệ lâu dài. Khi hội tụ đầy đủ các điều kiện sẽ khai quật trở lại để trưng bày, giới thiệu cho công chúng.

Việc lựa chọn phương án bảo tồn như thế nào phụ thuộc rất nhiều vào giá trị di sản và nhu cầu mong muốn tạo dựng đời sống sau khai quật của di sản. Tuy nhiên, việc lựa chọn được phương án thích hợp cho di tích khảo cổ học thường xuyên là đề tài gây nhiều tranh cãi giữa các nhà quản lý và các nhà khoa học, thậm chí là giữa các nhà khoa học bởi mỗi phương án đều có ưu điểm và hạn chế khác nhau và đều đối mặt với sự ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu. Như trường hợp của Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long, ngay bản thân việc bảo tồn như thế nào, bảo tồn bao nhiêu điểm cũng từng gây tranh luận rất lớn giữa các nhà khoa học trong nước cũng như với các nhà khoa học quốc tế bởi chính vì kinh nghiệm và khả năng tài chính hạn chế trong điều kiện Việt Nam về công tác bảo tồn di sản khảo cổ học. Các nhà khoa học Nhật Bản khuyến nghị lấp cát bảo tồn toàn bộ, một số nhà



khoa học lại đề xuất chỉ bảo tồn một số điểm (để giảm thiểu chi phí và do khả năng hạn chế trong điều kiện Việt Nam), cũng có nhà khoa học đề xuất xây bảo tàng tại chỗ, bảo quản toàn bộ khu vực di tích. Tuy nhiên, nhìn lại tình trạng bảo tồn di tích tại Việt Nam hiện nay có thể thấy tồn tại rất nhiều hạn chế, một số di tích sau khi lợp mái che thường bị khô nứt, rêu mốc, ngập lụt (Đoan Môn, Chùa Đọi, Gò Cây Thị...). Thậm chí, không ít trường hợp, lợp mái che xong lại phải lấp lại do điều kiện bảo quản không tốt (di tích Đồng Đậu). Việc gia cố bằng hóa chất (Gò Xoài, Gò Chùa) hay lắp đặt máy đo khí tượng, thiết bị quan trắc theo dõi biến đổi nhiệt độ, độ ẩm (Khu di tích Mỹ Sơn, 18 Hoàng Diệu) cũng chỉ là những biện pháp theo dõi tạm thời, mang tính tức thời nên hiệu quả bảo vệ di tích vẫn còn khá khiêm tốn. Ngoài ra, việc bảo quản di tích ngoài trời trong môi trường điều kiện khí hậu Việt Nam (nhiệt đới gió mùa ẩm, độ ẩm cao, mưa nắng thất thường) vẫn là một thách thức rất lớn, thậm chí ngay cả với các chuyên gia Nhật bản, Bỉ có kinh nghiệm nhiều năm nghiên cứu, bảo tồn di tích, di vật lịch sử cũng công nhận đây là công việc phức tạp, khó khăn. Thêm vào đó, tại Việt Nam hiện nay, mặc dù đã có những bước tiến trong bảo tồn di tích trên mặt đất nhưng vẫn chưa có chuyên gia bảo tồn di sản trong lòng đất và việc bảo tồn di sản khảo cổ học vẫn là vấn đề còn nhiều thách thức ngồn ngộn với các nhà khoa học và các nhà quản lý.

### TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Cũng giống như mọi di sản văn hóa vật thể khác, di sản khảo cổ học với những đặc điểm đặc thù của mình luôn chịu sự thách thức bào mòn của quy luật thời gian trong những tác động chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp của con người. Tuy nhiên, trên thực tế, các di sản khảo cổ học phải đối mặt với nhiều thách thức khó khăn hơn những di sản vật thể khác bởi hạn chế nhận thức của cộng đồng về giá trị của di sản khảo cổ học, sự thiếu quan tâm của người dân địa phương và cộng đồng. Vấn đề bảo tồn đối với di tích khảo cổ học mang tính đặc thù, chuyên biệt nhưng bản thân Việt Nam lại không có kinh nghiệm cũng như nhân sự chuyên môn về bảo tồn khảo cổ học.

Bên cạnh đó, sự phát triển của đời sống xã hội đang đẩy di sản khảo cổ học vào những thách thức, mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển, đặc biệt đối với các di sản trong lòng đô thị. Trong cuộc giằng co ấy, sự thiếu hụt những chính sách bảo vệ, chế tài xử phạt vi phạm đang khiến ưu thế đang nghiêng về phía phát triển, di sản khảo cổ học phải nhường bước cho những ưu tiên về thương mại, kinh tế. Và trong bối cảnh đương đại, việc tìm chỗ đứng trong đời sống hiện nay đang là một thách thức lớn đối với di sản khảo cổ học bởi những “yếu thế” của loại hình di sản đặc biệt này. Mặc dù, trong những năm gần đây, sự nhìn nhận, quan tâm của người dân và các cấp quản lý đến di sản khảo cổ học đã có phần tích cực nhưng để những giá trị của di sản đến gần hơn với cộng đồng vẫn là một chặng đường dài, không những cần sự tuyên truyền, giáo dục giá trị, kiến thức mà còn cần cả những chiến lược, kế hoạch gắn kết lợi ích cộng đồng với khai thác giá trị di sản. Chỉ có như vậy, di sản khảo cổ học mới có thể tạo ra sức sống riêng trong đời sống đương đại đúng với ý nghĩa và giá trị của mình.

## KẾT LUẬN

1. Di sản khảo cổ học là một loại hình di sản văn hóa vật thể đặc biệt mang tính chuyên ngành và đặc thù gắn liền với hoạt động khai quật, nghiên cứu khảo cổ học. Đây cũng là loại hình di sản “mong manh và không thể tái sinh” và dễ bị tổn thương bởi những tác động của môi trường và xã hội. Di sản khảo cổ học cung cấp những bằng chứng vật chất đáng tin cậy góp phần giúp các nhà khoa học và công chúng mở cánh cửa dẫn tới quá khứ.

Trong quá trình phát triển nhận thức về bảo tồn di sản văn hóa vật thể trên thế giới và tại Việt Nam, UNESCO và các chuyên gia, Ủy ban quốc tế chuyên ngành cũng như Quốc hội, Chính phủ Việt Nam, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch cùng các cơ quan, tổ chức chuyên môn đã nỗ lực pháp chế hóa, thể chế hóa nhằm bảo vệ các di sản trước nguy cơ xâm hại từ môi trường thiên nhiên và xã hội. Trong đó, nhiều văn bản quy định có liên quan đến loại hình di sản khảo cổ học cũng đã được soạn thảo và ban hành tạo cơ sở pháp lý quốc tế và quốc gia cho hoạt động nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn loại hình di sản đặc thù này.

2. Hoàng thành Thăng Long là Khu di sản đặc biệt quan trọng của Thủ đô Hà Nội và cả nước, có giá trị nổi bật toàn cầu với bề dày lịch sử 1.300 năm và sự giao thoa các giá trị văn hóa suốt hàng nghìn năm lịch sử. Di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu và Trục chính tâm Hoàng thành Thăng Long tạo thành một quần thể di sản thống nhất, là bộ phận quan trọng nhất của Kinh thành Thăng Long - Kinh đô của quốc gia Đại Việt từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 18. Trải qua thời gian, những lầu son gác tía không còn nữa, nhưng những di tích trên mặt đất và dấu tích còn nằm sâu trong lòng đất đã chứa đựng những giá trị văn hóa vô giá, minh chứng cho sự phát triển liên tục của kinh đô Thăng Long và lịch sử dựng nước, giữ nước hào hùng của dân tộc Việt Nam. Với những giá trị lịch sử văn hóa vô giá, Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt vào năm 2009 và chính thức trở thành Di sản văn hóa thế giới vào năm 2010.

Nhìn lại hành trình tồn tại của Khu di tích Hoàng thành Thăng Long có thể thấy con đường tồn tại của di sản khảo cổ học này đầy gian nan trước những mâu thuẫn trong nhận thức về giá trị và ý nghĩa di sản, trong việc xử lý hài hòa giữa bảo tồn di sản và việc xây dựng Nhà Quốc hội. Trong hành trình đó, sự nhiệt thành, quyết tâm của các nhà khoa học cùng sự vào cuộc đồng lòng của báo chí, nhân dân cũng như sự lắng nghe, điều chỉnh của các bộ ngành, Đảng và Chính phủ là những yếu tố quyết định để giữ lại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long cho các thế hệ tương lai. Bên cạnh đó, cũng không thể phủ nhận những may mắn về thời điểm và vị trí phát lộ của khu di tích Hoàng thành Thăng Long mà Khu di tích được giữ lại toàn vẹn trong lòng thủ đô Hà Nội như một minh chứng cho lịch sử nghìn năm văn hiến của Thăng Long - Hà Nội.

Mặc dù, sau khi trở thành di sản thế giới, công việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị của khu di tích được các nhà khoa học, các nhà quản lý và dư luận xã hội hết sức quan tâm nhưng tất cả mới chỉ nằm ở những bước ban đầu và đang đối mặt với nhiều thách thức. Trên thực tế, sau 5 năm mở cửa đón khách tham quan, lượng khách tham quan đang giảm đi đáng kể. Mặc dù, đơn vị quản lý khu di tích cũng đã cố gắng tổ chức nhiều hoạt động, sự kiện nhưng khu di sản vẫn chưa thực sự thu hút được nhiều sự quan tâm của công chúng đến giá trị di sản. Ngoài ra, do những tác động của môi trường tự nhiên - xã hội, các di tích, di vật đang phải đối mặt với hiện tượng xuống cấp và chưa có giải pháp bảo tồn lâu dài. Nguồn nhân lực thiếu trình độ chuyên môn và tâm huyết cũng đang là một trở ngại lớn trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích. Do đó, việc bảo tồn di sản quý báu này với tư cách một di sản khảo cổ học trong lòng đô thị vẫn luôn là một câu hỏi lớn cần tìm câu trả lời thích đáng.

3. Trong bối cảnh đương đại hiện nay, nhu cầu bảo tồn di sản văn hóa trong đó có di sản khảo cổ học ở nước ta ngày càng trở nên bức thiết. Sự thay đổi của đời sống xã hội, nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng của quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa đang tạo ra những thách thức không nhỏ với các di sản văn hóa. Trong đó, di sản khảo cổ học với sự yếu thế của mình đang phải đối mặt với nhiều thách thức khó

khẩn trong việc tìm ra cách sống phù hợp với đặc điểm đời sống xã hội, trong việc dung hòa giữa nhu cầu bảo tồn di sản và phát triển đô thị. Và dường như, di sản khảo cổ học luôn phải nhường bước trước những nhu cầu phát triển dân sinh bởi sự thiếu hụt các chính sách bảo vệ, nhận thức hạn chế của cộng đồng về giá trị di sản. Mặc dù, các nhà chuyên môn đã đấu tranh gay gắt cho sự tồn tại của di sản khảo cổ học nhưng cho dù tồn tại được trong quá trình phát triển ấy, di sản vẫn phải đối diện với hành trình đi tìm chỗ đứng của mình trong xã hội hiện nay trước sự “xa lạ” của ngành khảo cổ học, sự thiếu quan tâm, lãng quên của người dân, các cấp quản lý thậm chí là sự phủ nhận những giá trị của di sản trước những nhu cầu của cuộc sống hiện đại.

4. Trong những năm gần đây, nhiều di sản khảo cổ học đã được quan tâm và được xếp hạng di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia, thậm chí được đề cử di sản thế giới. Tuy nhiên, từ thực tế hiện nay, có thể thấy để bảo vệ và phát huy tốt di sản khảo cổ học của nước ta, ngoài sự nỗ lực của các cơ quan nghiên cứu và tổ chức quản lý di sản cần phải có sự tham gia tích cực của cộng đồng và sự hiệp lực của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương. Trong đó, mô hình “khảo cổ học cộng đồng” đang manh nha hình thành tại Việt Nam là một xu hướng bảo tồn mới, có hiệu quả tại Đông Nam Á. Qua mô hình này, cộng đồng được làm chủ và được hưởng lợi từ chính di sản khảo cổ; trách nhiệm và quyền lợi song hành trong đời sống thường nhật của người dân giúp cho di tích được bảo vệ và phát huy. Mô hình tăng cường sự tương tác giữa người nghiên cứu khảo cổ với công chúng, phổ biến kiến thức khảo cổ cho mọi người đồng thời rút ngắn khoảng cách, mang những thành tựu của di sản phục vụ đời sống cộng đồng và tìm kiếm sự ủng hộ cũng như đồng cảm của cộng đồng đối với giá trị di sản. Nhưng để có thể thực hiện một cách hiệu quả mô hình ấy, bên cạnh những nỗ lực của giới khoa học thì cần phải có hành lang và cơ sở pháp lý tương thích và những chiến lược, chương trình giáo dục ý thức cộng đồng, nâng cao kiến thức không chỉ cho người dân mà còn cho cả các cấp quản lý cùng các ngành có liên quan. Chỉ có như vậy di sản khảo cổ học mới có được đời sống riêng trong bối cảnh đương đại hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn An, *Hoàng thành Thăng Long và dự án Nhà Quốc hội mới (phần 1)*, [http://www.rfa.org/vietnamese/in\\_depth/The\\_ThangLong\\_Royal\\_Citadel\\_NAn-20071119.html](http://www.rfa.org/vietnamese/in_depth/The_ThangLong_Royal_Citadel_NAn-20071119.html), cập nhật ngày 19/11/2007
2. Hà An, *Đoạn Hoàng thành nhà Lê bị san phẳng: bài học đau xót!*, <http://toquoc.vn/cua-so-van-hoa/doan-hoang-thanh-nha-le-bi-san-phang-bai-hoc-dau-xot-80488.html>, cập nhật ngày 08/07/2010
3. Châu An, *Tiêu hủy ngà voi tại Hoàng thành Thăng Long: Không nên*, <http://baodatviet.vn/chinh-tri-xa-hoi/tin-tuc-thoi-su/tieu-huy-nga-voi-tai-hoang-thanh-thang-long-khong-nen-3305705/>, cập nhật ngày 15/04/2016
4. Nguyễn Văn Anh (2009), *Bảo tồn các di tích khảo cổ học, kinh nghiệm từ vùng Wallonie – Vương quốc Bỉ*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 4), tr.104-106
5. Nguyễn Văn Anh (2010), *Vật liệu kiến trúc Hoàng thành Thăng Long qua 5 năm nghiên cứu*, Tạp chí Khảo cổ học, (số 5), tr.36-42
6. Nguyễn Văn Anh (2011), *Bảo quản, bảo tồn di tích, di vật trong quá trình khai quật, nghiên cứu khảo cổ học và khả năng ứng dụng của nó trong điều kiện khảo cổ học Việt Nam*, Tạp chí Khảo cổ học, (số 1), tr.79-85
7. Hoàng Anh, *Tìm phương án bảo tồn khu khảo cổ 18 Hoàng Diệu: Tôn trọng giá trị lịch sử*, <http://thoibaonganhang.vn/tim-phuong-an-bao-ton-khu-khao-co-18-hoang-dieu-ton-trong-gia-tri-lich-su-20775.html>, cập nhật ngày 22/09/2014
8. Kiều Anh, *Khảo cổ học cộng đồng: Xu hướng mới bảo tồn di sản*, <http://laodong.com.vn/van-hoa/khao-co-hoc-cong-dong-xu-huong-moi-bao-ton-di-san-959.bld>, cập nhật ngày 24/12/2010
9. Thế Anh, *Theo chân những nhà khảo cổ - Kỳ cuối: Nhà khảo cổ trẻ*, <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/phong-su-ky-su/20090820/theo-chan-nhung-nha-khao-co---ky-cuoi-nha-khao-co-tre/332590.html>, cập nhật ngày 20/08/2009
10. Arthur Pedersen (2002), *Tài liệu hướng dẫn về Di sản thế giới: Quản lý du lịch tại các khu di sản thế giới*, Bản dịch của Trung tâm Di sản Thế giới của UNESCO

11. Antoni Nicolau i Marti (2004), *Khu di tích Ba Đình và Hoàng thành Thăng Long, Báo cáo kỹ thuật và những đánh giá bước đầu*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học toàn quốc "Đánh giá giá trị và đề xuất phương án bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội" tổ chức tháng 9/2004, Tư liệu Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành
12. Đặng Văn Bài (2007), *Bảo tồn di sản văn hóa trong quá trình phát triển*, Báo cáo đề dẫn Hội thảo khoa học "Bảo tồn di tích và cuộc sống đương đại" ngày 16/01/2007 tại Hà Nội, <http://dch.gov.vn/pages/news/preview.aspx?n=358&c=61>
13. Đặng Văn Bài (2010), *Tính liên ngành trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 2 (31) - 2010), tr.17-23
14. Đặng Văn Bài (2010), *Quy hoạch và xây dựng đô thị với vấn đề bảo tồn di sản văn hóa*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 1 (30) - 2010), tr.18-21
15. Đặng Văn Bài, *Ý kiến trao đổi về bảo tồn và phát huy di tích đền Thái, Đông Triều, Quảng Ninh*, <http://quydisan.org.vn/y-kien-trao-doi-ve-bao-ton-va-phat-huy-di-tich-den-thai-dong-trieu-quang-ninh-5037253.html>, truy cập ngày 12/06/2016
16. *Báo cáo số 29/BC-CP về Phương án quy hoạch, xây dựng Nhà Quốc hội tại Lô D Khu Trung tâm Chính trị Ba Đình của Bộ trưởng Bộ Xây dựng*
17. *Bị xâm hại: Di tích tâm linh ngàn năm ở Ba Đình kêu cứu*, <http://vov.vn/van-hoa-giai-tri/bi-xam-hai-di-tich-tam-linh-ngan-nam-o-ba-dinh-keu-cuu-361714.vov>, cập nhật ngày 31/10/2014
18. *Các hiến chương quốc tế về bảo tồn và trùng tu (2005)*, Tài liệu dùng trong Hội thảo nhân kỷ niệm 5 năm Di sản Mỹ Sơn, Hội An, Nxb. Xây dựng
19. Phạm Sanh Châu (2011), *Sức sống cho sự tồn tại của di sản Việt Nam*, Tạp chí di sản văn hóa, số 1 (34) – 2011
20. Nguyễn Viết Chức, *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội*, [http://vssr.vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/ngonnguivanhocvanhoa/View\\_Detail.aspx?ItemID=73](http://vssr.vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/ngonnguivanhocvanhoa/View_Detail.aspx?ItemID=73), cập nhật ngày 01/02/2013
21. Nguyễn Viết Cường (2014), *Vấn đề nghiên cứu, áp dụng quy định quốc tế trong thực tiễn bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở nước ta*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 1 (46) - 2014), tr.20-24

22. Nguyễn Viết Cường (2014), *Quản lý bền vững các khu di sản thế giới ở Việt Nam - Định hướng và kế hoạch hành động*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 4 (49) - 2014), tr.24-28
23. *Dấu ấn Thành cổ Thăng Long - Hà Nội*, <http://nguoihanoi.com.vn/>, cập nhật ngày 30/03/2009
24. Nguyễn Thị Anh Đào (2015), *Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa*, Luận văn thạc sỹ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội
25. Cúc Đường, *Người Pháp nhận định: Hoàng thành Thăng Long có thể đón 2,4 triệu du khách/ năm*, <http://thethaovanhoa.vn/van-hoa-giai-tri/nguoi-ph225p-nhan-dinh-ho224ng-th224nh-thang-long-c243-the-d243n-24-trieu-du-kh225ch--nam-n20151123150315216.htm>, cập nhật ngày 23/11/2015
26. GS.TS.KTS Hoàng Đạo Kính: *Có những di sản miễn cưỡng phải “hy sinh”, có di sản phải giữ cho bằng được*, <http://www.baomoi.com/gs-ts-kts-hoang-dao-kinh-co-nhung-di-san-mien-cuong-phai-hy-sinh-co-di-san-phai-giu-cho-bang-duoc/c/10949953.epi>, cập nhật ngày 05/05/2013
27. Thu Hằng, *Vấn đề bảo tồn di tích Hoàng thành Thăng Long*, <http://vi.rfi.fr/vietnam/20141105-thach-thuc-trong-viec-bao-quan-khu-di-tich-hoang-thanh-thang-long>, cập nhật ngày 05/11/2014
28. Trịnh Thị Hòa (2004), *Vài suy nghĩ về vấn đề bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 2 - Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập: truyền thống và hiện đại, Viện KHXH Việt Nam - Đại học Quốc gia Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.407-414
29. Xuân Hồng (2014), *Làm thế nào để hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế*, Kiểm toán Cuối tháng 2014, (số 3), tr.10-12
30. Nguyễn Thế Hùng (2015), *Công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2015*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 1 (50) - 2015), tr.17-20
31. Nguyễn Thế Hùng (2012), *10 năm thực hiện Luật Di sản văn hóa*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 3 (40) - 2012), tr.3-11



32. Nguyễn Quốc Hùng (2003), *Truyền thống dân tộc trong việc bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 3 - 2003), tr.22-29
33. Nguyễn Quốc Hùng (2010), *Bảo tồn di sản khảo cổ học tại Việt Nam – quá khứ, hiện tại và tương lai*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 1 (30) – 2010), tr.89-96
34. Nguyễn Quốc Hùng (2011), *Để di sản khảo cổ - Tiếng vang từ lòng đất ngày càng được bảo tồn tốt hơn*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 2 (35) - 2011), tr.7-14
35. Hoàng Huy, *Di chỉ khảo cổ học Mai Pha đang bị lãng quên*, Báo Lạng Sơn Online, <http://baolangson.vn/tin-bai/Van-hoa-xa-hoi/di-chi-khao-co-hoc-mai-pha-dang-bi-lang-quen/30-30-21197>, cập nhật ngày 09/10/2011
36. Nguyễn Hương, *Hoàng Thành Thăng Long: Di sản văn hóa chờ phát huy*, <http://cinet.vn/articledetail.aspx?articleid=12694&sitepageid=418>, cập nhật ngày 03/08/2012
37. Hà Hương, *Xếp hạng nhiều, giữ được bao nhiêu?*, Báo Tuổi trẻ Online, <http://tuoitre.vn/tin/van-hoa-giai-tri/20140530/xep-hang-nhieu-giu-duoc-bao-nhieu/610074.html>, cập nhật ngày 30/05/2014
38. *Kế hoạch quản lý Di sản thế giới Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long (2010)*, Tài liệu Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành
39. *Kế hoạch quản lý Di sản thế giới Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long (2012)*, Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội, Tài liệu nội bộ
40. Phan Huy Lê (2004), *Di tích thành cổ Thăng Long - Hà Nội, một di sản vô giá, một quyết định sáng suốt*, Tạp chí Xưa và Nay, (số 203 - 204), tr.4-9
41. Phan Huy Lê (2006), *Kiến nghị số 52/HSH của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam*, <http://vnn.vietnamnet.vn/vanhua/chuyende/2006/11/638039/>, cập nhật ngày 27/11/2006
42. Phan Huy Lê (2006), *Vị trí khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu trong cấu trúc thành Thăng Long - Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử*, Tạp chí Khảo cổ học, (số 1/2006), tr.3-24
43. Phan Huy Lê (2007), *Thư gửi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng: Hội trường Ba Đình cần được xếp hạng quốc gia theo Luật di sản văn hoá*, Tạp chí Xưa và Nay, (số 295), tr.9-10

44. Phan Huy Lê (2007), *Càng nghiên cứu, càng nhận thức sâu sắc hơn giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu*, Tạp chí Khảo cổ học, (số 1/2007), tr.54-57
45. *Luật Di sản văn hoá (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb. Lao động, Hà Nội
46. Khánh Linh, *Tôi xin kiến nghị thêm thời gian sửa Luật Di sản*, <http://vnn.vietnamnet.vn/vanhua/2009/05/849877/>, cập nhật ngày 27/05/2009
47. Khánh Linh, *Loay hoay tìm cách bảo tồn Hoàng thành Thăng Long*, <http://vnn.vietnamnet.vn/vanhua/2008/11/815364/>, cập nhật ngày 26/11/2008
48. Thu Linh, *Hà Nội: Quản lý di sản, quy hoạch khảo cổ chưa hết "nóng"*, <http://vov.vn/van-hoa-giai-tri/ha-noi-quan-ly-di-san-quy-hoach-khao-co-chua-het-nong-271736.vov>, cập nhật ngày 20/07/2013
49. Xuân Minh, *Làm sống động Hoàng thành Thăng Long*, <http://baotintuc.vn/du-lich/lam-song-dong-hoang-thanh-thang-long-20141126223902212.htm>, cập nhật ngày 26/11/2014.
50. Đan Nhiễm, *Khảo cổ học với phát triển đô thị: Đi tìm tiếng nói chung*, [http://hanoimoi.com.vn/Ban-in/1000\\_nam\\_thang\\_long/327283/khao-co-hoc-voi-phat-trien-do-thi-di-tim-tieng-noi-chung](http://hanoimoi.com.vn/Ban-in/1000_nam_thang_long/327283/khao-co-hoc-voi-phat-trien-do-thi-di-tim-tieng-noi-chung), cập nhật ngày 08/05/2010
51. Ngọc Ngà, *Quy hoạch khảo cổ: Bỏ ngỏ đến bao giờ?*, Báo Điện tử Đài Tiếng nói Việt Nam, <http://vov.vn/van-hoa-giai-tri/quy-hoach-khao-co-bo-ngo-den-bao-gio-283238.vov>, cập nhật ngày 01/10/2013
52. Phúc Nghệ, *Nếu không có Luật Di sản văn hóa thì không thể có nhiều di sản thế giới như bây giờ!*, <http://www.baovanhoa.vn/DISAN/print-56260.vho>, cập nhật ngày 12/08/2013
53. Mai Nguyên, *Xây cầu vượt qua Đền Xá Tắc: Vượt lên đầu Tổ tiên?*, <http://baodatviet.vn/van-hoa/goc-nhin-van-hoa/201303/Xay-cau-vuot-qua-dan-Xa-Tac-Vuot-len-dau-To-tien-2344200/>, cập nhật ngày 27/03/2013
54. Duy Ngợi, *Nghệ An: Nhói lòng khu di chỉ khảo cổ học thành nơi tập kết rác*, Pháp luật Plus, <http://www.phapluatplus.vn/nghe-an-nhoi-long-khu-di-chi-khao-co-hoc-thanh-noi-tap-ket-rac-d2317.html>

55. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 09 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, Văn bản quy phạm pháp luật, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, <http://www.chinhphu.vn/>, truy cập ngày 02/06/2016
56. Quang Phong, “Nếu Hà Nội làm cầu vượt qua Đàn Xã Tắc, tôi sẽ kiện đến cùng”, <http://dantri.com.vn/xa-hoi/neu-ha-noi-lam-cau-vuot-qua-dan-xa-tac-toi-se-kiem-den-cung-1368516415.htm>, cập nhật ngày 09/05/2013
57. Phạm Quốc Quân (2015), *Bảo tàng và khách tham quan - nhìn từ người ngoài cuộc*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 1 (50) - 2015), tr.97-100
58. Phạm Quốc Quân, *Khảo cổ học cộng đồng: Mô hình còn bỏ ngỏ ở Việt Nam*, <http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-Su-kien-Thanh-tuu-KH-CN/Khao-co-hoc-cong-dong-Mo-hinh-con-bo-ngo-o-Viet-Nam-38333.html>, cập nhật ngày 25/05/2011
59. Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 08 tháng 06 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng Khu di tích Trung tâm Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu thành phố Hà Nội, Văn bản chỉ đạo điều hành, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, <http://www.chinhphu.vn/>
60. Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (tỷ lệ 1/500), Văn bản chỉ đạo điều hành, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, <http://www.chinhphu.vn/>
61. Nguyễn Thanh Sơn, *Ứng xử nào cho phát triển và bảo tồn Hà Nội?*, <http://www.tiasang.com.vn/>, cập nhật ngày 14/06/2010
62. Bùi Hoài Sơn (2013), *Di sản để làm gì và một số câu chuyện quản lý di sản ở Việt Nam*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 3 (44) – 2013), tr.18-22
63. Bùi Hoài Sơn (2010), *Di sản cho ai và câu chuyện về việc tổ chức lễ hội truyền thống ở Việt Nam*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 3 (32) – 2010), tr.10-14
64. Hoàng Sơn, *Sau “tiền lệ” đàn Xã Tắc, còn bao nhiêu di tích sắp bị “xóa sổ”?*, <http://soha.vn/xa-hoi/sau-tien-le-dan-xa-tac-con-bao-nhieu-di-tich-sap-bi-xoa-so-20130529131546894.htm>, cập nhật ngày 30/05/2013

65. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (2012), *Bộ công cụ Hướng dẫn Giảm nghèo thông qua Du lịch (Bản Tiếng Việt)*, Hà Nội
66. Thanh Thanh, *Đàn Xã Tắc có đáng được bảo vệ hay không?*, <http://vov.vn/van-hoa-giai-tri/dan-xa-tac-co-dang-duoc-bao-ve-hay-khong-260948.vov>, cập nhật ngày 08/05/2013
67. Tổng Trung Tín (2013), *Vai trò của khảo cổ học trong bảo tồn di tích*, Tạp chí Di sản văn hóa, (số 2 (43) - 2013), tr.13-16
68. Tổng Trung Tín (chủ biên) (2006), *Hoàng thành Thăng Long*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội
69. Tổng Trung Tín, Bùi Minh Trí (2007): *Về một số dấu tích kiến trúc trong Cẩm thành Thăng Long thời Lý-Trần qua kết quả nghiên cứu khảo cổ học năm 2005-2006*, Tạp chí Khảo cổ học, (số 1/2007), tr. 58-72.
70. Tổng Trung Tín, Bùi Minh Trí (2010), *Thăng Long – Hà Nội lịch sử nghìn năm từ lòng đất*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
71. Bùi Minh Trí, Tổng Trung Tín (2010), *Giá trị nổi bật toàn cầu, tính chân thực và toàn vẹn khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội từ phân tích đánh giá di tích khảo cổ học*, Tạp chí Khảo cổ học, (số 4/2010), tr. 27-41.
72. Bùi Minh Trí (2011), *Gốm Nhật Bản trong hoàng cung Thăng Long*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
73. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia (2003), *Báo cáo về kết luận và kiến nghị của Hội thảo khoa học “Đánh giá giá trị và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị của di tích tại Khu vực xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới)” tổ chức tại Hà Nội ngày 26-27/09/2003*, Hà Nội, Tư liệu Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành
74. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia (2003), *Các ý kiến phát biểu bằng văn bản của các nhà khoa học tại Hội thảo “Đánh giá giá trị và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị của di tích tại Khu vực xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới)” tổ chức tại Hà Nội ngày 26-27/09/2003*, Hà Nội, Tư liệu Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành

75. Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành (2014), *Thông báo khoa học năm 2014*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
76. UBND Thành phố Hà Nội & UBQG UNESCO Việt Nam, *Bảo tồn, phát huy giá trị Di sản thế giới, nhìn từ Hoàng thành Thăng Long*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế năm 2015, tổ chức ngày 23/11/2015 tại Hà Nội
77. UNESCO (1956), *Khuyến nghị UNESCO về các nguyên tắc quốc tế áp dụng cho khai quật khảo cổ (Khuyến nghị New Delhi năm 1956)*, <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Khuyen-ngghi-Unesco-nguyen-tac-quoc-te-ap-dung-cho-khai-quat-khao-co/130954/noi-dung.aspx>
78. UNESCO (2012), *Hướng dẫn Thực hiện Công ước Di sản Thế giới 1972 (Tiếng Việt)*, Hiệu đính và in ấn bởi Văn phòng UNESCO tại Việt Nam
79. UNESCO (2013), *Báo cáo tổng kết Dự án “Bảo tồn Khu Di sản Văn hóa Thăng Long-Hà Nội (2010-2013)”*, Văn phòng UNESCO tại Việt Nam
80. UNESCO, *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972*, Bản dịch của Cục Di sản Văn hóa, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Hiệu đính và in ấn bởi Văn phòng UNESCO tại Việt Nam
81. UNESCO, *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003*, Bản dịch của Cục Di sản Văn hóa, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Hiệu đính và in ấn bởi Văn phòng UNESCO tại Việt Nam
82. UBND Thành phố Hà Nội (2006), *Hồ sơ đăng ký xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu - Hà Nội*, Tư liệu Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành
83. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2004), *Báo cáo về “Đánh giá giá trị và đề xuất phương án bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội”*, Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành
84. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2004), *Báo cáo tổng hợp ý kiến tư vấn quốc tế “Đánh giá giá trị và đề xuất phương án bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, Hà Nội” tổ chức tháng 8/2004*, Hà Nội, Tư liệu Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành

85. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2008), *Nhận diện giá trị Khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004 – 2008)*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế năm 2008, Hà Nội
86. Thiện Văn, *Đồng Đậu - di chỉ khảo cổ học bậc nhất quốc gia bị bỏ quên*, <http://www.baotanglichsu.vn/portal/vi/Tin-tuc/Khao-co-hoc-viet-nam/2011/03/3A921E5F/>, cập nhật ngày 07/03/2011
87. Nguyễn Vũ (2013), *Ai bảo Hà Nội chưa có bản quy hoạch khảo cổ?*, <http://baodatviet.vn/van-hoa/tin-tuc-giai-tri/ai-bao-ha-noi-chua-co-ban-quy-hoach-kaao-co-2346104/>
88. *Archaeological Heritage, The council of europe initiative and the valletta convention (1992) - Tracking down the traces to understand the present*, Council of Europe, <http://www.heritage-watch.com/Valletta%20Convention%20brochure%20.pdf>
89. UNESCO (2010), Decision No. 35 COM 8B.60 - Statements of Outstanding Universal Value for World Heritage properties inscribed at the 34th session of the World Heritage Committee (Brasilia, 2010), <http://whc.unesco.org/en/decisions/4332>
90. UNESCO (2010), *Decision 34COM 8B.22 - Cultural Properties - Central Sector of the Imperial Citadel of Thang Long - Hanoi (Vietnam)*, <http://whc.unesco.org/en/decisions/4001>
91. Valéry Patin, Simone Ricca (2008), *Management plan: The central sector of the Imperial Citadel of Thang Long – Hanoi*, Cooperation program between Hanoi People's Committee and Ile-de-France Region, developed by Regional Committee for Tourism of Paris Ile-de-France
92. *World Heritage List*, <http://whc.unesco.org/en/list/>, on July 27th, 2016

**Phụ lục 1.1: Các di sản văn hóa - thiên nhiên thế giới tại Việt Nam (Tính đến năm 2015)**

**Di sản thiên nhiên**



Vịnh Hạ Long (1994,2000)



Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

**Di sản hỗn hợp**



Quần thể danh thắng Tràng An

**Di sản văn hóa (vật thể)**



Đô thị cổ Hội An (1999)



Khu đền tháp Mỹ Sơn (1999)



Quần thể di tích Cố đô Huế (1993)



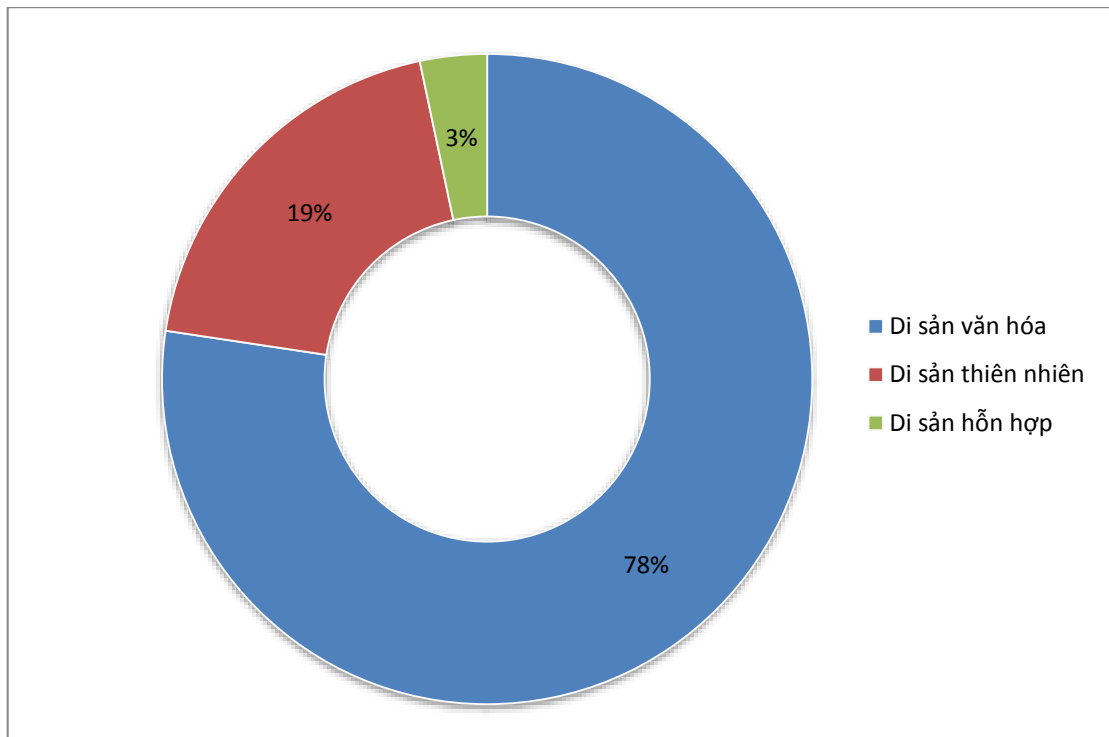
Thành nhà Hồ (2011)



Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (2010)

**Phụ lục 1.2: Số lượng di sản thế giới được UNESCO công nhận (tính đến 7/2016)**

Nguồn: *World Heritage List*, <http://whc.unesco.org/en/list/>



**Phụ lục 1.3: Một số đề tài nghiên cứu chiến lược, ấn phẩm mang tính chuyên sâu của UNESCO và các tổ chức tư vấn quốc tế về lĩnh vực bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới**

- “Chiến lược toàn cầu” và các nghiên cứu chuyên đề về một danh sách di sản thế giới tiêu biểu (1994)
- Đánh giá những nguyên tắc và tiêu chí chung đối với các hồ sơ đề cử các khu di sản thiên nhiên thế giới (1996)
- Báo cáo Chiến lược toàn cầu về kết nối văn hóa và thiên nhiên (2001)
- Quản lý Du lịch tại các khu di sản thế giới: Sổ tay thực hành cho các nhà quản lý di sản thế giới (2002)
- Hướng dẫn quy hoạch quản lý các khu bảo tồn (2003)
- Kết nối giá trị toàn cầu và giá trị địa phương: Quản lý một tương lai bền vững cho di sản thế giới (2004)
- Giám sát di sản thế giới (2004)
- Quản lý nguy cơ thảm họa tại các di sản thế giới (2010)
- Chuẩn bị hồ sơ đề cử di sản thế giới (2010, sửa đổi 2011)
- Quản lý di sản thiên nhiên thế giới (2012)



**Phụ lục 1.4: Các thông tư, quyết định của Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về bảo vệ di sản văn hóa được ban hành từ 2001 - 2012**

+ Nghị định số 92/2002/NĐ ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa (đã hết hiệu lực)

+ Nghị định số 86/2005/NĐ ngày 08 tháng 07 năm 2005 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước

+ Quyết định số 156/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 06 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020

+ Quyết định số 86/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 04 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể hệ thống Bảo tàng thiên nhiên ở Việt Nam đến năm 2020”

+ Chỉ thị số 05/2002/CT-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ cổ vật trong di tích và ngăn chặn đào bới, trục vớt trái phép di chỉ khảo cổ học.

+ Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

+ Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24 tháng 07 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020;

+ Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06 tháng 02 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ban hành Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

+ Quyết định số 09/2004/QĐ-BVHTT ngày 24 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của bảo tàng tư nhân (đã hết hiệu lực)

+ Quyết định số 13/2004/QĐ-BVHTT ngày 01 tháng 04 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin ban hành định mức dự toán bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

+ Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin ban hành Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng

+ Quyết định số 47/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 07 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định về tiêu chuẩn, trách nhiệm của cán bộ và người thực hành bảo quản hiện vật bảo tàng

+ Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ học

+ Chỉ thị số 84/2008/CT-BVHTTDL ngày 03 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo nhằm thúc đẩy sự ra đời, phát triển của các bảo tàng và sưu tập tư nhân

+ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 09 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

+ Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục văn hóa phi vật thể quốc gia

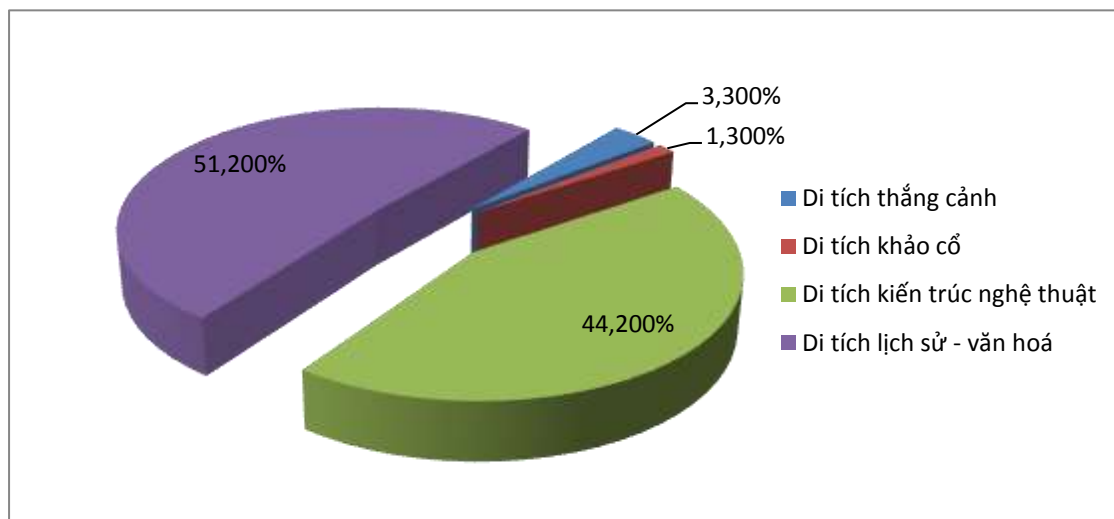
+ Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục công nhận bảo vật quốc gia

+ Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng

+ Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 07 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh

+ Thông tư số 22/2011/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện thành lập và hoạt động của cơ sở giám định cổ vật

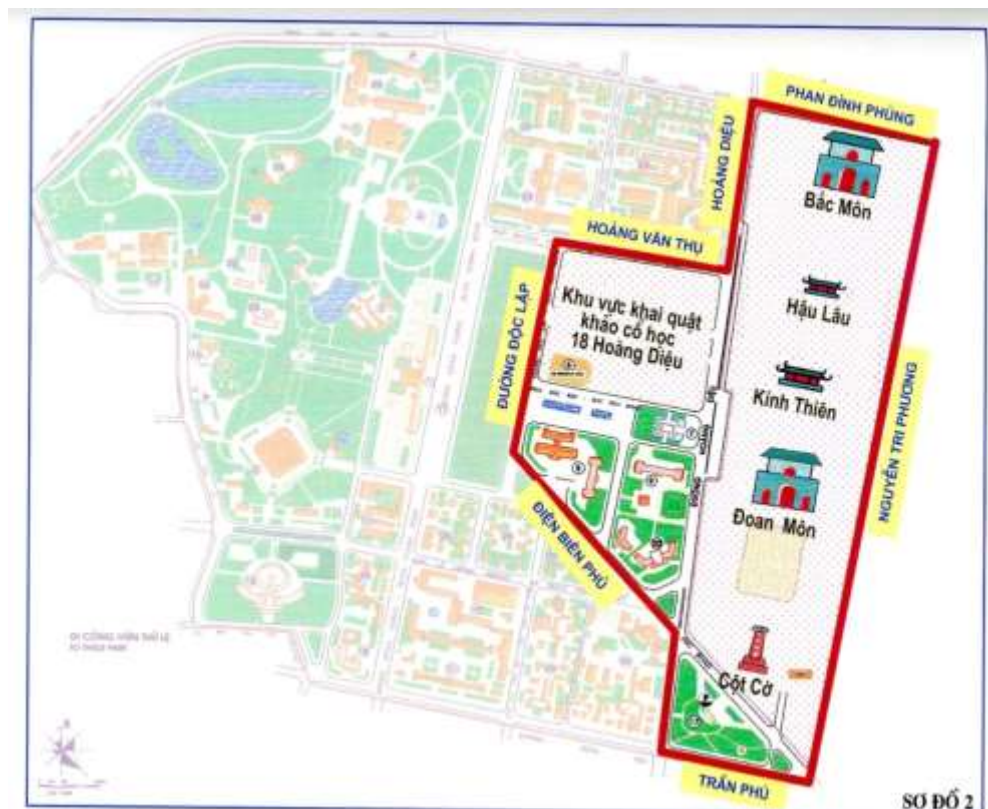
**Phụ lục 1.5: Số lượng các loại hình di tích được xếp hạng di tích cấp quốc gia (tính đến năm 2010)** (Nguồn: Di tích Việt Nam, <https://vi.wikipedia.org/wiki/>)



**Phụ lục 2.1: Mặt bằng tổng thể Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (bao gồm vùng lõi và vùng đệm)** (Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành)



**Phụ lục 2.2: Vị trí và ranh giới cùng các di tích tiêu biểu của Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội** (Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành)



**Phụ lục 2.3: Mặt bằng tổng thể hiện trạng Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội** (Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành)





**Phu lục 2.4: Di tích Kỳ đài/Cột cờ Hà Nội (Nguồn: Internet)**





**Phụ lục 2.5: Di tích Đoàn Môn (Nguồn: Internet)**



**Phụ lục 2.6: Di tích Nền Điện Kính thiên (Nguồn: Internet)**



**Phụ lục 2.7: Bắc Môn hay Cửa Bắc (Nguồn: Internet)**





**Phụ lục 2.8: Di tích Hậu Lâu hay Lầu công chúa (Nguồn: Internet)**



**Phụ lục 2.9: Nhà và hầm D67 (Nguồn: Nguyễn Thị Anh Đào)**



**Phụ lục 2.10: Cổng hành cung thời Nguyễn (Nguồn: Internet)**





**Phụ lục 2.11: Các di tích, di vật phát hiện được tại khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu**  
 (Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành)





**Phụ lục 2.12: Khu di tích Khảo cổ học 18 Hoàng Diệu (Nguồn: Internet)**



**Phụ lục 2.13: Các phòng trưng bày phục vụ quảng bá giá trị di tích (Nguồn: Nguyễn Thị Anh Đào)**



## **Phụ lục 2.14: Danh sách các quy định quốc gia và quốc tế về bảo vệ Khu trung tâm**

### **Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội**

#### **\* Các quy định của nhà nước về bảo vệ khu di sản**

- Quyết định số 100/VH-QĐ ngày 21/01/1989 của Bộ Văn hóa – Thông tin về việc Công nhận Kỳ đài là Di tích cấp quốc gia

- Quyết định số 22/1999/QĐ-BVHTT ngày 06/04/1999 của Bộ Văn hóa – Thông tin về việc Công nhận di tích Lịch sử - Kiến trúc nghệ thuật của Thành cổ Hà Nội (địa điểm Đuan Môn, Hậu Lâu, Bắc Môn).

- Quyết định số 162/2007/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2007 của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch về việc xếp hạng di tích quốc gia Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội.

- Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 12/08/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng mặt bằng khu di tích Trung tâm Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 08/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch bảo tồn Khu di tích 18 Hoàng Diệu và Khu thành cổ thành Công viên văn hóa - lịch sử

- Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 08/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Tổng mặt bằng Khu di tích Trung tâm Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu, thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 1647/QĐ-TTg ngày 01/11/2012 về phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch Chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (Tỷ lệ 1/500)

- Quyết định số 975/QĐ-BXD ngày 21/08/2015 của Bộ Xây dựng về Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (tỷ lệ 1/500)

Khu vực vùng đệm được bảo vệ bởi:

- Quyết định số 543/QĐ-TTg ngày 08/07/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu Trung tâm chính trị Ba Đình, Hà Nội

- Quyết định số 68/2000/QĐ-UB ngày 14/07/2000 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quy hoạch Chi tiết Quận Ba Đình – Hà Nội, tỉ lệ 1/2000 (phần quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông).

#### **\* Các quy định quốc tế về bảo vệ khu di sản**

- Nghị quyết số 34 năm 2010 (34COM8B.22) là Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp lần thứ 34 của Ủy ban Di sản Thế giới ngày 31/07/2010 tại Brasilia (Brazil) về việc Công nhận Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội là Di sản Thế giới đáp ứng các tiêu chí (ii), (iii) và (vi).

- Nghị quyết số 35 năm 2011 (35COM8B.60) là Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp lần thứ 35 của Ủy ban Di sản Thế giới ngày 29/06/2011 tại Paris (Pháp) về việc thông qua các tuyên bố giá trị nổi bật toàn cầu của Khu di sản thế giới Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội.



## Phụ lục 2.15: Một số hội thảo tiêu biểu về Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long đã được tổ chức từ năm 2008 đến 2015

1. Hội thảo quốc tế “Nhận diện giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004-2008)” năm 2008
2. Hội nghị “Tăng cường kết nối du lịch di sản Hoàng thành Thăng Long” năm 2012
3. Tọa đàm Khoa học quốc tế “Đánh giá kết quả nghiên cứu di tích kiến trúc khu A - B, Khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 6 năm nghiên cứu 2008 - 2012” năm 2013
4. Tọa đàm khoa học “Ấn tín Sắc mệnh chi bảo” tại Hoàng thành Thăng Long năm 2015
5. Hội thảo khoa học quốc tế “Bảo tồn, phát huy giá trị di sản thế giới nhìn từ Hoàng thành Thăng Long” năm 2015



1



2



3



4



5

**Phụ lục 2.16: Một số sự kiện được tổ chức tại Hoàng thành Thăng Long trong những năm qua (Nguồn: Internet)**



1 -2. Lễ hội Hoa Anh đào 2015 & 2016



3. Hội sách năm 2014



4. Lễ hội bảo vệ tê giác (Wildfest)



3. Ngày lễ Phật Đản tại Hoàng thành Thăng Long



4. Chương trình Ký ức Hà Nội năm 2015



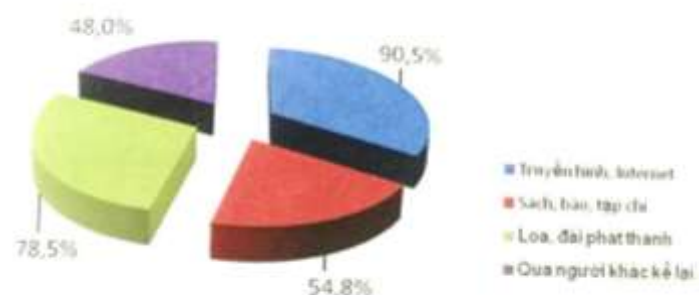
**Phụ lục 2.17: Phần lớn các bạn trẻ đến với Hoàng thành Thăng Long để chụp ảnh kỷ yếu hoặc chụp ảnh cưới**



**Phụ lục 2.18: Mức độ phổ biến khu di sản Hoàng thành Thăng Long ở khu dân cư**  
(Nguồn: Khảo sát đánh giá các giá trị kinh tế, xã hội khu di sản trung tâm Hoàng thành Thăng Long trong bối cảnh hiện nay)



**Phụ lục 2.19: Nguồn thông tin về khu di sản Hoàng thành Thăng Long**  
(Nguồn: Khảo sát đánh giá các giá trị kinh tế, xã hội khu di sản trung tâm Hoàng thành Thăng Long trong bối cảnh hiện nay)





**Phụ lục 2.20: Hình ảnh khu C - D của Khu di tích khảo cổ học Hoàng thành Thăng Long bị công trình Nhà Quốc hội xâm hại năm 2014 (các hố khai quật ngập nước, nhà vệ sinh nằm ngay trên khu vực hố khai quật)**





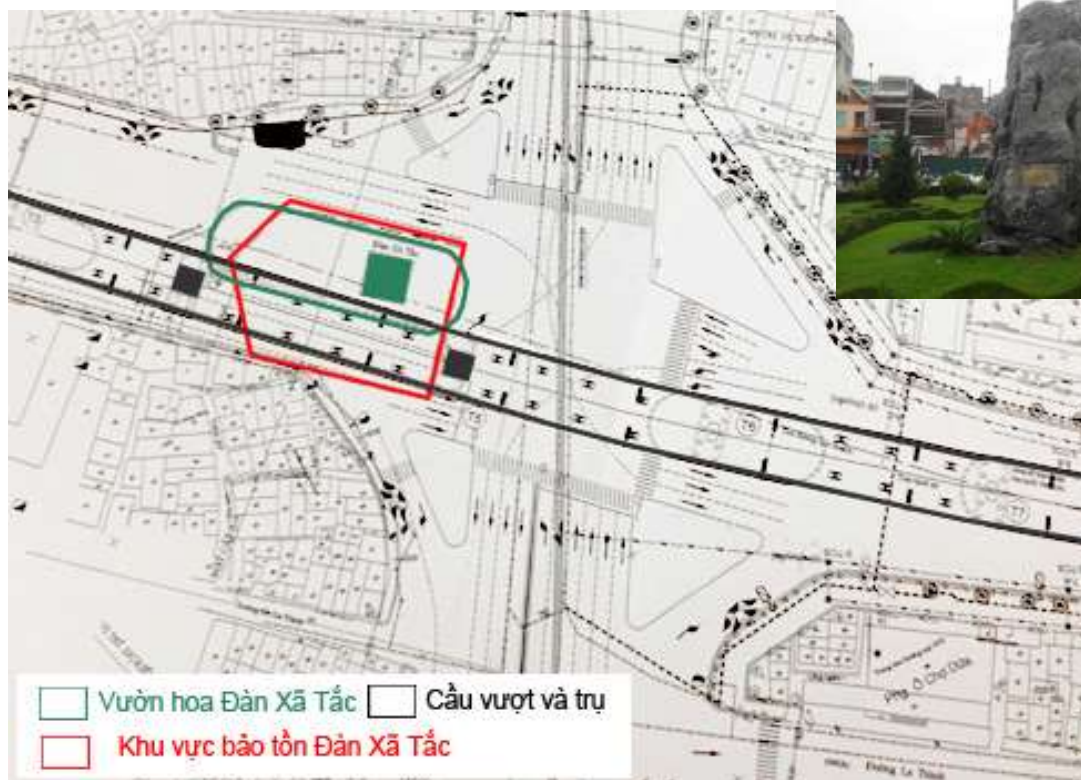
**Phụ lục 2.21: Các phương án kiến trúc bảo tồn Khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu năm 2014**

*(Nguồn: Internet)*





**Phụ lục 3.1: Di tích Đàn Xã tắc hiện nay và phương án cầu vượt gây tranh cãi năm 2013**



**Phụ lục 3.2: Di tích Cồn Diếp (Nghệ An) bị bỏ hoang, cỏ mọc um tùm và trở thành nơi tập kết rác thải**



**Phụ lục 3.3: Bảng thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành khảo cổ học, giai đoạn 2010 - 2016** (Nguồn: Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH&NV Hà Nội)

| Năm tốt nghiệp | Khóa | Niên khóa | SL ngành KCH tốt nghiệp theo năm |
|----------------|------|-----------|----------------------------------|
| Năm 2016       | K57  | 2012-2016 | 5                                |
| Năm 2015       | K56  | 2011-2015 | 5                                |
| Năm 2014       | K55  | 2010-2014 | 4                                |
| Năm 2013       | K54  | 2009-2013 | 7                                |
| Năm 2012       | K53  | 2008-2012 | 3                                |
| Năm 2011       | K52  | 2007-2011 | 4                                |
| Năm 2010       | K51  | 2006-2010 | 6                                |
| <b>Tổng</b>    |      |           | <b>34</b>                        |

**Phụ lục 3.4: Tác động của môi trường đến các di tích/di vật khảo cổ học (ví dụ từ trường hợp của Hoàng thành Thăng Long)** (Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành)



1. Hiện tượng muối hóa



2. Hiện tượng nứt nẻ đất



3. Hiện tượng rêu mốc trên bề mặt di tích

### Phụ lục 3.5: Danh sách các di tích quốc gia đặc biệt của Việt Nam (tính đến năm 2015)

(Nguồn: <https://vi.wikipedia.org/>)

| STT | Tên di tích                                         | Địa điểm                                                                                      | Loại hình di tích                       | Năm công nhận | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long-Hà Nội         | Quận Ba Đình, Hà Nội                                                                          | Di tích lịch sử và khảo cổ              | 2009          | Di sản thế giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2   | Vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng                     | <a href="#">Huyện Bố Trạch và Minh Hóa, Quảng Bình</a>                                        | Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh  | 2009          | Di sản thế giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 3   | <a href="#">Chiến trường Điện Biên Phủ</a>          | Thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên và Tuần Giáo, Điện Biên                              | Di tích lịch sử                         | 2009, 2015    | Năm 2015, bổ sung 23 địa điểm vào di tích đã được xếp hạng năm 2009                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4   | Quần thể di tích Cố đô Huế                          | Thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, huyện Phú Vang và Phú Lộc, Thừa Thiên-Huế | Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật | 2009          | Di sản thế giới<br>Di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại Nhã Nhạc, Âm nhạc cung đình Việt Nam<br>Di sản tư liệu khu vực châu Á-Thái Bình Dương Châu bản Triều Nguyễn<br>Lưu giữ Bảo vật quốc gia Cửu đỉnh, Cửu vị thần công, Đại Hồng Chung chùa Thiên Mụ, Áo tể giao, Ngai vua triều Nguyễn, Bộ sưu tập Vạc đồng thời chúa Nguyễn, Bia Khiêm Cung Ký |
| 5   | Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch  | Quận Ba Đình, Hà Nội                                                                          | Di tích lịch sử                         | 2009          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 6   | <a href="#">Dinh Độc Lập</a>                        | Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh                                                                 | Di tích lịch sử                         | 2009          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 7   | <a href="#">Đền Hùng</a>                            | Thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao và Phú Ninh, Phú Thọ                                       | Di tích lịch sử                         | 2009          | Lưu giữ Bảo vật quốc gia Trống đồng Đền Hùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 8   | <a href="#">Đô thị cổ Hội An</a>                    | Thành phố Hội An, Quảng Nam                                                                   | Di tích kiến trúc nghệ thuật            | 2009          | Di sản thế giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 9   | <a href="#">Khu đền tháp Mỹ Sơn</a>                 | Huyện Duy Xuyên, Quảng Nam                                                                    | Di tích kiến trúc nghệ thuật            | 2009          | Di sản thế giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 10  | <a href="#">Vịnh Hạ Long</a>                        | Thành phố Hạ Long và Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, Quảng Ninh                                       | Danh lam thắng cảnh                     | 2009          | Di sản thế giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 11  | <a href="#">Cố đô Hoa Lư</a>                        | Huyện Hoa Lư, <a href="#">Ninh Bình</a>                                                       | Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật | 2012          | Di sản thế giới (Thuộc <a href="#">Quần thể danh thắng Tràng An</a> )<br>Lưu giữ Bảo vật quốc gia Cột đá kinh Phật <a href="#">chùa Nhất Trụ</a>                                                                                                                                                                                                                  |
| 12  | Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại Mỹ Hòa Hưng | Thành phố Long Xuyên, An Giang                                                                | Di tích lịch sử                         | 2012          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 13  | Căn cứ Trung ương cục miền Nam                      | Huyện Tân Biên, Tây Ninh                                                                      | Di tích lịch sử                         | 2012          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 14  | Nhà tù Côn Đảo                                      | Huyện Côn Đảo, Bà Rịa - Vũng Tàu                                                              | Di tích lịch sử                         | 2012          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 15  | Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế                   | Huyện Yên Thế, Việt Yên, Tân Yên và Yên Dũng, Bắc Giang                                       | Di tích lịch sử                         | 2012          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |



| STT | Tên di tích                                    | Địa điểm                                                           | Loại hình di tích                                | Năm công nhận       | Ghi chú                                                                                                              |
|-----|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16  | Pác Bó                                         | Huyện Hà Quảng, Cao Bằng                                           | Di tích lịch sử                                  | 2012                |                                                                                                                      |
| 17  | Lam Kinh                                       | Huyện Thọ Xuân và Ngọc Lặc, Thanh Hóa                              | Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật          | 2012                | Lưu giữ Bảo vật quốc gia Bia Vĩnh Lăng Lam Kinh và Bia Khôn Nguyên Chí Đức Chi Bi                                    |
| 18  | Tân Trào                                       | Huyện Sơn Dương và Yên Sơn, Tuyên Quang                            | Di tích lịch sử                                  | 2012                |                                                                                                                      |
| 19  | Thành nhà Hồ                                   | Huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa                                          | Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ | 2012                | Di sản thế giới                                                                                                      |
| 20  | Tràng An - Tam Cốc - Bích Động                 | Thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư, Gia Viễn và Nho Quan, Ninh Bình | Danh lam thắng cảnh                              | 2012                | Di sản thế giới (Thuộc Quần thể danh thắng Tràng An)                                                                 |
| 21  | Văn Miếu - Quốc Tử Giám                        | Quận Ba Đình và Đống Đa, Hà Nội                                    | Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật          | 2012                | Lưu giữ Bảo vật quốc gia và Di sản tư liệu thế giới 82 Bia tiến sĩ các khoa thi triều Lê-Mạc ở Văn Miếu-Quốc Tử Giám |
| 22  | Yên Tử                                         | Thành phố Uông Bí và thị xã Đông Triều, Quảng Ninh                 | Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh           | 2012                | Đề cử Di sản thế giới (Nằm trong Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử)                                              |
| 23  | Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Kim Liên | Huyện Nam Đàn, Nghệ An                                             | Di tích lịch sử                                  | 2012                |                                                                                                                      |
| 24  | Cổ Loa                                         | Huyện Đông Anh, Hà Nội                                             | Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ | 2012                |                                                                                                                      |
| 25  | An toàn khu (ATK) Định Hóa                     | Huyện Định Hóa, Thái Nguyên                                        | Di tích lịch sử                                  | 2012                |                                                                                                                      |
| 26  | Đền Trần và Chùa Phổ Minh                      | Thành phố Nam Định, Nam Định                                       | Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật          | 2012                | Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ hội đền Trần                                                                  |
| 27  | Bạch Đằng                                      | Thị xã Quảng Yên và thành phố Uông Bí, Quảng Ninh                  | Di tích lịch sử                                  | 2012                |                                                                                                                      |
| 28  | Chùa Keo                                       | Huyện Vũ Thư, Thái Bình                                            | Di tích kiến trúc nghệ thuật                     | 2012                |                                                                                                                      |
| 29  | Côn Sơn-Kiếp Bạc                               | Thị xã Chí Linh, Hải Dương                                         | Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật          | 2012                | Lưu giữ Bảo vật quốc gia Bia "Thanh Hư Động"<br>Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ hội Kiếp Bạc, Lễ hội Côn Sơn  |
| 30  | Khu lưu niệm Nguyễn Du                         | Huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh                                           | Di tích lịch sử                                  | 2012                |                                                                                                                      |
| 31  | Óc Eo-Ba Thê                                   | Huyện Thoại Sơn, An Giang                                          | Di tích kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ          | 2012                | Dự kiến đề cử Di sản thế giới                                                                                        |
| 32  | Gò Tháp                                        | Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp                                         | Di tích kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ          | 2012                |                                                                                                                      |
| 33  | Hồ Ba Bể                                       | Huyện Ba Bể, Bắc Kạn                                               | Danh lam thắng cảnh                              | 2012                | Đề cử Di sản thế giới                                                                                                |
| 34  | Vườn quốc gia Cát Tiên                         | Đồng Nai-Bình Phước-Lâm Đồng                                       | Danh lam thắng cảnh                              | 2012                | Đề cử Di sản thế giới                                                                                                |
| 35  | Đường Trường                                   | Nghệ An-Hà Tĩnh-Quảng                                              | Di tích lịch sử                                  | 2013 <sup>[4]</sup> |                                                                                                                      |

| STT | Tên di tích                                                                | Địa điểm                                                                            | Loại hình di tích                       | Năm công nhận | Ghi chú                                                                                 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Sơn-Đường Hồ Chí Minh                                                      | Bình-Quảng Trị-Thừa Thiên-Huế-Quảng Nam-Kon Tum-Gia Lai-Đắk Lắk-Đắk Nông-Bình Phước |                                         |               |                                                                                         |
| 36  | Đền Hai Bà Trưng                                                           | Huyện Mê Linh, Hà Nội                                                               | Di tích lịch sử                         | 2013          | Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ hội đền Hai Bà Trưng tại Mê Linh                 |
| 37  | Đền Hát Môn                                                                | Huyện Phúc Thọ, Hà Nội                                                              | Di tích lịch sử                         | 2013          | Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ hội Hát Môn                                      |
| 38  | Khu di tích nhà Trần tại Đông Triều                                        | Thị xã Đông Triều, Quảng Ninh                                                       | Di tích lịch sử                         | 2013          | Đề cử Di sản thế giới (Nằm trong Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử)                 |
| 39  | Rừng Trần Hưng Đạo                                                         | Huyện Nguyên Bình, Cao Bằng                                                         | Di tích lịch sử                         | 2013          |                                                                                         |
| 40  | Đôi bờ Hiền Lương-Bến Hải                                                  | Huyện Gio Linh và Vĩnh Linh, Quảng Trị                                              | Di tích lịch sử                         | 2013          |                                                                                         |
| 41  | Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972 | Thị xã Quảng Trị, huyện Triệu Phong và Hải Lăng, Quảng Trị                          | Di tích lịch sử                         | 2013          |                                                                                         |
| 42  | Chiến thắng Chương Thiện                                                   | Thành phố Vị Thanh và huyện Long Mỹ, Hậu Giang                                      | Di tích lịch sử                         | 2013          |                                                                                         |
| 43  | Đền Phù Đổng                                                               | Huyện Gia Lâm, Hà Nội                                                               | Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật | 2013          | Di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại Hội Gióng tại Đền Sóc và Đền Phù Đổng |
| 44  | Hồ Hoàn Kiếm và Đền Ngọc Sơn                                               | Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                              | Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh  | 2013          |                                                                                         |
| 45  | Đình Tây Đằng                                                              | Huyện Ba Vì, Hà Nội                                                                 | Di tích kiến trúc nghệ thuật            | 2013          |                                                                                         |
| 46  | Chùa Bút Tháp                                                              | Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh                                                         | Di tích kiến trúc nghệ thuật            | 2013          | Lưu giữ Bảo vật quốc gia Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay chùa Bút Tháp                |